

# PHẬT THUYẾT ĐẠI CA DIẾP VẤN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP KINH

## Quyển Thứ Nhất

*Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 352*

Hán dịch: Đại sư Thích Hộ

Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiền

Việt dịch: Thích Quang Chánh (03-2007)

Biên tập: Thích Phước Nghiêm



**Tuệ Quang Wisdom Light Foundation**

**PO Box 91748, Henderson, NV 89009**

**Website <http://www.daitangvietnam.com>**

**Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)**

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 352 《佛說大迦葉問大寶積正法經》

【Kinh văn tư tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 352 《Phật thuyết Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh》

【Kinh văn tư tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 352 《Phật nói Đại ca lá hỏi Đại Bảo-Tích chánh Pháp Kinh》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1.10 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/14

【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.10 (UTF-8) phổ cập bản, hoàn thành nhật kỳ: 2004/11/14

【bản gốc kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.10 (UTF-8) khắp cùng bản, hoàn thành ngày: 2004/11/14

【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【biên tập thuyết minh】bốn tư liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【biên tập thuyết minh】gốc tư liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

【nguyên thủy tư liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chỉ cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung

【nguyên thủy tư liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại-Đức đề cung chỉ cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung

【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】bốn tư liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tường tế nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tư liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】gốc tư liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông, rõ ràng nhỏ nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tư liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

### 佛說大迦葉問大寶積正法經

Phật thuyết Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh  
KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI CA DIẾP VẤN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP

#### 卷第一

quyển đệ nhất  
Quyển Thứ Nhất

西天譯經三藏朝散大夫試鴻臚少卿傳法大師臣施護奉詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triêu tán Đại phu thí hồng lu thiếu khanh truyền Pháp  
Đại sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch truyện

Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triêu Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Thiếu Khanh  
Truyền Pháp Đại Sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch.

如是我聞。一時佛在王舍城鷲峯山中。

như thị ngã văn. nhất thời Phật tại Vương xá thành Thú Phong sơn trung.  
Tôi nghe như vậy, một thuở nọ Phật trên núi Linh Thú, thuộc thành Vương Xá

與大比丘眾八千人俱。菩薩一萬六千。

dữ Đại Tỳ-kheo chúng bát thiên nhân câu. Bồ-tát nhất vạn lục thiên  
cùng chúng đại Tỳ-kheo tám ngàn vị, Bồ-tát một vạn sáu ngàn

及一生獲得無上正等正覺。種種佛刹皆來集會。

cập nhất sanh hoạch đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác. chúng chúng Phật sát giai lai tập hội.

còn một đời sẽ đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Dù thú giống loài trong các cõi Phật đều đến hội họp.

爾時尊者大迦葉波。在大眾中安詳而坐。

nhĩ thời Tôn-Giả Đại Ca-diếp-ba. tại Đại chúng trung an tường nhi tọa.  
Lúc đó, Tôn giả đại Ca-diếp-ba đang ngồi an tường ở trong đại chúng.

爾時世尊。告迦葉言。有四種法。

nhĩ thời Thế tôn. cáo Ca-diếp ngôn. hữu tứ chúng Pháp.

Bây giờ Thế Tôn bảo Ca-diếp rằng: Có bốn thứ pháp

破壞菩薩智慧。迦葉白言。四種法者。其義云何。

phá hoại Bồ-tát trí tuệ. Ca-diếp bạch ngôn. tứ chúng Pháp giả. kỳ nghĩa vân hà.  
phá hoại trí tuệ Bồ-tát. Ca-diếp bạch rằng: Bốn thứ pháp ấy nghĩa nó thế nào?

四種法者。一者於佛教法而生輕慢。

tứ chúng Pháp giả. nhất giả ư Phật giáo Pháp nhi sanh khinh mạn.

Bốn thứ pháp là: Một là đối trong giáo pháp của Phật mà sanh khinh mạn.

二者於法師處憎嫉法師。三者隱藏正法令不見聞。

nhị giả ư Pháp sư xử tăng tật Pháp sư. tam giả ẩn tàng chánh Pháp linh bất kiến văn.

Hai là đối với Pháp sư mà ganh ghét Pháp sư. Ba là che giấu chánh pháp không cho người khác thấy nghe.

四者他欲樂法數數障礙。瞋恚斷善覆蓋不說。

tứ giả tha dục lạc Pháp số số chướng ngại. sân khuê đoạn thiện phúc cái bất thuyết.

Bốn là người khác ưa muốn pháp mình lại hay ngăn chướng, sân giận, đoạn căn lành, che giấu không nói,

誑賺他人唯自求利。迦葉。如是四種。

cuống trảm tha nhân duy tự cầu lợi. Ca-diếp. như thị tứ chúng.

đối gạt người khác, chỉ cầu lợi cho mình. Nay Ca-diếp! Bốn thứ pháp như vậy

是名壞滅菩薩智慧。我今於此。重說頌曰。

thị danh hoại diệt Bồ-tát trí tuệ. ngã kim ư thử. trọng thuyết tụng viết  
gọi là hoại diệt trí tuệ Bồ-tát. Nay Ta ở trong đây mà nói lại tụng rằng:

若人慢佛法

nhược nhân mạn Phật Pháp  
Nhu người mạn Phật pháp

樂法作隱藏

lạc Pháp tác ẩn tàng  
Thích pháp mà che giấu

瞋怒斷善根

sân nộ đoạn thiện căn  
Sân hận đoạn căn lành

愛樂誑賺他

ái lạc cuống trảm tha  
Ưa thích đối gạt người

我說此四法

ngã thuyết thử tứ Pháp  
Ta nói bốn pháp đây

四法如是故

tứ Pháp như thị cố  
Bốn thứ pháp như vậy

佛告迦葉波。有四最上法觀。增長菩薩大智。

Phật cáo Ca-diếp-ba. hữu tứ tối thượng Pháp quán. tăng trưởng Bồ-tát Đại trí.  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn pháp quán tối thượng làm tăng trưởng đại trí Bồ-tát.

迦葉白言。是義云何。此四法者。

Ca-diếp bạch ngôn, thị nghĩa vân hà, thù tứ Pháp giả,

Ca-diếp bạch rằng: Bốn pháp này nghĩa nó thế nào?

一者於佛教法深生尊重。二者於法師處勿生輕慢。

nhất giả ư Phật giáo Pháp thâm sanh tôn trọng, nhị giả ư Pháp sư xử vật sanh khinh mạn,

Một là sanh tâm tôn trọng đối với giáo pháp của Phật. Hai là không sanh khinh mạn đối với Pháp sư.

三者如聞得法為他解說。

tam giả như văn đắc Pháp vị tha giải thuyết.

Ba là như nghe được pháp thì phải vì người giải nói,

起正直心不求一切利養。四者稱讚多聞增長智慧。

khởi chánh trực tâm bất cầu nhất thiết lợi dưỡng, tứ giả xưng tán đa văn tăng trưởng trí tuệ.

khởi tâm chánh trực, không cầu tất cả lợi dưỡng. Bốn là khen ngợi đa văn, tăng trưởng trí tuệ,

一向正心如聞受持。行真實行而不妄語。迦葉。此四種法。

nhất hướng chánh tâm như văn thọ trì, hành chân thật hành nhi bất vọng ngữ, Ca-diếp, thù tứ chủng Pháp.

tâm chỉ hướng về một nơi, như chỗ nghe được mà thọ trì, hành hạnh chân thật mà không nói dối. Nay Ca-diếp! Bốn thứ pháp này

增長菩薩大智慧故。我今於此。重說頌曰。

tăng trưởng Bồ-tát Đại trí tuệ cố, ngã kim ư thử, trọng thuyết tụng viết.

làm tăng trưởng đại trí tuệ của Bồ-tát. Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng rằng:

尊重於佛法

tôn trọng ư Phật Pháp

Tôn trọng giáo pháp Phật

如聞為他說

như văn vị tha thuyết

Như nghe vì người nói

亦不要稱揚

diệc bất yếu xưng dương

Cũng không cần khen ngợi

多聞生智慧

đa văn sanh trí tuệ

Nghe nhiều sanh trí tuệ

持已依法行

trì dĩ y Pháp hành

Trì xong nương pháp hành

是彼法師行

thị bỉ Pháp sư hành

Nên đối Pháp sư kia

四法可為師

tứ Pháp khả vi sư

Bốn pháp xứng làm Thầy

佛告大迦葉。有四法具足。迷障菩薩菩提心。

Phật cáo Đại Ca-diếp, hữu tứ Pháp cụ túc, mê chướng Bồ-tát Bồ-đề tâm,

Phật bảo đại Ca-diếp: Có cả thầy bốn pháp làm ngăn chướng tâm Bồ-đề của Bồ-tát.

迦葉白言。云何四法迷障菩提心。此四法者。

Ca-diếp bạch ngôn, vân hà tứ Pháp mê chướng Bồ-đề tâm, thù tứ Pháp giả,

Ca-diếp bạch rằng: Thế nào gọi là bốn pháp ngăn chướng tâm Bồ-đề? Bốn pháp đó là:

一者所有阿闍梨師及諸善友。

nhất giả sở hữu A-xà-Lê sư cập chư thiện hữu,

Một là các vị A-xà-lê su cùng các bạn lành

行德尊重反生毀謗。二者他善增盛於彼破滅。

hành đức tôn trọng phản sanh hủy báng. nhị giả tha thiện tăng thịnh u bi phá diệt có đức hạnh đáng tôn trọng lại phi báng. Hai là người khác lớn mạnh điều lành lại vì kia mà phá diệt.

三者若諸眾生行大乘行。而不稱讚妄言謗毀。

tam giả nhược chư chúng sanh hành Đại thừa hành. nhi bất xưng tán vọng ngôn báng hủy.

Ba là thấy chúng sanh hành hạnh Đại thừa đã không khen ngợi tán thán lại vọng nói lời chê bai.

四者棄背正心邪妄分別。如是迦葉。

tứ giả khí bối chánh tâm tà vọng phân biệt. như thị Ca-diếp.

Bốn là bội bỏ chánh tâm mà tà vọng phân biệt. Như vậy này Ca-diếp!

此四種法迷障菩薩菩提心我今於此。重說頌曰。

thử tứ chủng Pháp mê chướng Bồ-tát Bồ-đề tâm ngã kim u thử. trọng thuyết tụng viết.

Bốn thứ pháp này làm ngăn chướng tâm Bồ-đề của Bồ-Tát. Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng rằng:

闍梨師善友

Xà-lê su thiện hữu

A-lê su thiện hữu

不行恭敬心

bất hành cung kính tâm

Tâm đã không cung kính

他善增熾盛

tha thiện tăng sí thịnh

Người hưng thịnh điều lành

菩提大行人

Bồ-đề Đại hành nhân

Người Bồ-đề đại hạnh

棄背正真心

khí bối chánh chântâm

Bội bỏ tâm chánh trực

如斯四惡行

như tu tứ ác hành

Bốn ác hành như vậy

是故此四法

thị cố thử tứ Pháp

Vì vậy bốn pháp đây

無此四過者

vô thử tứ quá giả

Không bị bốn lỗi này

佛告迦葉波。

Phật cáo Ca-diếp-ba.

Phật bảo Ca-diếp-ba: Có cả thầy bốn pháp

令諸菩薩一切生處。出生菩提心。

linh chư Bồ-tát nhất thiết sanh xứ. xuất sanh Bồ-đề tâm.

làm cho các vị Bồ-tát sanh ở tất cả nơi chỗ đều sanh tâm Bồ-đề,

直至菩提而坐道場而無障礙。迦葉白言。云何四法。

trực chí Bồ-đề nhi tọa đạo trường nhi Vô chướng ngại. Ca-diếp bạch ngôn. vân hà tứ Pháp.

thẳng đến ngôi Bồ-đề đạo tràng mà không chướng ngại. Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp?

一者不為身命而行邪見妄言綺語。

行德俱尊重

hành đức câu tôn trọng

Đức hạnh đáng tôn trọng

反生於輕毀

phản sanh u khinh hủy

Trở lại sanh khinh hủy

破壞滅除他

phá hoại diệt trừ tha

Phá hoại diệt trừ họ

謗毀行輕慢

báng hủy hành khinh mạn

Chê bai cùng khinh mạn

邪妄而分別

tà vọng nhi phân biệt

Tà vọng mà phân biệt

迷障佛菩提

mê chướng Phật Bồ-đề

Ngăn chướng Phật Bồ-đề

遠離無上覺

viễn li vô thượng giác

Xa lìa Vô thượng giác

最上得菩提

tối thượng đắc Bồ-đề

Được tối thượng Bồ-đề.

有四法具足。

hữu tứ Pháp cụ túc.

nhất giả bất vị thân mạng nhi hành tà kiến vọng ngôn khi ngữ.  
Một là không vì thân mạng mà hành tà kiến, nói dối, nói thêu dệt.

二者去除一切眾生虛妄分別。三者為其佛使發起一切菩提種相。

nhị giả khứ trừ nhất thiết chúng sanh hư vọng phân biệt. tam giả vi kỳ Phật sử  
phát khởi nhất thiết Bồ-đề chủng tướng.  
Hai là trừ bỏ tất cả hư vọng phân biệt của chúng sanh. Ba là vì Phật mà phát khởi  
tất cả tướng Bồ-đề,

如實名稱流遍四方。

như thật danh xưng lưu biến tứ phương.  
tiếng tăm như thật lưu khắp bốn phương.

四者所有一切眾生教化令得阿耨多羅三藐三菩提。各說今得。迦葉。

tứ giả sở hữu nhất thiết chúng sanh giáo hóa linh đắc a nậu đa la tam miếu tam Bồ-  
đề. các thuyết kim đắc. Ca-diếp  
Bốn là giáo hóa tất cả chúng sanh khiến được A-nậu-đa-la-tam-miếu-tam-bồ-đề. Những  
điều này được nói đây, này Ca-diếp!

如是四法具足菩薩。一切生處出生菩提心。

như thị tứ Pháp cụ túc Bồ-tát. nhất thiết sanh xứ xuất sanh Bồ-đề tâm.  
Bồ-tát đầy đủ bốn pháp như vậy, sanh ở tất cả nơi chốn đều sanh tâm Bồ-đề,

中間無迷。直至菩提坐道場座。我今於此。

trung gian vô mê. trực chí Bồ-đề tọa đạo trường tọa. ngã kim ư thử  
giữa các khoảng cách thời gian không bị mê lạc, thẳng đến ngôi toà Bồ-đề đạo  
tràng. Nay Ta sẽ ở trong đây

重說頌曰。

trọng thuyết tụng viết.  
nói lại tụng rằng:

不為自身命

bất vị tự thân mạng  
Không vì thân mạng mình

心恒愍眾生

tâm hằng mẫn chúng sanh  
Tâm luôn thương chúng sanh

能作如來使

năng tác Như-Lai sử  
Hay làm sứ Như Lai

顯發行菩提

hiển phát hành Bồ-đề  
Hiển phát hạnh Bồ-đề

教化諸眾生

giáo hóa chư chúng sanh  
Giáo hoá các chúng sanh

安住此法中

an trú thử Pháp trung  
An trú trong pháp đây

佛告迦葉波。有四法具足。

Phật cáo Ca-diếp-ba. hữu tứ Pháp cụ túc.  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có cả thầy bốn pháp

令諸菩薩已生未生善法皆令滅盡永不增長。迦葉白言。

linh chư Bồ-tát dĩ sanh vị sanh thiện Pháp giai linh diệt tận vĩnh bất tăng  
trưởng. Ca-diếp bạch ngôn.

khiến các vị Bồ-tát đã sanh hay chưa sanh pháp lành đều làm cho diệt mất hẳn không  
tăng trưởng được. Ca-diếp bạch rằng:

云何四法。一者世間所有深著我見。

vân hà tứ Pháp. nhất giả thế gian sở hữu thâm trước ngã kiến.  
Thế nào là bốn pháp? Một là quá chấp trước ngã kiến của thế gian.

邪說及妄語

tà thuyết cập vọng ngữ  
Tà thuyết cùng nói dối

除妄及懈怠

trừ vọng cập giải đãi  
Trừ vọng cùng giải đãi

及為眾生師

cập vi chúng sanh sư  
Cùng làm thầy chúng sanh

名聞遍四方

Danh-Văn biến tứ phương  
Tiếng tăm khắp bốn phương

令成無上覺

linh thành vô thượng giác  
Khiến thành Vô thượng giác

菩提心不退

Bồ-đề tâm bất thoái  
Bồ-đề tâm không thoái.

二者觀察種族住著利養行呪力事。

nhị giả quan sát chủng tộc trụ trước lợi dưỡng hành chú lực sự.  
Hai là dò xét các dòng tộc, tham đắm lợi dưỡng, làm lực chú thuật.

三者瞋恨菩薩偏讚佛教不普稱讚。

tam giả sân hận Bồ-tátThiên tán Phật giáo bất phổ xưng tán.  
Ba là sân giận Bồ-tát, chỉ ca ngợi Phật giáo, không khen tụng rộng rãi.

四者未聞難見經法聞之疑謗。如是迦葉。具此四法。

tứ giả vị văn nan kiến Kinh Pháp văn chi nghi báng. như thị Ca-diếp. cụ thử tứ Pháp.  
Bốn là chưa nghe thì nói kinh pháp khó thấy, nghe rồi thì nghi báng. Như vậy, này Ca-diếp! Dù bốn pháp đây

令諸菩薩已生未生善法皆悉滅盡永不增長。我今於此。

linh chư Bồ-tátđi sanh vị sanh thiện Pháp giai tất diệt tận vĩnh bất tăng trưởng. ngã kim ư thử.  
làm cho các vị Bồ-tát đã sanh hay chưa sanh pháp lành đều bị diệt mất hẳn không tăng trưởng được. Nay Ta sẽ ở trong đây mà

重說頌曰。

trọng thuyết tụng viết.  
nói lại tụng rằng:

由此著我見

do thử trước ngã kiến  
Do chấp ngã kiến này

觀察於種族

quan sát ư chủng tộc  
Dòm ngó các dòng tộc

毀於菩薩教

hủy ư Bồ-tátgiáo  
Huỷ lời Bồ-tát dạy

未聞甚深經

vị văn thậm thâm Kinh  
Chưa nghe kinh thậm thâm

具行此四法

cụ hành thử tứ Pháp  
Đủ bốn pháp như đây

是故諸菩薩

thị cố chư Bồ-tát  
Vì vậy các Bồ-tát

遠離佛菩提

viễn li Phật Bồ-đề  
Xa lìa Bồ-đề Phật

佛告迦葉波。有四法具足。

Phật cáo Ca-diếp-ba. hữu tứ Pháp cụ túc.  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có cả thầy bốn pháp

令諸菩薩善法不滅得法增勝。迦葉白言。云何四法。

linh chư Bồ-tátthiện Pháp bất diệt đắc Pháp tăng thắng. Ca-diếp bạch ngôn. vân hà tứ Pháp.  
làm cho các vị Bồ-tát pháp lành không mất, được thắng pháp tăng trưởng. Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp?

一者願聞其善不願聞惡。求行六波羅蜜及菩薩藏。

nhất giả nguyện văn kỳ thiện bất nguyện văn ác. cầu hành lục ba la mật cập Bồ-tát tạng.

Một là muốn nghe điều lành không muốn nghe điều ác. Cầu thực hành Lục độ Ba-la-mật và Bồ-tát tạng.

二者除去我見心行平等。

皆令善法盡

giai linh thiện Pháp tận  
Đều khiến thiện pháp tận

呪術求利養

chú thuật cầu lợi dưỡng  
Chú thuật cầu lợi dưỡng

而不普稱讚

nhì bất phổ xưng tán  
Không xưng tán rộng khắp

聞之生疑謗

văn chi sanh nghi báng  
Nghe rồi sanh nghi báng

不久善法盡

bất cửu thiện Pháp tận  
Không lâu pháp lành tận

行此四法者

hành thử tứ Pháp giả  
Hành đủ bốn pháp này

譬如天與地

thí như Thiên dữ địa  
Giống như trời với đất.

nhị giả trừ khú ngã kiến tâm hành bình đẳng.  
Hai là trừ bỏ ngã kiến, tâm hành bình đẳng

令一切眾生得法利歡喜。三者遠離邪命得聖族歡喜。

linh nhất thiết chúng sanh đắc Pháp lợi hoan hỷ. tam giả viễn li tà mạng đắc Thánh tộc hoan hỷ.  
khiến cho tất cả chúng sanh được pháp lợi hoan hỷ. Ba là xa lìa tà mạng được Thánh tộc hoan hỷ,

不說他人實不實罪。亦不見他過犯。

bất thuyết tha nhân thật bất thật tội. diệc bất kiến tha quá phạm.  
người khác thật có tội hay không thật có tội cũng không nói, cũng không thấy người khác phạm lỗi.

四者若此深法自智不見。而不謗毀彼佛如來。

tứ giả nhược thử thâm Pháp tự trí bất kiến. nhi bất báng hủy bi Phật như lai.  
Bốn là như trí mình không thấy đó là pháp sâu xa, nhưng cũng không phi báng Phật Như Lai kia mà nói rằng

如是而見如是而知。我不能知佛智無邊種種無礙。

như thị nhi kiến như thị nhi tri. ngã bất năng tri Phật trí vô biên chủng chủng vô ngại.  
tôi thấy như vậy, biết như vậy. Tôi không thể biết trí Phật vô biên không gì chướng ngại.

如來為諸眾生演說此法。如是迦葉。具此四法。

Nhu-Lai vị chư chúng sanh diễn thuyết thử Pháp. như thị Ca-diếp. cụ thử tứ Pháp.  
Nhu Lai vì các chúng sanh diễn nói pháp này. Như vậy, này Ca-diếp! Đủ bốn pháp này

令諸菩薩善法不盡得法增勝。我今於此。

linh chư Bồ-tát thiện Pháp bất tận đắc Pháp tăng thắng. ngã kim ư thử  
làm cho các vị Bồ-tát pháp lành không mất, được thắng pháp tăng trưởng. Nay Ta sẽ ở trong đây mà

重說頌曰。

trọng thuyết tụng viết.  
nói lại tụng rằng:

常願聞其善

thường nguyện văn kỳ thiện  
Thường muốn nghe điều lành

恒行六波羅

hằng hành lục ba la  
Thường hành Lục Ba-la

斷除於我見

đoạn trừ ư ngã kiến  
Dứt trừ ở ngã kiến

普令諸眾生

phổ linh chư chúng sanh  
Khiến khắp các chúng sanh

活住清淨命

hoạt trụ thanh tịnh mạng  
Trụ mạng sống thanh tịnh

他罪實不實

tha tội thật bất thật  
Tội người thật không thật

設覩諸過犯

thiết đồ chư quá phạm  
Giả sù thấy lỗi lầm

此法甚深奧

thử Pháp thậm thâm áo  
Pháp này rất thâm áo

非願聞諸惡

phi nguyện văn chư ác  
Không muốn nghe điều ác

而求菩薩藏

nhi cầu Bồ-tát tạng  
Mà cầu Bồ-tát tạng

而行平等心

nhi hành bình đẳng tâm  
Mà hành tâm bình đẳng

得彼法利喜

đắc bi Pháp lợi hỷ  
Được pháp lợi hỷ kia

復值聖種族

phục trị Thánh chủng tộc  
Lại gặp dòng giống Thánh

終不言說

chung bất nhi ngôn thuyết  
Trọn không vì đó nói

如同不見聞

nhu đồng bất kiến văn  
Đồng như không thấy nghe

少智不能知

thiểu trí bất năng tri  
Ít trí không thể biết



唯佛自明了

duy Phật tự minh liễu  
Chỉ mình Phật hiểu rõ

佛智廣無邊

Phật trí quảng vô biên  
Trí Phật rộng vô biên

行此四法者

hành thủ tứ Pháp giả  
Người hành bốn pháp đây

安住此法中

an trú thủ Pháp trung  
An trú trong pháp ấy

佛告迦葉波。有四種法。生不正心離菩薩行。

Phật cáo Ca-diếp-ba, hữu tứ chủng Pháp, sanh bất chánh tâm ly Bồ-tát hành  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp sanh tâm bất chánh, lia Bồ-tát hạnh.

迦葉白言。云何四法。

Ca-diếp bạch ngôn, vân hà tứ Pháp,  
Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp?

一者疑惑佛法心不愛樂。二者我見貢高曠恚有情。

nhất giả nghi hoặc Phật Pháp tâm bất ái lạc, nhị giả ngã kiến công cao sân khuể  
hữu tình.

Một là nghi ngờ Phật pháp, tâm không yêu thích. Hai là ngã kiến công cao, sân hận  
hữu tình.

三者他得利養貪愛憎嫉。四者於佛菩薩不生信敬。

tam giả tha đắc lợi dưỡng tham ái tăng tật, tứ giả ư Phật Bồ-tátbất sanh tín kính,  
Ba là người khác được lợi dưỡng thì tham ái, ganh ghét. Bốn là không sanh tâm kính  
tín đối với Phật và Bồ-tát,

亦不稱讚而復毀謗。迦葉如是四法。

diệc bất xưng tán nhi phục hủy báng, Ca-diếp như thị tứ Pháp,  
cũng không xưng tán mà lại phi báng. Nay Ca-diếp! Bốn pháp như vậy

生不正心離菩薩行。我今於此。重說頌曰。

sanh bất chánh tâm ly Bồ-tát hành, ngã kim ư thủ, trọng thuyết tụng viết  
sanh tâm bất chánh, lia Bồ-tát hạnh. Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng rằng:

疑惑諸佛法

nghi hoặc chư Phật Pháp  
Nghi ngờ pháp chư Phật

貢高我見增

công cao ngã kiến tăng  
Công cao thêm ngã kiến

他所得利養

ha sở đắc lợi dưỡng  
Thấy người được lợi dưỡng

於佛菩薩眾

ư Phật Bồ-tátchúng  
Đối với Phật Bồ-tát

此四不正心

thủ tứ bất chánh tâm  
Bốn tâm bất chánh đây

佛告迦葉波。有四種法。令諸菩薩得柔軟相。

Phật cáo Ca-diếp-ba, hữu tứ chủng Pháp, linh chư Bồ-tát đắc nhu nhuyễn tướng,  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp làm cho các vị Bồ-tát được tướng nhu nhuyễn.

迦葉白言。云何四法。一者所得阿鉢羅諦。

Ca-diếp bạch ngôn, vân hà tứ Pháp, nhất giả sở đắc a bát la đế,  
Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp? Một là bị mắc phải A-bát-la-đế (lỗi lầm)

Phật Thuyết Đại Ca Diếp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh, quyển thứ nhất

而不生疑謗

nhi bất sanh nghi báng  
Mà không sanh nghi báng

如來為眾說

Như-Lai vị chúng thuyết  
Như Lai vì chúng nói

勝智法無盡

thắng trí Pháp vô tận  
Pháp thắng trí vô tận

菩提不難得

Bồ-đề bất nan đắc  
Bồ-đề không khó được.

得已發露終不覆藏遠離過失。

đắc dĩ phát lộ chung bất phúc tụng viễn li quá thất.  
mắc rồi phát lộ trọn không che giấu, vĩnh viễn lìa xa lỗi lầm.

二者彼須真實所言誠諦。寧可盡於王位破壞富貴。

nhị giả bỉ tu chân thật sở ngôn thành đế. ninh khả tận ư Vương vị phá hoại phú quý.

Hai là lời nói phải rõ ràng và chân thật, thà bỏ ngôi vua, phá hoại phú quý, 散滅財利捨於身命。終不妄語所言真實。

tán diệt tài lợi xả ư thân mạng. chung bất vọng ngữ sở ngôn chân thật  
tiêu tán tài lợi, xả bỏ thân mạng, chỉ nói lời chân thật trọn không nói dối,  
亦不令他言說虛妄。

diệc bất linh tha ngôn thuyết hư vọng.  
cũng không khiến người khác nói lời hư dối.

三者不發惡言毀謗蔑無一切眾生。乃至善與不善鬪諍相打禁繫枷鎖。

tam giả bất phát ác ngôn hủy báng miệt vô nhất thiết chúng sanh. nãi chí thiện dữ bất thiện đấu tránh tương đả cấm hệ gia tỏa.

Ba là không nói lời thô ác, chê bai, miệt thị tất cả chúng sanh, cho đến lời nói thiện cùng bất thiện, đấu tranh, đánh đá nhau, trói buộc, tù tội.

如是之過亦不言說。恐自成罪得業果報。

như thị chi quá diệc bất ngôn thuyết. khủng tự thành tội đắc nghiệp quả báo.  
Những tội lỗi như vậy cũng không nói, sợ mình mắc tội mà bị quả báo của nghiệp.

四者依彼信行深信一切諸佛法教心意清淨。

tứ giả y bỉ tín hành thâm tín nhất thiết chư Phật Pháp giáo tâm ý thanh tịnh.  
Bốn là tin sâu tất cả giáo pháp của chư Phật, giữ tâm ý thanh tịnh.

迦葉如是四法。令諸菩薩得柔軟相。我今於此。

Ca-diếp như thị tứ Pháp. linh chư Bồ-tát đắc nhu nhuyễn tướng. ngã kim ư thử.  
Này Ca-diếp! Bốn pháp như vậy làm cho các vị Bồ-tát được tướng nhu nhuyễn. Nay Ta sẽ ở trong đây mà

重說頌曰。

trọng thuyết tụng viết.  
nói lại tụng rằng:

所獲阿鉢羅

sở hoạch a bát la  
Mắc phải A-bát-la

不敢自覆藏

bất cảm tự phúc tụng  
Bạo dạn không tự che

用意要真實

dụng ý yếu chân thật  
Đem tâm ý chân thật

寧盡國王位

ninh tận Quốc Vương vị  
Thà mất nước mất ngôi

不發妄語言

bất phát vọng ngữ ngôn  
Không nói lời hư dối

亦不教他人

diệc bất giáo tha nhân  
Cũng không bảo người khác

又不行毀謗

hựu bất hành hủy báng  
Lại không hành hủy báng

善與不善者

恐成於過罪

khủng thành ư quá tội  
Sợ tạo thành tội lỗi

洗心而發露

tẩy tâm nhi phát lộ  
Tẩy tâm mà phát lộ

所言須誠諦

sở ngôn tu thành đế  
Mà nói lời thành thật

捨命破資財

xả mạng phá tu tài  
Bỏ thân mạng tài sản

棄背真實行

khí bội chân thật hành  
Bội bỏ hạnh chân thật

令作虛妄事

linh tác hư vọng sự  
Khiến họ làm điều dối

蔑無一切眾

miệt vô nhất thiết chúng  
Miệt thị thầy chúng sanh

乃至鬪諍等

thiện dữ bất thiện giả  
Người tốt cùng không tốt

終不說視他

chung bất thuyết thị tha  
Trợn không nói lỗi người

心住清淨行

tâm trụ thanh tịnh hành  
Tâm trú hạnh thanh tịnh

此四佛宣揚

thứ tứ Phật tuyên dương  
Bốn điều Phật dạy đây

佛告迦葉波。有四種法。令諸菩薩心意剛強。

Phật cáo Ca-diếp-ba, hữu tứ chủng Pháp, linh chư Bồ-tát tâm ý cương cường,  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp khiến tâm ý Bồ-tát cương cường.

迦葉白言。云何四法。

Ca-diếp bạch ngôn, vân hà tứ Pháp,

Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp?

一者所聞最上勝法心不樂行。二者於法非法雖知淨染。

nhất giả sở văn tối thượng thắng Pháp tâm bất lạc hành, nhị giả ư Pháp phi Pháp  
tuy tri tịnh nhiễm,

Một là nghe pháp tối thượng thắng mà tâm không thích làm. Hai là đối với chánh  
pháp và phi pháp, tuy biết là tịnh hay nhiễm nhưng

淨法不行而行非法。三者不親近阿闍梨及師法等。

tịnh Pháp bất hành nhi hành phi Pháp, tam giả bất thân cận A-xà-Lê cập sư Pháp  
đẳng,

pháp tịnh thì không làm mà làm phi pháp. Ba là không thân cận A-xà-lê và Pháp sư  
v.v...,

信受妄語不知食處。四者見諸菩薩具其勝德。

tín thọ vọng ngữ bất tri thực xứ, tứ giả kiến chư Bồ-tát kỳ thắng đức  
tín thọ lời hư dối, không biết thức ăn từ nơi nào đến. Bốn là thấy các vị Bồ-tát  
đầy đủ công đức tốt lành

都無恭敬我見輕慢。迦葉如是四法。

đô vô cung kính ngã kiến khinh mạn, Ca-diếp như thị tứ Pháp,

đều không cung kính mà ngã kiến khinh mạn. Nay Ca-diếp! Bốn pháp như vậy

令諸菩薩心意剛強。我今於此。重說頌曰。

linh chư Bồ-tát tâm ý cương cường, ngã kim ư thử, trọng thuyết tụng viết,  
khiến cho các vị Bồ-tát tâm ý cương cường. Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng  
rằng:

下劣我見增

hạ liệt ngã kiến tăng  
Hạ liệt, ngã kiến, mạn

聞彼最上法

văn bi tối thượng Pháp  
Nghe pháp tối thượng ấy

淨法而不修

tịnh Pháp nhi bất tu  
Pháp tịnh mà không tu

棄背阿闍梨

khí bội A-xà-Lê  
Bội bỏ A-xà-lê

受食處不知

thọ thực xứ bất tri  
Thọ thực không biết chỗ

菩薩有勝德

Bồ-tát hữu thắng đức

Phật Thuyết Đại Ca Diếp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh, quyển thứ nhất

nãi chí đấu tránh đẳng  
Cho đến đấu tranh nhau

恐招自業果

khủng chiêu tự nghiệp quả  
Sợ tự chiêu nghiệp quả

信樂佛菩提

tín lạc Phật Bồ-đề  
Tin vui Phật Bồ-đề

眾生宜親近

chúng sanh nghi thân  
Chúng sanh phải thân cận.

剛強心輕慢

cương cường tâm khinh mạn  
Thêm lớn tâm cương cường

心意不樂行

tâm ý bất lạc hành  
Tâm ý không thích hành

非法生愛樂

phi Pháp sanh ái lạc  
Phi pháp sanh ưa thích

不敬於師法

bất kính ư sư Pháp  
Không kính ở Pháp sư

信行於妄語

tín hành ư vọng ngữ  
Tin làm ở dối trá

不生於尊重

bất sanh ư tôn trọng

Bồ-tát đức tốt lành

此四佛自宣

thứ tứ Phật tự tuyên

Bốn pháp Phật nói đây

佛告迦葉波。有四種法。令於菩薩知見明了。

Phật cáo Ca-diếp-ba, hữu tứ chủng Pháp, linh ư Bồ-táttri kiến minh liễu

Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp khiến các vị Bồ-tát thấy biết sáng suốt.

迦葉白言。云何四法。

Ca-diếp bạch ngôn, vân hà tứ Pháp.

Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp?

一者聞善樂行聞惡樂止。知法真實棄背邪偽受行正道。

nhất giả văn thiện lạc hành văn ác lạc chỉ, tri Pháp chân thật khí bồi tà nguy thọ hành chánh đạo.

Một là nghe thiện pháp thích làm, nghe ác pháp thích dứt nghĩ; biết pháp chân thật liền bội bỏ tà nguy, tin làm theo chánh đạo.

二者遠離毀謗純善相應。美言流布眾所愛敬。

nhị giả viễn li hủy báng thuần thiện tương ứng, mỹ ngôn lưu bố chúng sở ái kính

Hai là xa lìa sự chê bai, tương ứng thuần điều thiện, lời hay ho nên lưu bố khiến mọi người ái kính.

三者親近師教知彼食處。調伏諸根戒定不間。

tam giả thân cận sư giáo tri bỉ thực xứ, điều phục chu căn giới định bất gian.

Ba là thân cận Pháp sư, biết thức ăn từ đâu đến, điều phục các căn, giới, định không gián đoạn.

四者自得菩提不捨眾生。

tứ giả tự đắc Bồ-đề bất xả chúng sanh.

Bốn là mình được Bồ-đề nhưng không bỏ chúng sanh mà

行實慈愍令彼愛樂廣大真德。

Hành thật từ mẫn linh bi ái lạc quảng đại chân đức.

thật hành từ tâm thương xót, khiến cho họ yêu thích chân đức rộng lớn.

迦葉。如是四法。令於菩薩知見明了。

Ca-diếp. Như thị tứ pháp, linh ư Bồ-tát tri kiến minh liễu

Này Ca-diếp! Bốn pháp như vậy khiến cho các vị Bồ-tát thấy biết sáng suốt.

我今於此。重說頌曰。

ngã kim ư thử, trọng thuyết tụng viết.

Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng rằng:

聞善樂欲行

văn thiện lạc dục hành

Nghe thiện ưa muốn làm

業背邪偽因

nghiệp bồi tà nguy nhân

Bỏ nghiệp nhân tà nguy

毀謗恒遠離

hủy báng hằng viễn li

Thường xa lìa hủy báng

流布善言音

lưu bố thiện ngôn âm

Lưu bố lời hay ho

親近於師教

thân cận ư sư giáo

Thân cận ở Giáo sư

制伏取境根

chế phục thủ cảnh căn

Chế phục giữ căn cảnh

雖得佛菩提

Không sanh tâm tôn trọng

我常亦遠離

ngã thường diệc viễn li

Ta cũng thường xa lìa.

聞惡心欲止

văn ác tâm dục chỉ

Nghe ác tâm muốn nghĩ

受行八正道

thọ hành Bát Chánh Đạo

Thọ làm Bát chánh đạo

善業得相應

thiện nghiệp đắc tương ứng

Được tương ứng nghiệp thiện

令眾生愛重

linh chúng sanh ái trọng

Khiến chúng sanh yêu kính

知彼食來處

tri bỉ thực lai xứ

Biết thức ăn đâu đến

安住於戒定

an trú ư giới định

An trú nơi giới định

不捨有情界

tuy đắc Phật Bồ-đề  
Tuy được Phật Bồ-đề

行彼真實慈

hành bí chân thật từ  
Chân thật thương xót họ

此四佛所宣

thứ tứ Phật sở tuyên  
Bốn pháp Phật nói đây

佛告迦葉波。菩薩有四種違犯。迦葉白言。

Phật cáo Ca-diếp-ba, Bồ-tát hữu tứ chủng vi phạm, Ca-diếp bạch ngôn.  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Bồ-tát có bốn thứ phạm sai lầm. Ca-diếp bạch rằng:  
云何四種。一者眾生信根未熟而往化他。

vân hà tứ chủng, nhất giả chúng sanh tín căn vị thực nhi vãng hóa tha  
Thế nào là bốn thứ? Một là chúng sanh tín căn chưa thuần thực mà qua giáo hóa  
người khác.

菩薩違犯。二者下劣邪見眾生廣說佛法。

Bồ-tát vi phạm, nhị giả hạ liệt tà kiến chúng sanh quảng thuyết Phật Pháp.  
Bồ-tát phạm sai lầm. Hai là chúng sanh còn hạ liệt, tà kiến mà rộng nói Phật pháp.

菩薩違犯。三者為小乘眾生說大乘法。菩薩違犯。

Bồ-tát vi phạm, tam giả vị Tiểu thừa chúng sanh thuyết Đại thừa Pháp, Bồ-tát vi  
phạm.  
Bồ-tát phạm sai lầm. Ba là vị chúng sanh Tiểu thừa mà nói pháp Đại thừa. Bồ-tát  
phạm sai lầm.

四者輕慢正行持戒眾生。攝受犯戒邪行眾生。

tứ giả khinh mạn chánh hành trì giới chúng sanh, nhiếp thọ phạm giới tà hành chúng  
sanh.  
Bốn là khinh mạn chúng sanh chánh hạnh trì giới mà nhiếp thọ chúng sanh phạm giới  
tà hạnh.

迦葉。如是四種。菩薩違犯。我今於此。

Ca-diếp, như thị tứ chủng, Bồ-tát vi phạm, ngã kim ư thử.  
Này Ca-diếp! Bốn pháp như vậy khiến Bồ-tát phạm sai lầm. Nay Ta sẽ ở trong đây mà  
重說頌曰。

trọng thuyết tụng viết,  
nói lại tụng rằng:

眾生信未熟

chúng sanh tín vị thực  
Chúng sanh tin chưa thuần

下劣邪有情

hạ liệt tà hữu tình  
Hữu tình tà hạ liệt

於彼聲聞處

ư bí thanh văn xứ  
Ở nơi Thanh văn kia

輕慢正行人

khinh mạn chánh hành nhân  
Khinh mạn người chánh hạnh

知此四違犯

tri thứ tứ vi phạm  
Nên biết bốn lỗi đây

依此四法行

ý thứ tứ Pháp hành  
Nương bốn pháp hành này

佛告迦葉波。有四種法成菩薩道。迦葉白言。

Phật cáo Ca-diếp-ba, hữu tứ chủng Pháp thành Bồ-tát đạo, Ca-diếp bạch ngôn

bất xả hữu tình giới  
Không bỏ hữu tình giới

令求無上德

linh cầu vô thượng đức  
Khiến cầu Vô thượng đức

速得善逝果

tốc đắc thiện thệ quả  
Mau được gần quả lành.

而往化於彼

nhì vãng hóa ư bí  
Mà qua hóa người khác

為彼廣說法

vì bí quảng thuyết Pháp  
Vì kia rộng nói pháp

分別大乘法

phân biệt Đại thừa Pháp  
Phân biệt pháp Đại thừa

攝受破戒者

nhiếp thọ phá giới giả  
Nhiếp thọ kẻ phá giới

菩薩須遠離

Bồ-tát tu viễn li  
Bồ-tát phải xa lìa

菩提不成就

Bồ-đề bất thành tựu  
Bồ-đề không thành tựu.

Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp thành Bồ-tát đạo. Ca-diếp bạch rằng:

云何四法。一者於一切眾生心行平等。

vân hà tứ Pháp. nhất giả u nhất thiết chúng sanh tâm hành bình đẳng.

Thế nào là bốn pháp? Một là thực hành tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh.

二者於一切眾生用佛智教化。

nhị giả u nhất thiết chúng sanh dụng Phật trí giáo hóa.

Hai là dùng Phật trí giáo hóa tất cả chúng sanh.

三者於一切眾生演說妙法。四者於一切眾生行正方便。迦葉。

tam giả u nhất thiết chúng sanh diễn thuyết diệu Pháp. tứ giả u nhất thiết chúng sanh hành chánh phương tiện. Ca-diếp.

Ba là diễn nói diệu pháp cho tất cả chúng sanh. Bốn là làm phương tiện chân chánh đối với tất cả chúng sanh. Nay Ca-diếp!

如是四法。成菩薩道。我今於此。重說頌曰。

như thị tứ Pháp. thành Bồ-tát đạo. ngã kim u thử. trọng thuyết tụng viết.

Bốn pháp như vậy thành Bồ-tát đạo. Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng rằng:

於彼群生類

ư bi quần sanh loại

Đối các loài chúng sanh

教導諸有情

giáo đạo chư hữu tình

Giáo hóa các hữu tình

常演微妙法

thường diễn vi diệu Pháp

Thường nói vi diệu pháp

安住真實中

an trú chân thật trung

An trú trong chân thật

此四平等法

thử tứ bình đẳng Pháp

Bốn pháp bình đẳng này

依教彼恒行

ỷ giáo bi hằng hành

Nương pháp kia thường hành

佛告迦葉波。有四種法。為菩薩怨而不可行。

Phật cáo Ca-diếp-ba. hữu tứ chủng Pháp. vi ô Tát oán nhi bất khả hành.

Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp làm Bồ-tát oán giận mà không thể làm.

迦葉白言。云何四法。

Ca-diếp bạch ngôn. vân hà tứ Pháp.

Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp?

一者樂修小乘自利之行。二者行辟支佛乘淺近理法。

nhất giả lạc tu Tiểu thừa tự lợi chi hành. nhị giả hành Bích chi Phật thừa thiên cận lý Pháp.

Một là thích tu Tiểu thừa, ưa làm lợi mình. Hai là hành Bích-chi-phật thừa, lý pháp cận cọt.

三者隨順世間呪術伎藝。四者用世智聰辯。

tam giả tùy thuận thế gian chú thuật kỹ nghệ. tứ giả dụng thế trí thông biện.

Ba là tùy thuận chú thuật, kỹ nghệ của thế gian. Bốn là dùng trí thông minh biện luận của thế gian,

集彼世間虛妄無利之法。迦葉。如是四法。

tập bi thế gian hư vọng vô lợi chi Pháp. Ca-diếp. như thị tứ Pháp.

học tập các pháp hư dối và không lợi ích của thế gian kia. Nay Ca-diếp! Bốn pháp như vậy

為菩薩冤不可同行。我今於此。重說頌曰。

vi ô Tát oan bất khả đồng hành. ngã kim u thử. trọng thuyết tụng viết

làm Bồ-tát oán giận không thể cùng làm. Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng rằng:

**若行聲聞乘**

nhược hành thanh văn thừa  
Hoặc hành Thanh văn thừa

**及彼辟支迦**

cập bì tích chi ca  
Cùng Bích-chi-ca kia

**耽著世間藝**

đam trước thế gian nghệ  
Tham đắm nghệ thế gian

**復用世智辯**

phục dụng thế trí biện  
Lại dùng trí thế gian

**誑賺於眾生**

cuống trảm u chúng sanh  
Đối gạt hàng chúng sanh

**此四菩薩行**

thứ tứ Bồ-tát hành  
Bốn pháp đây nếu làm

**冤家不同行**

oan gia bất đồng hành  
Oan gia không đồng hành

**佛告迦葉波。有四種法為菩薩善友。**

Phật cáo Ca-diếp-ba, hữu tứ chủng Pháp vi Bồ-tát thiện hữu  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp là bạn lành của Bồ-tát.

**迦葉白言。云何四法。一者所有求菩提道者。**

Ca-diếp bạch ngôn, vân hà tứ Pháp, nhất giả sở hữu cầu Bồ-đề đạo giả,  
Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp? Một là người có cầu đạo Bồ-đề,

**為菩薩善友。二者作大法師。為菩薩善友。**

vi ô Tát thiện hữu, nhị giả tác Đại Pháp sư, vi ô Tát thiện hữu,  
là bạn lành của Bồ-tát. Hai là làm đại Pháp sư, là bạn lành của Bồ-tát.

**三者以聞思修慧。出生一切善根者。為菩薩善友。**

tam giả dĩ văn tư tu huệ, xuất sanh nhất thiết thiện căn giả, vi ô Tát thiện hữu,  
Ba là người do văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ mà sanh ra tất cả căn lành, là bạn lành của Bồ-tát.

**四者於佛世尊求一切佛法者。為菩薩善友。**

tứ giả u Phật Thế tôn cầu nhất thiết Phật Pháp giả, vi ô Tát thiện hữu,  
Bốn là người cầu tất cả Phật pháp nơi Phật Thế Tôn, là bạn lành của Bồ-tát.

**迦葉如是四法。為菩薩善友。我今於此。**

Ca-diếp như thị tứ Pháp, vi ô Tát thiện hữu, ngã kim u thử,  
Này Ca-diếp! Bốn pháp như vậy là bạn lành của Bồ-tát. Nay Ta sẽ ở trong đây

**重說頌曰。**

trọng thuyết tụng viết,  
mà nói lại tụng rằng:

**求成菩提者**

cầu thành Bồ-đề giả  
Người cầu thành Bồ-đề

**作大說法師**

tác Đại thuyết Pháp sư  
Làm đại Sư thuyết pháp

**教化諸眾生**

giáo hóa chư chúng sanh  
Giáo hoá các chúng sanh

**出家自利行**

xuất gia tự lợi hành  
Xuất gia làm tự lợi

**證悟淺理行**

chứng ngộ thiên lý hành  
Chứng hạnh lý thô cạn

**伎術禁呪等**

kỹ thuật cấm chú đẳng  
Kỹ thuật cùng cấm chú...

**虛集無利法**

hư tập vô lợi Pháp  
Học pháp dối không lợi

**不到真實際**

bất đáo chân thật tế  
Không đến nơi chân thật

**善根皆滅盡**

thiện căn giai diệt tận  
Bồ-tát mất căn lành

**佛言宜遠離**

Phật ngôn nghi viễn li  
Phật dạy nên lìa xa.

**佛子親善友**

Phật-Tử thân thiện hữu  
Bạn thân đệ tử Phật

**顯發聞思慧**

hiển phát văn tư tuệ  
Hiển bày văn, tư, tu

**出生五善根**

xuất sanh ngũ thiện căn  
Sinh khởi năm căn lành

恒為善逝子

hằng vi thiện thệ tử  
Thường làm con Thiện Thệ

佛說此四法

Phật thuyết thử tứ Pháp  
Phật nói bốn pháp đây

令得大菩提

linh đắc Đại Bồ-đề  
Khiến được đại Bồ-đề

佛告迦葉波。有四種法。為菩薩影像。

Phật cáo Ca-diếp-ba, hữu tứ chủng Pháp, vi ồ Tát ảnh tượng,  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp làm ảnh tượng của Bồ-tát.

迦葉白言。云何四法。一者為利養不為法。

Ca-diếp bạch ngôn, vân hà tứ Pháp, nhất giả vị lợi dưỡng bất vị Pháp,  
Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp? Một là vì lợi dưỡng không vì pháp.

二者為要稱讚不為戒德。

nhị giả vị yếu xưng tán bất vị giới đức,  
Hai là cốt vì khen ngợi không vì giới đức.

三者自利求安不利苦惱眾生。四者於實德能不生分別樂欲。迦葉。

tam giả tự lợi cầu an bất lợi khổ não chúng sanh, tứ giả u thật đức năng bất sanh  
phân biệt lạc dục, Ca-diếp.

Ba là cầu an lợi mình, không cầu lợi khổ não của chúng sanh. Bốn là đối với người  
thật có khả năng đạo đức, thường không biết phân biệt, không ưa muốn. Nay Ca-diếp!

如是四法。為菩薩影像。我今於此。重說頌曰。

như thị tứ Pháp, vi Bồ Tát ảnh tượng, ngã kim u thử, trọng thuyết tụng viết,  
Bốn pháp như vậy là hình tượng của Bồ-tát. Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng  
rằng:

廣求於利養

quảng cầu u lợi dưỡng  
Mong cầu nhiều lợi dưỡng

愛樂人讚揚

ái lạc nhân tán dương  
Ưa thích người tán dương

一向求自安

nhất hướng cầu tự an  
Chỉ cầu an cho mình

於彼實德能

u bỉ thật đức năng  
Đối bậc thật đức kia

如是四種法

như thị tứ chủng Pháp  
Bốn thứ pháp như vậy

汝諸菩薩眾

nhữ chư Bồ-tát chúng  
Của Bồ-tát các ông

佛告迦葉波。有四種法。為菩薩實德。

Phật cáo Ca-diếp-ba, hữu tứ chủng Pháp, vi ồ Tát thật đức,  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp là thật đức của Bồ-tát.

迦葉白言。云何四法。一者入空解脫門。

Ca-diếp bạch ngôn, vân hà tứ Pháp, nhất giả nhập không giải thoát môn,  
Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp? Một là vào được Không giải thoát môn,

信業報無性。二者入無我無願門。雖得涅槃。

tín nghiệp báo vô tánh, nhị giả nhập vô ngã vô nguyện môn, tuy đắc Niết-Bàn.

當獲正覺道

đương hoạch chánh giác đạo  
Sẽ được đạo Chánh giác

不迷於正行

bất mê u chánh hành  
Chánh hạnh không lạc mất

是名真善友

thị danh chân thiện hữu  
Đây gọi thật bạn lành.

不為聽受法

bất vị thính thọ Pháp  
Không vì nghe thụ pháp

棄捨於德業

khí xả u đức nghiệp  
Quên bỏ ở đức nghiệp

不憫眾生苦

bất mẫn chúng sanh khổ  
Không thương chúng sanh khổ

無樂無分別

vô lạc vô phân biệt  
Không thích không phân biệt

佛說為影像

Phật thuyết vi ảnh tượng  
Phật nói làm hình tượng

各各宜遠離

các các nghi viễn li  
Mỗi người phải xa lìa.



tin nghiệp báo là vô tánh. Hai là vào được vô ngã vô nguyện môn, tuy được Niết-bàn nhưng vẫn

恒起大悲樂度眾生。三者於大輪迴巧施方便。

hằng khởi Đại bi lạc độ chúng sanh. tam giả ư Đại Luân-hồi xảo thí phương tiện thường khởi đại bi muốn độ chúng sanh. Ba là ở trong cõi luân hồi, dùng phương tiện thiện xảo mà hành bố thí.

四者於諸有情雖行給施不求果報。迦葉。

tứ giả ư chư hữu tình tuy hành cấp thí bất cầu quả báo. Ca-diếp.  
Bốn là tuy làm bố thí cho các hữu tình nhưng không cầu quả báo. Này Ca-diếp!

如是四法。為菩薩實德。我今於此。重說頌曰。

như thị tứ Pháp. vi ồ Tát thật đức. ngã kim ư thử. trọng thuyết tụng viết.  
Bốn pháp như vậy là thật đức của Bồ-tát. Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng rằng:

入彼空解脫

nhập bi không giải thoát  
Vào Không giải thoát môn

無我無願門

vô ngã vô nguyện môn  
Vô ngã vô nguyện môn

雖證涅槃空

tuy chứng Niết-Bàn không  
Tuy chứng Niết-bàn không

於彼輪迴中

ư bi Luân-hồi trung  
Nên ở trong luân hồi

廣濟於群生

quảng tế ư quần sanh  
Rộng độ các quần sanh

佛告迦葉波。有四種法。為菩薩大藏。

Phật cáo Ca-diếp-ba. hữu tứ chủng Pháp. vi Bồ-tát Đại tạng  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp làm tàng lớn của Bồ-tát.

迦葉白言。云何四法。一者於諸佛所恭敬供養。

Ca-diếp bạch ngôn. vân hà tứ Pháp. nhất giả ư chư Phật sở cung kính cung dưỡng.  
Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp? Một là cung kính cúng dường chư Phật.

二者恒行六度大波羅蜜多。

nhị giả hằng hành lục độ Đại ba la mật đa.  
Hai là thường hành Lục độ Ba-la-mật-đa.

三者尊重法師心不退動。四者樂居林野心無雜亂。迦葉。

tam giả tôn trọng Pháp sư tâm bất thoái động. tứ giả lạc cư lâm dã tâm vô tạp loạn. Ca-diếp.

Ba là tôn trọng Pháp sư tâm không thoái động. Bốn là thích ở rừng sâu hoang vắng tâm không tạp loạn. Này Ca-diếp!

如是四法。為菩薩大藏。我今於此。重說頌曰。

như thị tứ Pháp. vi ồ Tát Đại tạng. ngã kim ư thử. trọng thuyết tụng viết  
Bốn pháp như vậy là tàng lớn của Bồ-tát. Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng rằng:

於彼諸佛所

ư bi chư Phật sở  
Ở nơi chư Phật kia

大乘六度中

Đại thừa lục độ trung  
Trong Lục độ Đại thừa

尊重說法師

tôn trọng thuyết Pháp sư  
Phật Thuyết Đại Ca Diếp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh, quyển thứ nhất

信觀業無性

tín quán nghiệp Vô tánh  
Tin quán nghiệp vô tánh

安住慈愍行

an trú từ mẫn hành  
An trú hành từ mẫn

樂度眾生故

lạc độ chúng sanh cố  
Nhưng muốn độ chúng sanh

巧設諸方便

xảo thiết chư phương tiện  
Khéo bày các phương tiện

不希於福報

bất hy ư phúc báo  
Không mong cầu phúc báo.

供養一切佛

cung dưỡng nhất thiết Phật  
Cúng dường tất cả Phật

所行波羅蜜

sở hạnh ba la mật  
Mà hành Ba-la-mật

承事心無退

thừa sự tâm vô thoái

Tôn trọng Su thuyết pháp

常居林野中

thường cư lâm dã trung

Thường sống trong rừng vắng

此四善逝說

thử tứ thiện thệ thuyết

Bốn pháp Phật nói đây

佛告迦葉波。有四種法。遠離菩薩魔道。

Phật cáo Ca-diếp-ba, hữu tứ chủng Pháp, viễn li Bồ-tát ma đạo.

Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp khiến Bồ-tát xa lìa ma đạo.

迦葉白言。云何四法。一者所行諸行不離菩提心。

Ca-diếp bạch ngôn, vân hà tứ Pháp, nhất giả sở hạnh chu hành bất ly Bồ-đề tâm.

Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp? Một là những việc ra làm không lìa tâm Bồ-đề.

二者於一切眾生心無惱害。

nhị giả ư nhất thiết chúng sanh tâm vô não hại.

Hai là tâm không não hại đối với tất cả chúng sanh.

三者於一切法明了通達。四者於一切眾生不生輕慢。迦葉。

tam giả ư nhất thiết Pháp minh liễu thông đạt, tứ giả ư nhất thiết chúng sanh bất sanh khinh mạn, Ca-diếp.

Ba là hiểu biết thông suốt tất cả pháp. Bốn là không sanh khinh mạn đối với tất cả chúng sanh. Nay Ca-diếp!

如是四法。遠離菩薩魔道。我今於此。

như thị tứ Pháp, viễn li Bồ-tátma đạo, ngã kim ư thử.

Bốn pháp như vậy khiến Bồ-tát xa lìa ma đạo. Nay Ta sẽ ở trong đây mà

重說頌曰。

trọng thuyết tụng viết,

nói lại tụng rằng:

所行眾善行

sở hạnh chúng thiện hành

Chỗ ra làm việc lành

於彼諸群生

ư bỉ chư quần sanh

Đối với quần sanh kia

諸法善通達

chư Pháp thiện thông đạt

Thông đạt các pháp thiện

此四善逝說

thử tứ thiện thệ thuyết

Bốn pháp Phật nói đây

是人依此行

thị nhân y thử hành

Người nương theo hạnh này

佛告迦葉波。有四種法。集菩薩一切善根。

Phật cáo Ca-diếp-ba, hữu tứ chủng Pháp, tập Bồ-tát nhất thiết thiện căn.

Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp khiến Bồ-tát tập hội tất cả căn lành.

迦葉白言。四法云何。一者樂住林間寂靜宴默。

Ca-diếp bạch ngôn, tứ Pháp vân hà, nhất giả lạc trụ lâm gian tịch tĩnh yên mặc.

Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp? Một là thích ở nơi rừng vắng tịch tĩnh yên tĩnh.

二者布施愛語利行同事攝諸眾生。

nhị giả bố thí ái ngữ lợi hành đồng sự nhiếp chư chúng sanh.

Hai là bố thí, ái ngữ, lợi hành đồng sự để thu nhiếp chúng sanh.

Thừa sự tâm không thối

清淨無雜亂

thanh tịnh vô tạp loạn

Thanh tịnh không tạp loạn

佛子大法藏

Phật-Tử Đại Pháp tạng

Tàng lớn của Phật tử.

不離菩提心

bất ly Bồ-đề tâm

Không lìa tâm Bồ-đề

恒時無惱害

hằng thời vô não hại

Thường không làm não hại

於生絕輕慢

ư sanh tuyệt khinh mạn

Tuyệt đối không khinh mạn

遠離諸魔道

viễn li chư ma đạo

Lìa xa các ma đạo

得彼真空際

đắc bỉ chân không tế

Chúng được pháp chân không.

三者樂求妙法棄捨身命。

tam giả lạc cầu diệu Pháp khí xả thân mạng.  
Ba là vui cầu diệu pháp, xả bỏ thân mạng.

四者聞義不足集諸善根勤行精進。迦葉。如是四法。

tứ giả văn nghĩa bất túc tập chư thiện căn tinh cần hành tinh tấn. Ca-diếp. như thị  
tứ Pháp.

Bốn là nghe nghĩa không biết đủ, tập hội các căn lành, cần hành tinh tấn. Nay Ca-  
diếp! Bốn pháp như vậy

能集菩薩一切善根。我今於此。重說頌曰。

năng tập Bồ-tát nhất thiết thiện căn. ngã kim ư thử. trọng thuyết tụng viết.  
hay làm cho Bồ-tát tập hội tất cả căn lành. Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng  
rằng:

樂住閑寂處

lạc trụ nhàn tịch xử  
Thích ở nơi nhàn tịnh

四攝御眾生

tứ nhiếp ngự chúng sanh  
Bốn pháp đưa chúng sanh

勤求於妙法

tinh cần cầu ư diệu Pháp  
Tinh cần cầu diệu pháp

精進集善根

tinh tấn tập thiện căn  
Siêng tích tập căn lành

佛說此四行

Phật thuyết thử tứ hành  
Phật nói bốn hạnh này

佛告迦葉波。有四種法。生菩薩無量福德。

Phật cáo Ca-diếp-ba. hữu tứ chủng Pháp. sanh Bồ-tát vô lượng phúc đức.  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp, Bồ-tát phát sanh vô lượng phước đức.

迦葉白言。云何四法。一者恒行法施心無憍惜。

Ca-diếp bạch ngôn. vân hà tứ Pháp. nhất giả hằng hành Pháp thí tâm vô lận tích.  
Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp? Một là thường hành pháp bố thí tâm không  
lấn tiếc.

二者起大悲心救護破戒眾生。

nhị giả khởi Đại bi tâm cứu hộ phá giới chúng sanh.  
Hai là khởi đại bi tâm cứu giúp những chúng sanh phá giới.

三者化諸有情發菩提心。四者於下劣惡人忍辱救護。

tam giả hóa chư hữu tình phát Bồ-đề tâm. tứ giả ư hạ liệt ác nhân nhẫn nhục cứu  
hộ.

Ba là giáo hóa các hữu tình khiến phát tâm Bồ-đề. Bốn là nhẫn nhục và cứu hộ đối  
với người xấu xa hèn kém.

迦葉。如是四法。出生菩薩無量福德。我今於此。

Ca-diếp. như thị tứ Pháp. xuất sanh Bồ-tát vô lượng phúc đức. ngã kim ư thử.  
Nay Ca-diếp! Bốn pháp như vậy, khiến Bồ-tát sanh vô lượng phước đức. Nay Ta sẽ ở  
trong đây

重說頌曰。

trọng thuyết tụng viết.  
mà nói lại tụng rằng:

廣說諸妙法

quảng thuyết chư diệu Pháp  
Rộng nói các diệu pháp

毀禁諸有情

宴默離喧煩

yến mặc ly huyền phiền  
An ổn lìa phiền não

令登於覺路

linh đăng ư giác lộ  
Khiến lên đường giác ngộ

棄捨於身命

khí xả ư thân mạng  
Với thân mạng xả bỏ

聞法心無足

văn Pháp tâm vô túc  
Nghe pháp không biết đủ

出生無邊善

xuất sanh vô biên thiện  
Sanh vô biên thiện pháp.

清淨心無憍

thanh tịnh tâm vô khác  
Tâm thanh tịnh không tiếc

救護垂慈愍

hủy cấm chu hữu tình  
Các hữu tình phá giới

令彼眾生類

linh bỉ chúng sanh loại  
Khiến cho chúng sanh kia

種種劣惡人

chủng chủng liệt ác nhân  
Các hạng người xấu kém

菩薩及諸佛

Bồ-tát cập chu Phật  
Chu Phật cùng Bồ-tát

佛告迦葉波。有四種法。

Phật cáo Ca-diếp-ba.  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp

能破菩薩意地無明煩惱。迦葉白言。云何四法。

năng phá Bồ-tát ý địa vô minh phiền não. Ca-diếp bạch ngôn. vân hà tứ Pháp.  
Bồ-tát có thể phá tâm vô minh phiền não. Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp?

一者所行戒行具足無犯。二者受持妙法身心無倦。

nhất giả sở hạnh giới hành cụ túc vô phạm. nhị giả thọ trì diệu Pháp thân tâm vô  
quyện.

Một là hành giới hạnh đầy đủ không phạm. Hai là thọ trì diệu pháp thân tâm không  
mỏi mệt.

三者隨其意解傳施法燈。四者禮敬投誠稱揚佛德。

tam giả tùy kỳ ý giải truyền thí Pháp đăng. tứ giả lễ kính đầu thành xưng dương  
Phật đức.

Ba là theo nơi ý kinh pháp ấy mà giải bày để trao truyền ngọn đèn pháp thí. Bốn là  
đầu thành lễ kính, xưng tán đức hạnh của Phật.

迦葉如是四法。能破菩薩意地無明煩惱。

Ca-diếp như thị tứ Pháp. năng phá Bồ-tát ý địa vô minh phiền não.  
Này Ca-diếp! Bốn pháp như vậy, Bồ-tát có thể phá tâm vô minh phiền não.

我今於此。重說頌曰。

ngã kim ư thử. trọng thuyết tụng viết.  
Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng rằng:

堅持具足戒

kiên trì cụ túc giới  
Kiên trì giới đầy đủ

妙法恒受持

diệu Pháp hằng thọ trì  
Thường thọ trì diệu pháp

所解諸佛教

sở giải chư Phật giáo  
Theo ý chư Phật dạy

稱讚一切佛

xưng tán nhất thiết Phật  
Xưng tán tất cả Phật

智者行此四

trí giả hành thử tứ  
Bậc trí hành bốn này

一切諸佛心

nhất thiết chư Phật tâm  
Tâm tất cả chư Phật

佛告迦葉波。有四種法。生菩薩無礙智。

Phật cáo Ca-diếp-ba. hữu tứ chủng Pháp. sanh Bồ-tát vô ngại trí.  
Phật Thuyết Đại Ca Diếp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh, quyển thứ nhất

cứu hộ thù từ mẫn  
Rũ lòng thương cứu giúp

發於淨覺心

phát ư tịnh giác tâm  
Phát tâm giác thanh tịnh

救護行忍辱

cứu hộ hành nhẫn nhục  
Hành nhẫn nhục cứu giúp

同行此四行

đồng hành thử tứ hành  
Đồng làm bốn pháp ấy.

hữu tứ chủng Pháp.

意地無缺犯

ý địa vô khuyết phạm  
Tâm địa không khuyết phạm

晝夜心無倦

trú dạ tâm vô quyện  
Ngày đêm tâm không mệt

隨意施法燈

tùy ý thí Pháp đăng  
Giải bày thấp đèn pháp

投誠恭敬禮

đầu thành cung kính lễ  
Đầu thành cung kính lễ

能斷無明地

năng đoạn vô minh địa  
Hay đoạn đất vô minh

依此得菩提

ý thử đắc Bồ-đề  
Nuông đây được Bồ-đề.

Phật bảo Ca-diếp-ba: Có bốn thứ pháp, Bồ-tát sanh trí vô ngại.

迦葉白言。云何四法。一者所有法施。

Ca-diếp bạch ngôn. vân hà tứ Pháp. nhất giả sở hữu Pháp thí.

Ca-diếp bạch rằng: Thế nào là bốn pháp? Một là có pháp để bố thí.

二者受持妙法。三者不害他人。四者亦不輕慢。

nhị giả thọ trì diệu Pháp. tam giả bất hại tha nhân. tứ giả diệc bất khinh mạn.

Hai là thọ trì diệu pháp. Ba là không hại người khác. Bốn là cũng chẳng khinh mạn.

迦葉如是四法。生菩薩無礙智。我今於此。重說頌曰。

Ca-diếp như thị tứ Pháp. sanh Bồ-tát vô ngại trí. ngã kim ư thủ. trọng thuyết tụng viết.

Này Ca-diếp! Bốn pháp như vậy, Bồ-tát sanh trí vô ngại. Nay Ta sẽ ở trong đây mà nói lại tụng rằng:

所行妙法施

sở hạnh diệu Pháp thí

Thường hành bố thí pháp

不嫉眾生學

bất tật chúng sanh học

Không ganh người có học

四法除宿罪

tứ Pháp trừ tứ tội

Bốn pháp trừ tội cũ

依此得菩提

ý thủ đắc Bồ-đề

Nương đây được Bồ-đề

復別十二行

phục biệt thập nhị hành

Phân biệt mười hai hành

成就甘露味

thành tựu cam lộ vị

Thành tựu Cam lộ vị

而具深法眼

nhì cụ thâm Pháp nhãn

Mà đủ Pháp nhãn sâu

佛說於彼人

Phật thuyết ư bi nhân

Phật nói người như đây

所有恒河沙

sở hữu hằng hà sa

Như cát nơi sông Hằng

滿中盛七寶

mãn trung thịnh thất bảo

Trong đó đầy bảy báu

彼福亦無量

bi phúc diệc vô lượng

Được phước cũng vô lượng

四句伽他經

tứ cú đà tha Kinh

Bốn câu đà tha kinh

復次迦葉波

phục thứ Ca-diếp-ba

Lại nữa Ca-diếp-ba

未名菩薩者

vị danh Bồ-tát giả

Chưa gọi là Bồ-tát

說此四法中

令彼得受持

linh bi đắc thọ trì

Khiến kia được thọ trì

尊重於持戒

tôn trọng ư trì giới

Tôn trọng người trì giới

獲成最上覺

hoạch thành tối thượng giác

Được thành Tối thượng giác

出生無礙智

xuất sanh vô ngại trí

Phát sanh trí vô ngại

智者得菩提

trí giả đắc Bồ-đề

Bậc trí được Bồ-đề

所有諸眾生

sở hữu chư chúng sanh

Nơi có các chúng sanh

解說讀誦持

giải thuyết đọc tụng trì

Giải nói đọc tụng trì

獲福無有量

hoạch phúc vô hữu lượng

Được phước không thể lường

俱胝佛刹土

câu chi Phật sát độ

Ức các cõi nước Phật

供養一切佛

cung dưỡng nhất thiết Phật

Cúng dường tất cả Phật

若人念此法

nhược nhân niệm thủ Pháp

Nếu người niệm pháp đây

福德勝於彼

phúc đức thắng ư bi

Phước đức nhiều hơn kia

若持此四句

nhược trì thủ tứ cú

Nếu trì bốn câu này

得名為菩薩

đắc danh vi Bồ-tát

Thì được gọi Bồ-tát

具足十善行

thuyết thù tứ Pháp trung  
Trong bốn pháp nói đây

依法平等心

y Pháp bình đẳng tâm  
Nương pháp tâm bình đẳng

大迦葉問大寶積正法經卷第一

Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh quyển đệ nhất  
Đại Ca-diếp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh - Quyển thứ nhất.

cụ túc Thập thiện hành  
Đầy đủ mười hạnh lành

是故名菩薩

thị cố danh Bồ-tát  
Vì thế gọi Bồ-tát.

**PHẬT THUYẾT ĐẠI CA DIẾP VẤN  
ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP KINH**  
QUYỂN THỨ HAI

*Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 352*

**Hán dịch: Thần Trí Hộ  
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiền  
Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (06-2007)  
Biên tập : Thích Phước Nghiêm**



**Tuệ Quang Wisdom Light Foundation**

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 352 《佛說大迦葉問大寶積正法經》CBETA 電子佛典 V1.10 普及版

【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 352 《Phật thuyết Đại ca diệp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 phổ cập bản

【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 352 《Phật nói Đại ca lá hỏi Đại Bảo-Tích chánh Pháp Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 khắp cùng bản

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 佛說大迦葉問大寶積正法經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 Phật thuyết Đại ca diệp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 Phật nói Đại ca lá hỏi Đại Bảo-Tích chánh Pháp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

---

---

---

### 佛說大迦葉問大寶積正法經卷第二

Phật thuyết Đại ca diệp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh quyền đệ nhị  
Phật Thuyết Đại Ca-diệp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh  
Quyển Thứ Hai

西天譯經三藏朝散大夫試鴻臚少卿傳法大師臣施護奉 詔譯  
Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí hồng lu thiếu khanh truyện  
Pháp Đại sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch  
Tây thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Thiếu Khanh  
Truyền Pháp Đại Sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch

佛告迦葉波。若諸菩薩。具足三十二法。

Phật cáo Ca-diệp-ba。nhuộc chu Bồ-tát。cụ túc tam thập nhị Pháp。

Phật bảo Ca-diệp-ba: Nếu các Bồ-tát đầy đủ ba mươi hai pháp

名為菩薩。迦葉白言。云何三十二法。

danh vi Bồ-tát。ca diệp bạch ngôn。vân hà tam thập nhị Pháp。

thì mới gọi là Bồ-tát。Ca-diệp thưa: Thế nào gọi là ba mươi hai pháp?

所為利益一切眾生。一切智智種子。不量貴賤令得智慧。

sở vi lợi ích nhất thiết chúng sanh。nhất thiết trí trí chúng tử。bất lượng quý tiện lệnh đắc trí tuệ。

Một là vì lợi ích của tất cả chúng sanh。Hai là gieo hạt giống nhất thiết trí trí。Ba là không kể sang hèn đều khiến được trí huệ。

為一切眾生低心離我。真實愍念其意不退。

vi nhất thiết chúng sanh đê tâm ly ngã。chân thật mẫn niệm kỳ ý bất thối。

Bốn là vì tất cả chúng sanh mà khiêm nhường xa lìa ngã。Năm là chân thật thương xót chúng sanh ý không thối chuyển。

善友惡友心行平等。雖到涅槃思念愛語。

thiện hữu ác hữu tâm hành bình đẳng。tuy đáo Niết-Bàn tư niệm ái ngữ。



Sáu là có tâm bình đẳng đối với bạn tốt bạn xấu. Bảy là tuy đắc Niết-bàn vẫn nhớ đến ái ngữ

先意問訊愍見重擔。於諸眾生恒起悲心。

tiên ý vấn tân mẫn kiến trọng đām . u chu chúng sanh hằng khởi bi tâm .

Tám là thấy người làm việc lớn trước đến thăm hỏi. Chín là thường khởi tâm từ bi đối với các chúng sanh.

常求妙法。心無疲厭。聞法無足。

thường cầu diệu Pháp . tâm vô bì yếm . văn Pháp vô túc .

Mười là thường cầu pháp vi diệu. Mười một là tâm không mệt mỏi nhằm chán. Mười hai là nghe pháp không lúc nào thấy đủ.

常省己過不說他犯。具諸威儀恒發大心。修諸勝業不求果報。

thường tỉnh kỷ quá bất thuyết tha phạm . cụ chu uy nghi hằng phát Đại tâm . tu chu thắng nghiệp bất cầu quả báo .

Mười ba là thường suy xét lỗi mình, không nói lỗi người khác. Mười bốn là giữ các oai nghi, thường phát tâm lớn. Mười lăm là tu các nghiệp thù thắng mà không cầu quả báo

所生戒德滅諸輪迴。令諸有情道心增進。

sở sanh giới đức diệt chư Luân-hồi . lệnh chư hữu tình Đạo tâm tăng tiến .

Mười sáu là phát sanh giới luật đức hạnh diệt trừ luân hồi. Mười bảy là khiến đạo tâm của chúng sanh được tăng trưởng

一切善根皆悉集行。雖行忍辱精進。

nhất thiết thiện căn giai tất tập hành . tuy hành nhẫn nhục tinh tấn .

Mười tám là thực hành tất cả căn lành. Mười chín là thực hành nhẫn nhục tinh tấn.

如入無色禪定。智慧方便善解總持。

như nhập vô sắc Thiền định . trí tuệ phương tiện thiện giải tổng trì .

Hai mươi là như nhập thiền định cõi Vô-sắc. Hai mươi một là dùng trí huệ phương tiện khéo hiểu rõ pháp Tổng-trì

恒以四攝巧便受行。持戒犯戒慈心不二。常處山林樂聞深法。

hằng dĩ tứ nhiếp xảo tiện thọ hành . trì giới phạm giới từ tâm bất nhị . thường xử sơn lâm lạc văn thâm Pháp .

Hai mươi hai là thường thực hành khéo léo Tứ-nhiếp-pháp. Hai mươi ba là đối với người trì giới hay phạm giới đều từ tâm như nhau. Hai mươi bốn là thường ở núi rừng, ưa học hỏi pháp thâm sâu

世間所有種種厭離。愛樂出世無為果德。

thế gian sở hữu chủng chủng yếm ly . ái lạc xuất thế vô vi quả đức .

Hai mươi lăm là xa lìa các pháp thế gian. Hai mươi sáu là ưa pháp xuất thế và quả đức vô vi.

遠離小乘正行大行。棄捨惡友親近善友。

viễn li Tiểu thừa chánh hành Đại hành . khí xả ác hữu thân cận thiện hữu .

Hai mươi bảy là bỏ pháp tiểu thừa tu pháp đại thừa. Hai mươi tám là xa lìa bạn ác gần gũi bạn lành

於四無量及五神通。皆悉通達已淨無知。

ư tứ vô lượng cập ngũ Thần thông . giai tất thông đạt dĩ tịnh vô tri .

Hai mươi chín là có tâm bi hỷ xả và năm thứ thần thông. Ba mươi là thông đạt hết thảy các pháp

不著邪正如實依師。發菩提心純一無雜。迦葉。

bất trú tà chánh như thật y sư . phát bồ đề tâm thuần nhất vô tạp . ca diệp .

Ba mươi một là không đắm vào chánh tà, chỉ như thật mà y theo thầy. Ba mươi hai là phát tâm Bồ-đề thuần nhất không tạp. Đây Ca-diếp!

如是具足三十二法。是則名為菩薩。我今於此。

như thị cụ túc tam thập nhị Pháp 。 thị tắc danh vi Bồ-tát 。 ngã kim ư thù 。  
Đầy đủ ba mươi hai pháp như vậy thì gọi là Bồ-tát. Nay Ta

重說頌曰。

trọng thuyết tụng viết 。  
tuyên thuyết bài kệ rằng:

利益諸眾生  
lợi ích chư chúng sanh  
Vì lợi ích chúng sanh  
令生一切智  
lệnh sanh nhất thiết trí  
Khiến sanh nhất thiết trí  
同入如來慧  
đồng nhập Như-Lai tuệ  
Cùng vào Như-lai tuệ  
心意不退轉  
tâm ý bất thoái chuyển  
Tâm ý không thoái chuyển  
平等觀於彼  
bình đẳng quán ư bỉ  
Đều quán sát bình đẳng  
愛語先問訊  
ái ngữ tiên vấn tẩn  
Vấn ái ngữ thăm hỏi  
及彼諸眾生  
cập bỉ chư chúng sanh  
Đối với các chúng sanh  
求法心無苦  
cầu Pháp tâm vô khổ  
Tâm cầu pháp không dưng  
恒省自身非  
hằng tỉnh tự thân phi  
Thường quán xét lỗi mình  
具修眾威儀  
cụ tu chúng uy nghi  
Tu tập cá oai nghi  
不求於果報  
bất cầu ư quả báo  
Không cầu nơi quả báo  
斷滅於輪迴  
đoạn diệt ư Luân-hồi  
Đoạn diệt đường luân hồi  
遠害增道意  
viễn hại tăng đạo ý  
Liã ác khởi tâm đạo  
精進修諸行  
tinh tấn tu chư hành  
Tinh tấn tu các pháp  
智慧諸方便  
trí tuệ chư phương tiện  
Dùng trí huyệt phương tiện  
四攝恒受行  
tứ nhiếp hằng thọ hành  
Thực hành Tứ nhiếp pháp

欲行清淨行  
dục hành thanh tịnh hành  
Thực hành hạnh thanh tịnh  
不擇於貴賤  
bất trạch ư quý tiện  
Không lựa chọn sang hèn  
真實愍眾生  
chân thật mẫn chúng sanh  
Thương xót các chúng sanh  
善友及惡友  
thiện hữu cập ác hữu  
Bạn lành và bạn ác  
雖到於涅槃  
tuy đáo ư Niết-Bàn  
Tuy được đến Niết-bàn  
憂慙於重擔  
ưu môn ư trọng đấm  
An ủi người làm thiện  
不斷於大悲  
bất đoạn ư Đại bi  
Luôn khởi tâm đại bi  
聞義常不足  
văn nghĩa thường bất túc  
Nghe pháp mãi không chán  
不譏他人犯  
bất kỳ tha nhân phạm  
Không nói lỗi người khác  
而起大乘行  
nhi khởi Đại thừa hành  
Thực hành hạnh Đại Thừa  
所持諸戒德  
sở trì chư giới đức  
Giữ giữ các giới luật  
令彼諸有情  
lệnh bỉ chư hữu tình  
Khiến cho các chúng sanh  
忍辱集善根  
nhẫn nhục tập thiện căn  
Nhẫn nhục chứa căn lành  
如入無色定  
như nhập vô sắc định  
Như vào định vô sắc  
總持而善解  
tổng trì nhi thiện giải  
Khéo hiểu pháp Tổng trì  
持犯二俱愍  
trì phạm nhị câu mẫn  
Trì, phạm, đều thương xót

常處於林間  
thường xử ư lâm gian  
thường ở nơi núi rừng

厭離於世間  
yếm ly ư thế gian  
Xa lìa pháp thế gian

遠離聲聞乘  
viễn li thanh văn thừa  
Không theo Thanh-văn-thừa

棄捨於惡朋  
khí xả ư ác bằng  
Xa lìa các bạn ác

五通四無量  
ngũ thông tứ vô lượng  
Ngũ thông, Tứ vô lượng

清淨絕無知  
thanh tịnh tuyệt vô tri  
Trí hoàn toàn thanh tịnh

依師究真實  
y sư cứu chân thật  
Chân thật y theo thầy

佛說觀行法  
Phật thuyết quán hành Pháp  
Phật thuyết các pháp ấy

若此三十二  
nhược thử tam thập nhị  
Như ba mươi hai pháp này

菩薩具足行  
Bồ-tát cụ túc hành  
Bồ-tát thực hành đủ

佛告迦葉波。我為菩薩。說譬喻法。

Phật cáo Ca-diếp-ba 。 ngã vi Bồ-tát 。 thuyết thí dụ Pháp 。  
Phật bảo Ca-diếp-ba: Ta vì các Bồ-tát mà thuyết pháp ví dụ

令彼知見為菩薩德。迦葉白言。其義云何。迦葉。

lệnh bỉ tri kiến vi Bồ-tát đức 。 ca diếp bạch ngôn 。 kỳ nghĩa vân hà 。 ca diếp 。  
Khiến biết được đức hạnh của Bồ-tát. Ca-diếp bạch rằng: Nghĩa ấy như thế nào?  
Phật dạy: Ca-diếp

譬如地大與一切眾生。為其所依令彼長養。

thí như địa Đại dữ nhất thiết chúng sanh 。 vi kỳ sở y lệnh bi trường dưỡng 。  
Thí như tất cả chúng sanh sống trên đại địa, nhờ nương vào đại địa mà tồn tại  
而彼地大於其眾生無求無愛。菩薩亦然。

nhì bì địa Đại ư kỳ chúng sanh vô cầu vô ái 。 Bồ-tát diệc nhiên 。  
nhưng đại địa đối với các chúng sanh không có mong cầu, cũng không tham đắm. Bồ-  
tát cũng như vậy,

從初發心直至道場。坐得成菩提。於其中間。

tòng sơ phát tâm trực chí đạo trường 。 tọa đắc thành bồ đề 。 ư kỳ trung gian 。  
từ sơ pháp âm cho đến lúc ngồi đạo tràng, rong khoáng giữa ấy

運度一切眾生無愛無求。亦復如是。我今於此。

vận độ nhất thiết chúng sanh vô ái vô cầu 。 diệc phục như thị 。 ngã kim ư thử 。  
đã độ hết thầy chúng sanh mà không có mong cầu, cũng không tham đắm cũng như  
vậy, Ta nay

恒樂聞深法  
hằng lạc văn thâm Pháp  
Ưa thích nghe diệu pháp

愛敬無上果  
ái kính vô thượng quả  
Ái kính đạo Vô thượng

而修大乘行  
nhi tu Đại thừa hành  
Mà tu pháp Đại thừa

親近於善友  
thân cận ư thiện hữu  
Gần gũi với bạn lành

智慧悉通達  
trí tuệ tất thông đạt  
Trí huệ đều thông đạt

不著於邪正  
bất trú ư tà chánh  
Không đắm nơi chánh, tà

純一無雜行  
thuần nhất vô tạp hành  
Tâm thuần nhất không tạp

先發菩提心  
tiên phát bồ đề tâm  
trước phát tâm Bồ-đề

善逝當演說  
thiện thế đương diễn thuyết  
Bậc Thiện thế diễn thuyết

得佛甘露味  
đắc Phật cam lộ vị  
Đắc vị cam lồ Phật.

而說頌曰。

nhi thuyết tụng viết 。

tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如地大	與諸眾生	依止長養
thí như địa Đại	dữ chư chúng sanh	y chỉ trường dưỡng
Thí như đại địa	Có các cúng sanh	Nương vào để sống
於彼眾生	無求無愛	菩薩亦爾
ư bi chúng sanh	vô cầu vô ái	Bồ-tát diệc nhi
Nhung đại địa ấy	Không mong cầu gì	Bồ-tát cũng vậy
從初發心	直至道場	成無上覺
tòng sơ phát tâm	trực chí đạo trường	thành vô thượng giác
Từ sơ phát tâm	Đến ngồi đạo tràng	Thành vô thượng giác
運度有情	無求無愛	無冤無親
vận độ hữu tình	vô cầu vô ái	vô oan vô thân
rộng độ chúng sanh	Ma không mong cầu	Kẻ oán người thân.
平等攝受 令得菩提		
bình đẳng nhiếp thọ	lệnh đắc bồ đề	
Đều xem bình đẳng		
Khiến đắc Bồ-đề.		

佛告迦葉波。譬如水界潤益一切藥草樹木。

Phật cáo Ca-diếp-ba. thí như thủy giới nhuận ích nhất thiết dược thảo thụ mộc 。

Phật bảo Ca-diếp-ba: Thí như nước làm thấm nhuận lợi ích tất cả cỏ cây,

而彼水界於其草木無愛無求。迦葉。

nhi bi thủy giới ư kỳ thảo mộc vô ái vô cầu 。

nhưng nước đối với cỏ cây không có sự mong cầu hay tham đắm. Nay Ca-diếp,

菩薩亦然。以清淨慈心。遍行一切眾生。

Bồ-tát diệc nhiên 。

dĩ thanh tịnh từ tâm 。

biến hành nhất thiết chúng sanh 。

Bồ-tát cúng như vậy, dung tâm từ bi thanh tịnh khiến tất cả chúng sanh  
潤益有情白法種子。令得增長無愛無求。我今於此。

nhuận ích hữu tình bạch Pháp chủng tử 。

而說頌曰。

nhi thuyết tụng viết 。

tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如水界	潤益一切	藥草樹木
thí như thủy giới	nhuận ích nhất thiết	dược thảo thụ mộc
Thí như nước chảy	Thấm nhuận tất cả	Cỏ cây lớn nhỏ
令得生長	無愛無求	菩薩亦爾
lệnh đắc sanh trường	vô ái vô cầu	Bồ-tát diệc nhi
Đều được sanh trường	Mà chẳng mong cầu	Bồ-tát cũng vậy
以淨慈心	遍及有情	次第普潤
dĩ tịnh từ tâm	biến cập hữu tình	thứ đệ phổ nhuận
Dùng tâm từ bi	Ban khắp chúng sanh	Lần lượt lợi ích
淨種增長	破大力魔	得佛菩提
tịnh chủng tăng trưởng	phá Đại lực ma	đắc Phật bồ đề
Tăng trưởng nhân lành	Phá dẹp ma quân	Đắc quả Bồ-đề.

佛告迦葉。譬如火界成熟一切穀麥苗稼。

Phật cáo ca diếp. thí như hỏa giới thành thực nhất thiết cốc mạch 苗 稼 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như lửa nấu chín tất cả lúa gạo,

火界於彼無愛無求。迦葉。菩薩亦爾。

hòa giới ư bỉ vô ái vô cầu 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệp nhĩ 。  
nhưng lửa đối với lúa gạo không có mong cầu tham đắm. Nay Ca-diếp! Bồ-tát cũng  
lại như vậy,

以大智慧成熟一切眾生善芽。我今於此。而說頌曰。

dĩ Đại trí tuệ thành thực nhất thiết chúng sanh thiện nha 。 ngã kim ư thử 。 nhi  
thuyết tụng viết 。  
dung trí huệ lớn để nấu chín mầm thiện của tất cả chúng sanh. Nay Ta tuyên thuyết  
bài kệ rằng:

譬如火界	成熟一切	五穀苗稼
thí như hỏa giới	thành thực nhất thiết	ngũ cốc miêu giá
Thí như ngọn lửa	Nấu chín tất cả	Đậu mè lúa gạo
而彼火界	於其苗稼	無求無愛
nhi bỉ hỏa giới	ư kỳ miêu giá	vô cầu vô ái
Mà ngọn lửa kia	Đối với các thứ	Không có mong cầu
菩薩亦爾	以智慧火	成熟一切
Bồ-tát diệp nhĩ	dĩ trí tuệ hòa	thành thực nhất thiết
Bồ-tát cũng vậy	Dùng lửa trí huệ	Nấu chín tất cả
眾生善芽	菩薩於彼	無求無愛
chúng sanh thiện nha	Bồ-tát ư bỉ	vô cầu vô ái
Mầm thiện chúng sanh	Mà tâm Bồ-tát	Không có mong cầu.

佛告迦葉。譬如風界遍滿一切諸佛剎土。

Phật cáo ca diệp 。 thí như phong giới biến mãn nhất thiết chư Phật sát độ 。  
Phật bảo Ca-diếp: Thí như gió thổi khắp cõi nước chư Phật.

迦葉。菩薩亦爾。以善方便遍眾生界令解佛法。

ca diệp 。 Bồ-tát diệp nhĩ 。 dĩ thiện phương tiện biến chúng sanh giới lệnh giải  
Phật Pháp 。  
Nay Ca-diếp, Bồ-tát cũng lại như vậy, dùng phương tiện khéo léo khiến chúng sanh  
khắp nơi hiểu rõ Phật pháp.

我今於此。而說頌曰。

ngã kim ư thử 。 nhi thuyết tụng viết 。  
Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如風界	隨自勢力	普遍佛剎
thí như phong giới	tùy tự thế lực	phổ biến Phật sát
Thí như gió thổi	Tùy theo thế lực	biến khắp cõi Phật
諸菩薩眾	亦復如是	以善方便
chư Bồ-tát chúng	diệp phục như thị	dĩ thiện phương tiện
Các chúng Bồ-tát	Cũng lại như vậy	Dùng phương tiện khéo
為其佛子	說最上法	
vì kỳ Phật-Tử	thuyết tối thượng Pháp	
Vì các chúng sanh	Nói pháp tối thượng.	

佛告迦葉。譬如魔冤領四軍兵。

Phật cáo ca diệp 。 thí như ma oan lĩnh tứ quân binh 。  
Phật bảo Ca-diếp: Thí như ma oán thống lĩnh bốn binh chúng,

欲界諸天不能降彼。迦葉。菩薩亦爾。

dục giới chư Thiên bất năng hàng bỉ 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệp nhĩ 。  
Mà chư thiên ở cõi dục không bị ma hàng phục. Nay Ca-diếp, Bồ-tát cũng như vậy  
đ得意清淨一切眾魔不能惑亂。我今於此。而說頌曰。

đắc ý thanh tịnh nhất thiết chúng ma bất năng hoặc loạn 。 ngã kim ư thù 。 nhi thuyết tụng viết 。  
**đã đắc ý thanh tịnh rồi thì tất cả chúng ma không thể làm nào loạn. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:**

譬如魔冤 thí như ma oan <b>Thí như ma oán</b>	領四軍兵 lĩnh tứ quân binh <b>Thông lĩnh binh chúng</b>	欲界諸天 dục giới chư Thiên <b>Chư thiên cõi dục</b>
不能降彼 bất năng hàng bỉ <b>Không bị hàng phục</b>	菩薩亦爾 Bồ-tát diệc nhĩ <b>Bồ-tát cũng vậy</b>	得意清淨 đắc ý thanh tịnh <b>Đắc ý thah tịnh</b>
一切眾魔 nhất thiết chúng ma <b>Tất cả chúng ma</b>	不可感亂 bất khả hoặc loạn <b>Không thể làm hại.</b>	

佛告迦葉。譬如白月漸漸增長乃至圓滿。

Phật cáo ca diệp 。 thí như bạch nguyệt tiệm tiệm tăng trưởng nãi chí viên mãn 。  
**Phật bảo Ca-diệp: Thí như mặt trăng sáng dần dần tăng trưởng cho đến khi tròn đầy.**

迦葉。菩薩亦爾。以無染心求一切法乃至圓滿。

ca diệp. Bồ-tát diệc nhĩ. dĩ vô nhiễm tâm cầu nhất thiết Pháp nãi chí viên mãn 。  
**Này Ca-diệp, Bồ-tát cũng như vậy, dùng tâm vô nhiễm để cầu tất cả pháp cho đến khi viên mãn**

我今於此。而說頌曰。

ngã kim ư thù 。 nhi thuyết tụng viết 。  
**Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:**

譬如白月 thí như bạch nguyệt <b>Thí như mặt trăng</b>	漸漸增長 tiệm tiệm tăng trưởng <b>Dần dần tăng trưởng</b>	直至圓滿 trực chí viên mãn <b>Đến khi tròn đầy</b>
菩薩亦爾 Bồ-tát diệc nhĩ <b>Bồ-tát cũng vậy</b>	以無染心 dĩ vô nhiễm tâm <b>Dùng tâm vô nhiễm</b>	求修諸善 cầu tu chư thiện <b>Tu các pháp lành</b>
漸漸增進 tiệm tiệm tăng tiến <b>Dần dần tăng trưởng</b>	白法圓滿 bạch Pháp viên mãn <b>Đến khi viên mãn.</b>	

佛告迦葉。譬如日出放大光明。

Phật cáo ca diệp 。 thí như nhật xuất phóng Đại quang-minh 。  
**Phật bảo Ca-diệp: Thí như mặt trời xuất hiện phóng ánh sáng lớn,**

照彼世間無不朗然。迦葉。菩薩亦爾。放智慧光照諸眾生。

chiếu bỉ thế gian vô bất lãng nhiên 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệc nhĩ 。 phóng trí tuệ quang chiếu chư chúng sanh 。  
**chiếu khắp thế gian không nơi nào là không sáng. Này Ca-diệp, Bồ-tát cũng lại như vậy, phóng ánh sáng trí huệ chiếu đến các chúng sanh,**

無不開悟。我今於此。而說頌曰。

vô bất khai ngộ 。 ngã kim ư thù 。 nhi thuyết tụng viết 。  
**không ai là không khai ngộ. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:**

譬如日出 thí như nhật xuất <b>Thí như mặt trời</b>	照彼世間 chiếu bỉ thế gian <b>Chiếu khắp thế gian</b>	一切物像 nhất thiết vật tượng <b>Tất cả cảnh vật</b>
無不朗然 vô bất lãng nhiên <b>Đều được soi sáng</b>	菩薩亦爾 Bồ-tát diệc nhĩ <b>Bồ-tát cũng vậy</b>	放智慧光 phóng trí tuệ quang <b>Ánh sáng trí huệ</b>
照諸有情 chiếu chúng hữu tình	無不開解 vô bất khai ngộ	

chiếu chu hữu tình            vô bất khai giải  
Chiếu đến chúng sanh      Khiến đều khai ngộ

佛告迦葉。譬如師子獸王有大威德。

Phật cáo ca diệp 。 thí như Su-tử thú Vương hữu Đại uy đức 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như su tử là vua trong loài thú, có oai đức lớn,  
於彼一切所行之處不驚不怖。迦葉。菩薩亦爾。

ư bí nhất thiết sở hạnh chi xử bất kinh bất phổ 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệc nhĩ 。

su tử đi đến đâu cũng không có sợ hãi. Nay Ca-diếp! Bồ-tát cũng lại như vậy,  
安住多聞戒德。如是一切所往之處不驚不怖。

an trú đa văn giới đức 。 như thị nhất thiết sở vãng chi xử bất kinh bất phổ 。

an trụ nơi giới đức đa văn, như vậy tất cả chỗ Bồ-tát an trụ đều không có sợ hãi

我今於此。而說頌曰。

ngã kim ư thử 。 nhi thuyết tụng viết 。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

師子獸王	威德勇猛	所行之處
Su-tử thú Vương	uy đức dũng mãnh	sở hạnh chi xử
Su tử là vua	Oai đức đồng mãnh	Dù đi đến đâu
心無驚怖	菩薩亦爾	安住多聞
tâm vô kinh phổ	Bồ-tát diệc nhĩ	an trú đa văn
Cũng không sợ hãi	Bồ-tát cũng vậy	An trú đa văn
持戒智慧	於彼世間	所行之處
trì giới trí tuệ	ư bí thế gian	sở hạnh chi xử
Trì giới, trí huệ	Đối với thế gian	Những nơi an trụ

離諸怖畏

ly chu bố úy

Đều không sợ hãi

佛告迦葉。譬如龍象有大勢力。

Phật cáo ca diệp 。 thí như long tượng hữu Đại thể lực 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như voi lớn có thể lực mạnh

擔負一切重物而無疲苦。迦葉。菩薩亦爾。

đam phụ nhất thiết trọng vật nhi vô bì khổ 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệc nhĩ 。

mang tất cả vật nặng mà không mệt nhọc. Nay Ca-diếp! Bồ-tát cũng lại như vậy

擔負一切眾生五蘊諸苦。不得其苦。我今於此。而說頌曰。

đam phụ nhất thiết chúng sanh ngũ uẩn chu khổ. bất đắc kỳ khổ. ngã kim ư thử 。

nhi thuyết tụng viết 。

gánh vác các khổ năm uẩn cho tất cả chúng sanh mà không khổ nhọc. Nay ta thuyết  
bài kệ rằng:

譬如龍象	有大勢力	身負重物
thí như long tượng	hữu Đại thể lực	thân phụ trọng vật
Thí như voi lớn	Có sức lực mạnh	Thân mang vật nặng
而不疲苦	菩薩亦爾	擔負眾生
nhi bất bì khổ	Bồ-tát diệc nhĩ	đam phụ chúng sanh
Không thấy mệt nhọc	Bồ-tát cũng vậy	Gánh cho chúng sanh
五蘊諸苦	亦無疲苦	
ngũ uẩn chu khổ	diệc vô bì khổ	
Các khổ năm uẩn	Cũng không khổ nhọc	

佛告迦葉。

Phật cáo ca diệp 。

Phật bảo Ca-diếp

譬如蓮華生長水中淤泥濁水而不能染。迦葉。菩薩亦爾。雖生世間。

thí như liên hoa sanh trường thủy trung ú nê trước thủy nhi bất năng nhiễm 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệp nhĩ 。 tuy sanh thế gian 。  
Thí như hoa sen sanh trường trong bùn dơ mà không bị nhiễm. Nay Ca-diếp! Bồ-tát cũng lại như vậy, tuy sống ở thế gian

世間雜染終不能著。我今於此。而說頌曰。

thế gian tạp nhiễm chung bất năng trú 。 ngã kim ư thử 。 nhi thuyết tụng viết 。  
mà không đắm trước các tạp nhiễm ở thế gian. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如蓮華	出生水中	濁水淤泥
thí như liên hoa	xuất sanh thủy trung	trọc thủy ú nê
Thí như hoa sen	Sống ở trong nước	Nằm trong bùn dơ
而不可染	菩薩亦爾	雖生世間
nhi bất khả nhiễm	Bồ-tát diệp nhĩ	tuy sanh thế gian
Mà không ô nhiễm.	Bồ-tát cũng vậy	Tuy ở thế gian
種種雜染	而不能著	
chùng chùng tạp nhiễm	nhi bất năng trú	
Mà các tạp nhiễm	Không hề đắm trước.	

佛告迦葉。譬如有人方便斷樹不斷樹根。

Phật cáo ca diệp 。 thí như hữu nhân phương tiện đoạn thụ bất đoạn thụ căn 。  
Phật bảo Ca-diếp: Thí như có người dụng phương tiện chặt cây mà không chặt gốc rễ

而於後時復生大地。迦葉。菩薩亦爾。

nhi ư hậu thời phục sanh Đại địa 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệp nhĩ 。

qua thời gian sau cây lại được sống. Nay Ca-diếp! Bồ-tát cũng lại như vậy

以方便力斷彼煩惱。不斷彼種以大悲善根復生三界。

dĩ phương tiện lực đoạn bỉ phiền não 。 bất đoạn bỉ chủng dĩ Đại bi thiện căn  
phục sanh tam giới 。

dùng sức phương tiện đoạn sạch phiền não, nhưng không đoạn chủng tử nên dung căn  
lành đại bi mà sanh ở ba cõi.

我今於此。而說頌曰。

ngã kim ư thử 。 nhi thuyết tụng viết 。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如有人	以其方便	而斷樹身
thí như hữu nhân	dĩ kỳ phương tiện	nhi đoạn thụ thân
Thí như có người	Dùng sức phương tiện	Mà chặt thân cây
不斷樹根	如是後時	復生大地
bất đoạn thụ căn	nhi thị hậu thời	phục sanh Đại địa
Không chặt gốc rễ	Qua thời gian sau	Cây lại được sống
菩薩亦爾	以善方便	斷彼煩惱
Bồ-tát diệp nhĩ	dĩ thiện phương tiện	đoạn bỉ phiền não
Bồ-tát cũng vậy	Dùng phương tiện hay	Đoạn trừ phiền não.
不斷彼種	以大悲故	復生三界
bất đoạn bỉ chủng	dĩ Đại bi cố	phục sanh tam giới
Không đoạn chủng tử	Do lòng đại bi	Lại sanh ba cõi.

佛告迦葉。譬如諸方所流河水。

Phật cáo ca diệp 。 thí như chư phương sở lưu hà thủy 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như nước sông chảy các nơi

皆歸大海同一鹹味。迦葉。菩薩亦爾。所有一切善根。

giai quy Đại hải đồng nhất hàm vị 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệp nhĩ 。 sở hữu nhất thiết  
thiện căn 。

mà đều quay về biển lớn đồng một vị mặn. Nay Ca-diếp! Bồ-tát cũng lại như vậy,  
có tất cả căn lành



種種利益迴向菩提。與彼涅槃同歸一味。

chúng chúng lợi ích hồi hướng bồ đề 。 dữ bi Niết-Bàn đồng qui nhất vị 。  
và các thứ lợi ích đều hồi hướng đạo Bồ-đề, đồng quy về một vị đó là giải thoát.

我今於此。而說頌曰。

ngã kim ư thử 。 nhi thuyết tụng viết 。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如一切	江河諸水	皆入大海
thí như nhất thiết	giang hà chu thủy	giai nhập Đại hải
Thí như tất cả	Nước khắp suối sông	Đề chảy về biển
同一鹹味	菩薩亦爾	所有一切
đồng nhất hàm vị	Bồ-tát diệc nhĩ	sở hữu nhất thiết
Chung một vị mặn	Bồ-tát cũng vậy	Có các căn lành
善根利益	迴向菩提	及彼真際
thiện căn lợi ích	hồi hướng bồ đề	cập bi chân tế
Cùng việc lợi ích	Hồi hướng Bồ-đề	Đền nơi Niết-bàn.

同歸一味

đồng qui nhất vị

Đồng vị giải thoát.

佛告迦葉。譬如四大天王及忉利天眾。

Phật cáo ca diệp 。 thí như tứ Đại Thiên Vương cập Đạo-lợi Thiên chúng 。

Phật bảo Ca-diệp! Thí như Tứ đại thiên vương và chư thiên ở cõi trời Đạo-lợi

要彼安住妙高之山。迦葉。菩薩亦爾。

yêu bi an trú diệp cao chi sơn 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệc nhĩ 。

cần ở nơi núi Diệp Cao. Nay Ca-diệp! Bồ-tát cũng lại như vậy,

為一切智所修善法。要彼安住菩提大心。我今於此。

vi nhất thiết trí sở tu thiện Pháp. yêu bi an trú bồ đề Đại tâm. ngã kim ư thử 。

dùng Nhất-thiết-trí tu các pháp lành, cần an trụ nơi tâm Bồ-đề lớn. Nay Ta

而說頌曰。

nhi thuyết tụng viết 。

tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如四王	及帝釋眾	要彼安住
thí như tứ Vương	cập đế thích chúng	yêu bi an trú
Giống như Tứ thiên vương	Và chư thiên Đế Thích	Đều cần phải an trụ
妙高之山	菩薩亦爾	為一切智
diệp cao chi sơn	Bồ-tát diệc nhĩ	vi nhất thiết trí
Ở tại núi Diệp cao	Chư Bồ-tát cũng vậy	Vì quả Nhất-thiết-trí
所修善法	安住菩提	
sở tu thiện Pháp	an trú bồ đề	
Chuyên tu các pháp lành	An trú nơi Bồ-đề.	

佛告迦葉。譬如國王欲行王事須假宰臣。

Phật cáo ca diệp 。 thí như Quốc Vương dục hành Vương sự tu giả tể Thần 。

Phật bảo Ca-diệp: Thí như vua muốn làm việc nước thì phải nhờ các bầy tôi

迦葉。菩薩亦爾。欲為佛事。須假智慧方便。

ca diệp 。 Bồ-tát diệc nhĩ 。 dục vi Phật sự 。 tu giả trí tuệ phương tiện 。

Nay Ca-diệp! Bồ-tát cũng lại như vậy, muốn làm Phật sự thì phải nhờ vào trí huệ phương tiện

我今於彼。而說頌曰。

ngã kim ư bỉ 。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如國王	欲行王事	須仗宰臣
------	------	------

thí như Quốc Vương  
Thí như quốc vương  
而得成就  
nhi đắc thành tựu  
Mới được thành tựu

假方便慧  
giả phương tiện tuệ  
Trí tuệ phương tiện

佛告迦葉。譬如晴天無其雲霧。

Phật cáo ca diệp 。 thí như tình Thiên vô kỳ vân vụ 。

Phật bảo Ca-diệp: Thí như trời trong xanh không có mây mù

於彼世間終無降雨之相。迦葉。菩薩亦爾。

ư bỉ thế gian chung vô hàng vũ chi tướng 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệc nhĩ 。

thì ở thế gian chắc chắn không có tướng mưa rơi. Nay Ca-diệp! Bồ-tát cũng lại như vậy,

寡聞小智於諸有情。終無說法之相。我今於此。而說頌曰。

quả văn tiểu trí ư chư hữu tình 。 chung vô thuyết Pháp chi tướng 。 ngã kim ư thù nhi thuyết tụng viết 。

đối với chúng sanh căn trí thấp hèn ít học hỏi, thì chắc chắn sẽ không thuyết các tướng của pháp. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如虛空

thí như hư không

Thí như hư không

終不降雨

chung bất hàng vũ

Mưa sẽ không rơi

於其有情

ư kỳ hữu tình

Thấp kém ít học

佛告迦葉。譬如虛空起大雲雷。

Phật cáo ca diệp 。 thí như hư không khởi Đại vân lôi 。

Phật bảo Ca-diệp: Thí như hư không có mây mù và sấm chớp

必降甘雨成熟苗稼。迦葉。菩薩亦爾。於其世間起慈悲雲。

tất hàng cam vũ thành thực 苗 giá 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệc nhĩ 。 ư kỳ thế gian khởi từ bi vân 。

ắt là có mưa khiến lúa được chín. Nay Ca-diệp! Bồ-tát cũng lại như vậy, đối với thế gian mà khởi mây từ bi,

降妙法雨成熟眾生。我今於此。而說頌曰。

hàng diệu Pháp vũ thành thực chúng sanh 。 ngã kim ư thù 。 nhi thuyết tụng viết 。

rưới mưa pháp vi diệu khiến chúng sanh thành thực. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如虛空

thí như hư không

Thí như hư không

成熟苗稼

thành thực miêu giá

Khiến lúa được chín

降靈法雨

hàng chú Pháp vũ

Rưới trận mưa pháp

雲雷忽起

vân lôi hốt khởi

Bỗng nổi mây, sấm

菩薩亦爾

Bồ-tát diệc nhĩ

Bồ-tát cũng vậy

成熟有情

thành thực hữu tình

Thành tựu chúng sanh.

tu trọng tế Thần

Phải nhờ bầy tôi

欲為佛事

dục vi Phật sự

Muốn làm Phật sự

於彼世間

ư bỉ thế gian

Nơi thế gian kia

寡聞少智

quả văn thiếu trí

Đối với chúng sanh

佛告迦葉。

Phật cáo ca diệp 。

Phật bảo Ca-diếp:

譬如轉輪聖王有其七寶恒隨王行。迦葉。菩薩亦爾。有七覺支恒隨菩薩。

thí như Chuyển luân Thánh Vương hữu kỳ thất bảo hằng tùy Vương hành. ca diệp 。

Bồ-tát diệc nhĩ 。

Thí như Chuyển-luân-thánh-vương thường có bảy báu theo bên mình. Ca-diếp! Bồ-tát cũng lại như vậy. Có pháp Thất-giác-chi thường theo Bồ-tát

我今於此。而說頌曰。

ngã kim ư thử 。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng

譬如世間	轉輪聖王	所有七寶
thí như thế gian	Chuyển luân Thánh Vương	sở hữu thất bảo
Thí như thế gian	Chuyển-luân-thánh-vương	Thường có bảy báu
恒隨王行	菩薩亦爾	有七覺支
hằng tùy Vương hành	Bồ-tát diệc nhĩ	hữu thất giác chi
Đi theo bên vua	Bồ-tát cũng vậy	Có Thất giác chi
所到之處	隨逐菩薩	
sở đáo chi xứ	tùy trục Bồ-tát	
Nơi Bồ-tát đến	Pháp cũng đi theo.	

佛告迦葉。譬如摩尼寶珠得多富貴。

Phật cáo ca diệp 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như châu báu ma ni khiến được giàu sang

價直迦哩沙波拏。百千富貴。迦葉。菩薩亦爾。

giá trực ca lý sa ba noa 。

bách thiên phú quý 。

ca diệp 。

Bồ-tát diệc nhĩ 。

Có giá trị gấp trăm ngàn lần bốn trăm đồng tiền vàng. Nay Ca-diếp: Bồ-tát cũng

lại như vậy,

得多富貴價直聲聞緣覺百千富貴。我今於此。

đắc đa phú quý giá trực thanh văn duyên giác bách thiên phú quý. ngã kim ư thử được nhiều sang trọng giá trị gấp trăm ngàn lần sang trọng của Thanh Văn Duyên Giác. Nay Ta

而說頌曰。

nhĩ thuyết tụng viết 。

tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如摩尼寶	富貴廣得多
thí như ma-ni bảo	phú quý quang đắc đa
Như châu báu ma-ni	Khiến được nhiều giàu sang
迦哩沙波拏	百千不可比
ca lý sa ba noa	bách thiên bất khả bi
Bốn trăm đồng tiền vàng	Gấp bội không thể sánh
菩薩亦如是	富貴倍弘多
Bồ-tát diệc như thị	phú quý bội hoàng đa
Bồ-tát cũng như vậy	Được cao quý sang trọng
辟支及聲聞	百千亦難比
tích chi cập thanh văn	bách thiên diệc nan bi
Bích chi và Thanh Văn	Trăm ngàn khó sánh bằng

佛告迦葉。譬如切利天眾。若住雜林者。

Phật cáo ca diệp 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như chu thiên ở cõi trời Đạo-lợi, dầu ở nơi rừng rậm

受用富貴平等無二。迦葉。菩薩亦爾。

thọ dụng phú quý bình đẳng vô nhị 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệp nhĩ 。  
thì thọ dụng sự cao sang như nhau không khác. Nay Ca-diếp! Bồ-tát cũng lại như vậy,

若住清淨心者。為一切眾生正直方便平等無二。

nhược trụ thanh tịnh tâm giả 。 vì nhất thiết chúng sanh chánh trực phương tiện bình đẳng vô nhị 。

nếu trụ tâm nơi thanh tịnh, vì tất cả chúng sanh mà dùng phương tiện hay chánh trực đều như nhau không khác.

我今於此。

ngã kim ư thử 。

Nay Ta ở đó

譬如忉利天

thí như Đao-lợi Thiên

Như Chư thiên cõi trời

受用於富貴

thọ dụng ư phú quý

Thọ dụng sự cao sang

菩薩亦如是

Bồ-tát diệp như thị

Bồ-tát cũng như vậy

正直為群生

chánh trực vi quần sanh

Chánh trực vì chúng sanh

佛告迦葉。譬如有人妙解禁呪善知毒藥。

Phật cáo ca diệp 。 thí như hữu nhân diệp giải cấm chú thiện tri độc dược 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như có người khéo giải các chú thuật và khéo biết các thuốc độc,

一切毒藥不能為害。迦葉。菩薩亦爾。

nhất thiết độc dược bất năng vi hại 。

thì tất cả thuốc độc không thể làm hại. Nay Ca-diếp! Bồ-tát cũng lại như vậy,

具大智慧善行方便。一切煩惱不能為害。我今於此。

cụ Đại trí tuệ thiện hành phương tiện。nhất thiết phiền não bất năng vi hại 。

ngã kim ư thử 。

có đầy đủ trí huệ lớn và khéo thực hành phương tiện, thì tất cả phiền não không thể làm hại. Nay Ta

而說頌曰。

nhĩ thuyết tụng viết 。

譬如世間人

thí như thế gian nhân

Như người ở thế gian

一切毒藥等

nhất thiết độc dược đẳng

Cùng tất cả thuốc độc

菩薩亦如是

Bồ-tát diệp như thị

Bồ-tát cũng như vậy

一切煩惱毒

nhất thiết phiền não độc

Tất cả độc phiền não

佛告迦葉。譬如世間糞壤之地。

而說頌曰。

nhĩ thuyết tụng viết 。

tuyên thuyết kệ rằng:

住彼雜林者

trụ bỉ tạp lâm giả

Trụ ở nơi rừng rậm

平等無有二

bình đẳng vô hữu nhị

Đều như nhau không khác.

住心清淨者

trụ tâm thanh tịnh giả

Trụ tâm nơi thanh tịnh

方便亦無二

phương tiện diệp vô nhị

Phương tiện cũng không khác.

tuyên thuyết bài kệ rằng:

善知藥禁呪

thiện tri dược cấm chú

Khéo biết các bùa chú

不能為損害

bất năng vi tổn hại

Thì không bị tổn hại

若具方便慧

nhược cụ phương tiện tuệ

Có phương tiện, trí tuệ

不能為損害

bất năng vi tổn hại

Không thể làm tổn hại

Phật cáo ca diệp 。 thí như thể gian phần nhượng chi địa 。

**Phật bảo Ca-diếp: Thí như mảnh đất xấu nơi thể gian**

能生肥盛甘蔗。迦葉。菩薩亦爾。若處煩惱糞地。

năng sanh phì thịnh cam giá 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệp nhĩ 。 nhược xử phiền não phần địa 。

**mà có thể sanh ra cây mía mập ngọt. Nay Ca-diếp: Bồ-tát cũng lại như vậy, ở nơi mảnh đất phiền não thô xấu**

能生一切智種。我今於此。而說頌曰。

năng sanh nhất thiết trí chủng 。 ngã kim ư thử 。 nhi thuyết tụng viết 。

**mà có thể phát sanh Nhất-thiết-trí. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:**

譬如糞壤地

thí như phần nhượng địa

**Như mảnh đất thô xấu**

倍常而肥盛

bội thường nhi phì thịnh

**Lại to lớn béo tốt**

出生一切智

xuất sanh nhất thiết trí

**Lại sanh Nhất-thiết-trí**

佛告迦葉。譬如有人不學武藝。

Phật cáo ca diệp 。 thí như hữu nhân bất học vũ nghệ 。

**Phật bảo Ca-diếp: Thí như có người không học võ nghệ**

若執器仗寧解施設。迦葉。菩薩亦爾。先未聞法寡識機藥。

nhược chấp khí trượng ninh giải thí thiết 。 ca diệp 。 Bồ-tát diệp nhĩ 。 tiên vị văn Pháp quả thức kỳ dược 。

**nếu cầm gậy gộc thì không thể múa quyền. Nay Ca-diếp! Bồ-tát cũng lại như vậy, nếu trước đây chưa nghe pháp ít có hiểu biết,**

若執智見何辯邪正。佛告迦葉。

nhược chấp trí kiến hà biện tà chánh 。

**nếu dung trí kiến thì sao phân biệt được tà chánh. Phật bảo Ca-diếp:**

譬如 [穴 / (采-木+田)] 師欲燒瓦器須用大火。迦葉。菩薩亦爾。

thí như [huyệt / (thái -mộc +điền )] sư dục thiêu ngõa khí tu dụng Đại hỏa 。

**Thí như người thợ gốm muốn nung gạch thì cần lửa mạnh. Nay Ca-diếp! Bồ-tát cũng lại như vậy,**

欲為愚迷眾生開發智慧。須用佛法智火。迦葉。

dục vi ngu mê chúng sanh khai phát trí tuệ。tu dụng Phật Pháp trí hỏa。ca diệp 。

**muốn khai phát trí huệ cho các chúng sanh ngu si, thì phải dung lửa trí huệ Phật pháp. Nay Ca-diếp!**

是故此大寶積正法。

thị cố thử Đại Bảo Tích chánh Pháp 。

**cho nên Chánh Pháp Đại Bảo Tích này**

令菩薩修學受持得解法行。

lệnh Bồ-tát tu học thọ trì đắc giải Pháp hành 。

**khiến các Bồ-tát tu học thọ trì thì được hiểu pháp hành.**

迦葉白言。菩薩云何受持見正法行。迦葉。

ca diệp bạch ngôn。Bồ-tát vân hà thọ trì kiến chánh Pháp hành 。

**Ca-diếp bạch rằng: Bồ-tát làm thế nào để thọ trì và thấy được pháp hành. Phật**

**dạy: Nay Ca-diếp!**

如自觀身無我無人無眾生無壽命無名無相。

như tự quán thân vô ngã vô nhân vô chúng sanh vô thọ mạng vô danh vô tướng 。  
Như tự quán xét thân là không ngã, không nhân, không chúng sang, không thọ mạng,  
không danh, không tướng,

無觀行故。迦葉。如此說名正觀影像中法。

vô quán hành cố. ca diệp. như thử thuyết danh chánh quán ảnh tượng trung Pháp 。  
không quán hạnh. Đây Ca-diếp, đây là như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng.  
復次迦葉。如實正觀影像中法。迦葉。

phục thứ ca diệp 。 như thật chánh quán ảnh tượng trung Pháp 。 ca diệp 。  
lại nữa Ca-diếp, phải như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng. Đây Ca-diếp,  
云何影像中法。如正觀色。觀彼無常亦非無常。

vân hà ảnh tượng trung Pháp 。 như chánh quán sắc 。 quán bi vô thường diệc phi vô  
thường 。

Thế nào là các pháp trong ảnh tượng? Như chánh quán sắc, thì sắc kia là vô  
thường, cũng chẳng phải vô thường,

如是受想行識。常與無常無定無不定。迦葉。

như thị thọ tưởng hành thức 。 thường dữ vô thường vô định vô bất định. ca diệp 。  
như vậy thọ, tưởng, hành, thức, cũng thường và vô thường, vô định và chẳng phải  
vô định. Đây Ca-diếp!

此說如實觀察影像中法。

thử thuyết như thật quan sát ảnh tượng trung Pháp 。  
Đây là như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng。

復次迦葉。如實觀察影像中法。所有地界。

phục thứ ca diệp 。 như thật quan sát ảnh tượng trung Pháp 。 sở hữu địa giới 。  
Lại nữa Ca-diếp! Như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng là, như có địa giới  
常與無常無定無不定。

thường dữ vô thường vô định vô bất định 。

quán sát thường và vô thường, vô định và chẳng phải vô định。

如是水界火界風界空界識界。亦復如是無定無不定。迦葉。

như thị thủy giới hòa giới phong giới không giới thức giới 。 diệc phục như thị  
vô định vô bất định 。 ca diệp 。

Như vậy thủy giới, hòa giới, phong giới, không giới, thức giới cũng lại như vậy,  
vô định và chẳng phải vô định. Đây Ca-diếp,

此說如實觀察影像中法。

thử thuyết như thật quan sát ảnh tượng trung Pháp 。  
đây là như thật quán sát các pháp tổng ảnh tượng。

復次迦葉。所有眼處常無常性無定無不定。

phục thứ ca diệp 。 sở hữu nhãn xứ thường vô thường tánh vô định vô bất định 。

Lại nữa Ca-diếp, như có nhãn xứ thì quán sát thường và vô thường, vô định và  
chẳng phải vô định。

如是耳處鼻處舌處身處意處常無常性。

như thị nhĩ xứ tỷ xứ thiệt xứ thân xứ ý xứ thường vô thường tánh 。

Như vậy nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ cũng như vậy thường và vô thường,

無定無不定。迦葉。此說影像中法如實觀察。

vô định vô bất định 。 ca diệp 。 thử thuyết ảnh tượng trung Pháp như thật quan  
sát 。

vô định và chẳng phải vô định. Đây Ca-diếp, đây là như thật quán sát các pháp  
trong ảnh tượng。

復次迦葉。此定一法。此不定二法。

phục thứ ca diệp 。 thù định nhất Pháp 。 thù bất định nhị Pháp 。  
lại nữa Ca-diếp, pháp định và bất định,

若彼二法於是色中。不見不住無微無識亦無相故。

nhược bi nhị Pháp ư thị sắc trung 。 bất kiến bất trụ vô vi vô thức diệp vô tướng  
cổ 。

nếu hai pháp này ở trong sắc mà không thấy, không trụ, không vi tế, không biết,  
cũng không tướng.

迦葉。此說影像中法如實觀察。

ca diệp 。 thù thuyết ảnh tượng trung Pháp như thật quan sát 。

Này Ca-diếp! Đây là như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng.

復次迦葉。我見一法無我二法。

phục thứ ca diệp 。 ngã kiến nhất Pháp vô ngã nhị Pháp 。

Lại nữa Ca-diếp, ta thấy một pháp không có hai pháp ngã và vô ngã,

若彼二法於是色中。不見不住無微無識。亦無相故。

nhược bi nhị Pháp ư thị sắc trung 。 bất kiến bất trụ vô vi vô thức 。 diệp vô  
tướng cổ 。

nếu hai pháp này ở trong sắc mà không thấy, không trụ, không vi tế, không biết,  
cũng không tướng.

迦葉。此說影像中法如實觀察。

ca diệp 。 thù thuyết ảnh tượng trung Pháp như thật quan sát 。

Này Ca-diếp, đây là như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng.

復次迦葉。此真實心一法。此不實心二法。

phục thứ ca diệp 。 thù chân thật tâm nhất Pháp 。 thù bất thật tâm nhị Pháp 。

Lại nữa Ca-diếp, tâm chân thật và tâm không chân thật.

迦葉。二法所在無心無覺無意無識。迦葉。

ca diệp 。 nhị Pháp sở tại vô tâm vô giác vô ý vô thức 。 ca diệp 。

Ca-diếp! Hai pháp này ở nơi vô tâm, vô giác, vô ý, vô thức. Này Ca-diếp,

此說影像中法如實觀察。

thù thuyết ảnh tượng trung Pháp như thật quan sát 。

đây là như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng.

復次迦葉。善不善。世間出世間。有罪無罪。

phục thứ ca diệp 。 thiện bất thiện 。 thế gian xuất thế gian 。 hữu tội vô tội 。

Lại nữa Ca-diếp, thiện và bất thiện, thế gian và xuất thế gian, có tội và không  
tội,

有漏無漏。有為無為。有煩惱無煩惱。

hữu lậu vô lậu 。 hữu vi vô vi 。 hữu phiền não vô phiền não 。

hữu lậu và vô lậu, hữu vi và vô vi, có phiền não và không phiền não,

如是一切法。迦葉。此生法一此滅法二。

như thị nhất thiết Pháp 。 ca diệp 。 thù sanh Pháp nhất thù diệt Pháp nhị 。

như vậy tất cả pháp. Này Ca-diếp, pháp này sanh thì pháp kia diệt,

若二法中無集無散不可求得。迦葉。

nhược nhị Pháp trung vô tập vô tán bất khả cầu đắc 。 ca diệp 。

trong hai pháp ấy không có ở chung, không có tan mất. Này Ca-diếp,

此說影像中法如實觀察。

thù thuyết ảnh tượng trung Pháp như thật quan sát 。

đây là như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng.

復次迦葉。此有法一此無法二。

phục thứ ca diệp 。 thù hữu Pháp nhất thù vô Pháp nhị 。

Lại nữa Ca-diếp, pháp hữu và pháp vô,

若此二法於是色中。不見不住無微無識亦無相故。迦葉。

nhược thủ nhị Pháp u thị sắc trung 。 bất kiến bất trụ vô vi vô thức diệp vô tướng cố 。 ca diệp 。

nếu hai pháp này ở trong sắc mà không thấy, không trụ, không vi tế, không biết, cũng không có tướng. Nay Ca-diếp,

此說影像中法如實觀察。

thử thuyết ảnh tượng trung Pháp như thật quan sát 。

đây là như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng。

復次迦葉。此輪迴一法。此涅槃二法。

phục thứ ca diệp 。

Lại nữa Ca-diếp, pháp Luân-hồi và pháp Niết-bàn,

若彼二法於是色中。不見不住無微無識。迦葉。

nhược bi nhị Pháp u thị sắc trung 。 bất kiến bất trụ vô vi vô thức 。

nếu hai pháp này ở trong sắc mà không thấy, không trụ, không vi tế, không biết. Nay Ca-diếp,

此說影像中法如實觀察。

thử thuyết ảnh tượng trung Pháp như thật quan sát 。

đây là như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng。

復次迦葉。我說汝等。無明緣生行。行緣生識。

phục thứ ca diệp 。

Lại nữa Ca-diếp, Ta nói cho các ông biết, vô minh duyên hành, hành duyên thức,

識緣生名色。名色緣生六入。六入緣生觸。

thức duyên sanh danh sắc 。

thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc,

觸緣生受。受緣生愛。愛緣生取。取緣生有。

xúc duyên sanh thọ 。

有緣生老死。老死緣生憂悲苦惱。迦葉。

hữu duyên sanh lão tử 。

hữu duyên sanh lão tử, lão tử duyên ưu bi khổ não. Nay Ca-diếp,

如是集得此一大苦蘊。所有無明滅則行滅。

như thị tập đắc thử nhất Đại khổ uẩn 。

như vậy là chứa nhóm tất cả khổ uẩn. Nếu vô minh diệt thì hành diệt,

行滅則識滅。識滅則名色滅。名色滅則六入滅。

hành diệt tắc thức diệt 。

hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt

六入滅則觸滅。觸滅則受滅。受滅則愛滅。

lục nhập diệt tắc xúc diệt 。

lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt,

愛滅則取滅。取滅則有滅。有滅則生滅。生滅則老死滅。

ái diệt tắc thủ diệt 。



ái diệt thì thù diệt, thù diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão tử diệt

老死滅憂悲苦惱得滅。

lão tử diệt ưu bi khổ não đắc diệt 。

lão tử diệt thì ưu bi khổ não diệt,

如是得此一大苦蘊滅。迦葉。若以智觀明無明等無此二相。

như thị đắc thử nhất Đại khổ uẩn diệt 。

ca diệp 。

như vậy là tất cả khổ uẩn diệt. Đây Ca-diếp, nếu dùng trí để quán sát minh và vô minh là như nhau không có hai tướng.

迦葉。此影像中法如實觀察。

ca diệp 。

Này Ca-diếp, đây là như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng。

復次迦葉。如是行行滅。如是識識滅。

phục thứ ca diệp 。

Lại nữa Ca-diếp, như vậy hành và hành diệt, thức là thức diệt,

如是名色名色滅。如是六入六入滅。如是觸觸滅。

như thị danh sắc danh sắc diệt 。

danh sắc và danh sắc diệt, lục nhập và lục nhập diệt, xúc và xúc diệt,

如是受受滅。如是愛愛滅。如是取取滅。

như thị thọ thọ diệt 。

thọ và thọ diệt, ái và ái diệt, thủ và thủ diệt,

如是有有滅。如是生生滅。如是老死老死滅。

như thị hữu hữu diệt 。

như thị sanh sanh diệt 。

như thị lão tử lão tử diệt 。

hữu và hữu diệt, sanh và sanh diệt, lão tử và lão tử diệt。

如是智觀生性滅。性無二相故。迦葉。離此二相。

như thị trí quán sanh tánh diệt 。

tánh vô nhị tướng cố 。

ca diệp 。

ly thử nhị tướng 。

Như vậy dùng trí để quán sát tánh sanh và tánh diệt không có hai tướng. Đây Ca-diếp, lia hai tướng này

此說影像中法如實觀察。

thử thuyết ảnh tượng trung Pháp như thật quán sát 。

đây là như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng。

復次迦葉。應當正觀影像中法。彼法非空。

phục thứ ca diệp 。

ứng đương chánh quán ảnh tượng trung Pháp 。

bỉ Pháp phi không 。

Lại nữa Ca-diếp, phải như thật quán sát các pháp trong ảnh tượng, pháp ấy chẳng phải không,

亦非不空。如是空法無法相非無法相。

diệp phi bất không 。

như vậy pháp không là không có pháp tướng, chẳng phải không có pháp tướng,

法相即空相。空相即無相。無相即無願。所以者何。

Pháp tướng tức không tướng 。

không tướng tức vô tướng 。

vô tướng tức vô nguyện 。

sở dĩ giả hà 。

Pháp tướng tức là không tướng, không tướng tức là vô tướng, vô tướng tức là vô nguyện. Tại vì sao?

無所願作故。無相即空相。

vô sở nguyện tác cố 。

vô tướng tức không tướng 。

Vì không có chỗ để nguyện. Vô tướng tức là không tướng,  
如是行者若法未生不生。法未生故。如彼法生。彼亦不生。  
như thị hành giả nhược Pháp vị sanh bất sanh 。 Pháp vị sanh cố 。 như bi Pháp  
sanh 。 bi diệt bất sanh 。  
như vậy thực hành, nếu pháp chưa sanh thì không sanh, do pháp chưa sanh vậy. Nếu  
pháp sanh thì kia cũng không sanh,  
生已謝故。如是無生生離取故。法無自性。無性即空。  
sanh dĩ tạ cố 。 như thị vô sanh sanh ly thủ cố 。 Pháp vô tự tánh 。 Vô tánh tức  
không 。  
do sanh rồi lại mất. Như vậy không sanh, sanh lia ở thủ, pháp không có tự tánh,  
tự tánh tức là không.

如是正觀此說影像中法。

như thị chánh quán thử thuyết ảnh tượng trung Pháp 。  
như vậy là chánh quán các pháp trong ảnh tượng.

復次迦葉。補特伽羅非破壞空。即體是空。

phục thứ ca diệp 。 bổ đặc dà la phi phá hoại không 。 tức thể thị không 。  
Lại nữa Ca-diếp, các chúng sanh chẳng phải bị phá hoại mới thành không, mà ngay  
nơi thể tức là không,  
本非有故。非前際空非後際空。現在即空。  
bổn phi hữu cố 。 phi tiền tế không phi hậu tế không 。 hiện tại tức không 。  
bởi vốn chẳng phải có, chẳng phải trước kia là không hay sau này là không mà  
hiện tại tức là không.

迦葉白言。彼補特伽羅。我今覺悟知彼是空。

ca diệp bạch ngôn 。 bi bổ đặc ca la 。 ngã kim giác ngộ tri bi thị không 。  
Ca-diếp bạch rằng: Các chúng sanh kia, nay con hiểu biết chúng sanh là không,  
破壞我故。一切皆空此法如是。佛言。

phá hoại ngã cố 。 nhất thiết giai không thử Pháp như thị 。 Phật ngôn 。  
do phá hoại ngã vậy, tất cả đều là không pháp ấy như vậy. Phật dạy:

迦葉汝言非也。迦葉寧可見彼補特伽羅如須彌山量。

ca diệp nhữ ngôn phi dã 。 ca diệp ninh khả kiến bi bổ đặc ca la như Tu-Di sơn  
lượng 。

Ca-diếp, lời ông nói chẳng đúng. Ôngn có thể thấy chúng sanh kia nhiều như núi  
Tu-di,

勿得離我而見彼空。何以故。

vật đắc ly ngã nhi kiến bi không 。 hà dĩ cố 。

chớ cho rằng lia ngã mà thấy chúng sanh là không. Tại vì sao?

破我斷空執一切空。我則說為大病。而不可救。

phá ngã đoạn không chấp nhất thiết không 。 ngã tắc thuyết vi Đại bệnh 。 nhi bất  
khả cứu 。

Do phá ngã, đoạn không, chấp tất cả là không, Ta nói đó là bệnh nặng không thể  
cứu được.

佛告迦葉。譬如人病其病深重。

Phật cáo ca diệp 。 thí như nhân bệnh kỳ bệnh thâm trọng 。

Phật bảo Ca-diếp: thí như có người bị bệnh trầm trọng,

而下良藥令彼服行。藥雖入腹病終不差。迦葉。

nhì hạ lương dược lệnh bi phục hành 。 dược tuy nhập phúc bệnh chung bất sai 。 ca  
diệp 。

rồi đưa thuốc hay bảo họ uống, tuy uống thuốc vào nhưng bệnh không thể lành. Nay  
Ca-diếp,

此人得免疾不。迦葉白言。不也世尊。佛言。於意云何。

thử nhân đắc miễn tật bất 。 ca diệp bạch ngôn 。 bất dã Thế tôn 。 Phật ngôn 。 ư ý vân hà 。

người này có thoát khỏi bệnh không? Ca-diếp thưa: Bạch Thế-tôn, không được. Phật dạy: nghĩa ấy như thế nào?

世尊此人病重故。不可療也。佛言。

Thế tôn thử nhân bệnh trọng cố 。 bất khả liệu dã 。 Phật ngôn 。

Ca-diếp thưa: Bạch Thế-tôn! Do người này bệnh nặng không thể cứu. Phật dạy:

迦葉彼著空者。亦復如是。

ca diệp bi trú không giả 。 diệp phục như thị 。

Ca-diếp, nếu chấp vào không thì cũng như vậy,

於一切處深著空見我即不醫。我今於此而說頌曰。

ư nhất thiết xử thâm trú không kiến ngã túc bất y 。 ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết 。

đối với tất cả chỗ đều đắm vào không, thấy có ngã túc không thể chữa bệnh. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如重病者

thí như trọng bệnh giả

Như người bị bệnh nặng

雖服病不退

tuy phục bệnh bất thoái

Tuy uống bệnh không lành

著空亦如是

trú không diệp như thị

Đắm không cũng như vậy

深著於空見

thâm trú ư không kiến

Đắm vào ở không kiến

令彼服良藥

lệnh bi phục lương dược

Có người cho thuốc hay

彼人不可療

bi nhân bất khả liệu

Người kia không thể cứu

於彼一切處

ư bi nhất thiết xử

Đối với tất cả chỗ

我說不可醫

ngã thuyết bất khả y

Ta nói không thể cứu

佛告迦葉。譬如愚人觀彼虛空。

Phật cáo ca diệp 。 thí như ngu nhân quán bi hư không 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như người ngu nhìn lên hư không

而生怕怖搥胸悲哭。所以者何。恐虛空落地損害於身。

nhi sanh phạ phổ trừu hung bi khóc 。 sở dĩ giả hà 。 khủng hư không lạc địa tổn hại ư thân 。

bỗng sanh sợ hãi đắm ngực kêu khóc. Tại vì sao? Do sợ hư không rơi xuống đất làm tổn hại thân.

佛言。迦葉彼虛空能落地不。迦葉云不也。

Phật ngôn 。 ca diệp bi hư không năng lạc địa bất 。 ca diệp vân bất dã 。

Phật dạy: Ca-diếp! Hư không kia có thể rơi xuống đất không? Ca-diếp thưa: không thể.

佛言迦葉。若彼愚迷沙門婆羅門亦復如是。

Phật ngôn ca diệp 。 nhược bi ngu mê Sa Môn Bà-la-môn diệp phục như thị 。

Phật dạy: Ca-diếp! Sa môn, Bà-la-môn mê muội thì cũng như người kia vậy,

彼聞空法心生驚怖。所以者何。

bi văn không Pháp tâm sanh kinh phổ 。 sở dĩ giả hà 。

nghe pháp không thì sanh tâm hoảng sợ. Tại vì sao?

若空我大心依何行用。我今於此而說頌曰。

nhược không ngã Đại tâm y hà hành dụng 。 ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết 。

Nếu không có ngã thì tâm nương vào đâu mà tạo tác. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如愚迷人  
thí như ngu mê nhân  
Thí như có người ngu

悲哭而遠行  
bi khóc nhi viễn hành  
Kêu khóc và bỏ chạy

虛空無所礙  
hu không vô sở ngại  
Hu không không chướng ngại

此人自愚迷  
thử nhân tự ngu mê  
Người này tự ngu muội

沙門婆羅門  
Sa Môn Bà-la-môn  
Sa môn Bà-la-môn

聞彼諸法空  
văn bỉ chư Pháp không  
Nghe nói các pháp không

若空破壞我  
nhược không phá hoại ngã  
Nếu không là pháp ngã

佛告迦葉。譬如畫師自畫醜惡夜叉。

Phật cáo ca diệp 。 thí như họa sư tự họa xú ác dạ xoa 。  
Phật bảo Ca-diệp: Thí như họa sĩ tự vẽ quỷ dạ xoa xấu ác,

畫已驚怖迷悶仆倒。迦葉。彼凡夫眾生亦復如是。

họa dĩ kinh phở mê muộn phó đảo 。 ca diệp 。 bi phạm phu chúng sanh diệc phục như thị 。

vẽ rồi lại kinh sợ ngã lăn trên đất. Ca-diệp, phạm phu chúng sanh cũng như vậy, tự tác sắc thanh hương vị xúc Pháp 。 tác dĩ mê bi đọa lạc Luân-hồi 。

tự thọ dụng sắc thanh hương vị xúc pháp, thọ rồi tham đắm nên rơi vào luân hồi.

我今於此而說頌曰。

ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết 。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如工畫師  
thí như công họa sư  
Như có người họa sĩ

於彼自驚怖  
ư bỉ tự kinh phở  
Vẽ rồi bỗng kinh sợ

凡夫亦復然  
phạm phu diệc phục nhiên  
Phạm phu cũng như vậy

迷彼不覺知  
mê bi bất giác tri  
Mê muội không hiểu biết

佛告迦葉。譬如幻士變作幻化。

Phật cáo ca diệp 。 thí như huyễn sĩ biến tác huyễn hóa 。

Phật bảo Ca-diệp: Thí như nhà ảo thuật biến ra các thứ,

於空生怕怖  
ư không sanh phạ phở  
Nhìn hư không rồi sợ

恐虛空落地  
khủng hư không lạc địa  
Sợ hư không rồi chạy

不損於眾生  
bất tổn ư chúng sanh  
Không tổn hại chúng sanh

妄生於驚怖  
vọng sanh ư kinh phở  
Vọng sanh tự sợ hãi

愚見亦如是  
ngu kiến diệc như thị  
Mê chấp cũng như vậy

心生於怖畏  
tâm sanh ư bố úy  
Tâm liền sanh lo sợ

依何生受用  
y hà sanh thọ dụng  
Nương vào đâu thọ dụng.

畫彼惡夜叉  
họa bỉ ác dạ xoa  
Vẽ dạ xoa xấu ác  
迷悶仆倒地  
mê muộn phó đảo địa  
Nằm ngã lăn trên đất  
自著於聲色  
tự trú ư thanh sắc  
Tự đắm vào thanh sắc  
墮落輪迴道  
đọa lạc Luân-hồi đạo  
Nên rơi vào luân hồi.

是彼幻化能變幻士。迦葉。相應行比丘亦復如是。

thị bi huyễn hóa năng biến huyễn sĩ. ca diệp . tướng ứng hành bi khâu diệc phục như thị .

trong các thứ biến hóa lại biến thành nhà ảo thuật. Ca-diếp, Tỳ-kheo tương ứng với hành cũng lại như vậy,

而自發意。如是說一切皆空。

nhi tự phát ý . như thị thuyết nhất thiết giai không .

tự mình phát ý nói tất cả đều là không,

彼虛空無實亦能如是說。我今於此而說頌曰。

bi hư không vô thật diệc năng như thị thuyết . ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết .

hu không kia là không thực. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如於幻士

thí như ư huyễn sĩ

Như có nhà ảo thuật

而彼幻化人

nhi bi huyễn hóa nhân

Trong các thứ biến hóa

相應行比丘

tướng ứng hành bi khâu

Tỳ-kheo tương ứng hành

能變於幻化

năng biến ư huyễn hóa

Biến hóa ra các thứ

亦能變幻士

diệc năng biến huyễn sĩ

Hóa ra nhà ảo thuật

發意亦如是

phát ý diệc như thị

Phát ý cũng như vậy

說彼一切空

thuyết bi nhất thiết không

Nói tất cả là không

無實空亦說

vô thật không diệc thuyết

Hư không là không thật.

佛告迦葉。譬如二木相鑽風吹出火。

Phật cáo ca diệp . thí như nhị mộc tương toàn phong xuy xuất hỏa .

Phật bảo Ca-diếp: Thí như có hai cây củi cọ sát nhau, gió thổi vào khiến phát ra lửa

火既生已燒彼二木。迦葉如實正觀亦復如是。

hỏa ký sanh dĩ thiêu bi nhị mộc. ca diệp như thật chánh quán diệc phục như thị lửa đã sanh rồi lại thiêu đốt hai cây củi kia. Nay Ca-diếp, như thật quán sát cũng lại như vậy,

於正見道生彼慧根。慧根既生燒彼正觀。

ư chánh kiến Đạo sanh bi tuệ căn . tuệ căn ký sanh thiêu bi chánh quán .

Ở nơi chánh quán sanh ra huệ căn, huệ căn đã sanh lại thiêu đốt chánh quán.

我今於此而說頌曰。

ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết .

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如鑽二木

thí như toàn nhị mộc

Như hai cây cọ sát

火生剎那間

hỏa sanh sát-na gian

Lửa cháy trong phút chốc

正觀亦如是

chánh quán diệc như thị

Chánh quán cũng như vậy

生彼一剎那

sinh bi nhất sát-na

Trong sát na đã sanh

風吹生彼火

phong xuy sanh bi hỏa

Gió thổi sanh ra lửa

而復燒二木

nhi phục thiêu nhị mộc

Lại thiêu đốt hai cây

能生於慧根

năng sanh ư tuệ căn

Hay sanh ra huệ căn

還復燒正觀

hoàn phục thiêu chánh quán

Lại thiêu đốt chánh quán.

佛說大迦葉問大寶積正法經卷第二

Phật thuyết Đại ca-diếp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh quyển đệ nhị  
Phật Thuyết Đại Ca-diếp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh  
Quyển Thứ Hai.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch  
Sun Apr 30 21:56:38 2006

---

---

**PHẬT THUYẾT ĐẠI CA DIẾP VẤN  
ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP KINH**  
QUYỂN THỨ BA

*Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 352*

**Hán dịch: Thần Thí Hộ  
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền  
Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (06-2007)  
Biên tập : Thích Phước Nghiêm**



**Tuệ Quang Wisdom Light Foundation**  
PO Box 91748, Henderson, NV 89009  
Website <http://www.daitangvietnam.com>  
Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 352 《佛說大迦葉問大寶積正法經》CBETA 電子佛典 V1.10 普及版  
【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 352 《Phật thuyết Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 phổ cập bản  
【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 352 《Phật nói Đại ca lá hỏi Đại Bảo-Tích chánh Pháp Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 khắp cùng bản

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 佛說大迦葉問大寶積正法經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version  
# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 Phật thuyết Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version  
# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 Phật nói Đại ca lá hỏi Đại Bảo-Tích chánh Pháp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

=====

佛說大迦葉問大寶積正法經卷  
Phật thuyết Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh quyển  
Phật Thuyết Đại Ca-diếp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh

第三  
Đệ tam  
Quyển Thứ Ba

西天譯經三藏朝散大夫試鴻臚少卿傳法大師臣施護奉 詔譯  
Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triêu tán Đại phu thí hồng lu thiếu khanh  
Truyện Pháp Đại sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch  
Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triêu Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Thiếu Khanh  
Truyền pháp Đại Sư Thần Thí hộ phụng chiếu dịch.

爾時世尊復以譬喻更明斯義。

Nhĩ thời Thế tôn phục dĩ thí dụ canh minh tu nghĩa.  
Lúc bấy giờ Thế Tôn lại dùng thí dụ để làm rõ nghĩa trên.

佛告迦葉。譬如燈光能破一切黑暗。

Phật cáo Ca-diếp. Thí như đăng quang năng phá nhất thiết-hắc ám.  
Phật bảo Ca-diếp: Thí như ánh sáng ngọn đuốc có thể xua tan tất cả tối tăm

而彼黑暗從何而去。非東方去。非南方去。非西方去。

Nhi bì hắc ám tòng hà nhi khứ. Phi Đông phương khứ. Phi Nam phương khứ. phi Tâphương khứ.  
nhưng sự tối tăm kia đi chỗ nào, chẳng phải đi hướng Đông, chẳng phải đi hướng,  
Nam chẳng phải đi hướng Tây,

非北方去。去亦非去。來亦非來。

Phi Bắc phương khứ. Khứ diệc phi khứ. Lai diệc phi lai.  
chẳng phải đi hướng Bắc. Đi cũng chẳng phải đi, đến cũng chẳng phải đến

迦葉。復次燈光亦非我。能破得黑暗。

Ca-diếp。 phục thứ đăng quang diệc phi ngã. Năng phá đắc hắc ám.  
Này Ca-diếp, ánh sáng kia chẳng phải có ngã phá trừ được tối tăm,

又若非黑暗何顯燈光。迦葉。燈光黑暗本無自性。

Hựu nhược phi hắc ám hà hiên đăng quang. Ca-diếp. đăng quang hắc ám bản vô tự tánh.  
nếu chẳng tối tăm sao hiển bày ánh sáng. Ca-diếp, ánh sáng và tối tăm vốn không có tự tánh,



此二皆空無得無捨。迦葉。如是智慧亦復如是。

Thù nhị giai không vô đắc vô xả. Ca-diếp. Như thị trí tuệ diệc phục như thị.  
hai thứ này đều là không, không đắc không xả. Ca-diếp, trí huệ cũng lại như vậy,  
有智若生無智即捨。而彼無智歸於何去。

Hữu trí nhược sanh vô trí tức xả。Nhi bi vô trí quy u hà khứ。  
nếu có trí huệ sanh thì vô trí liền mất, mà sự vô trí kia đi về chỗ nào?

非東方去。非南方去。非西方去。非北方去。

Phi Đông phương khứ。Phi Nam phương khứ。Phi Tây phương khứ。Phi Bắc phương khứ。  
Chẳng đi hướng Đông, chẳng đi hướng Nam, chẳng đi hướng Tây, chẳng đi hướng Bắc。

去既非去。來亦非來。

Khứ ký phi khứ。Lai diệc phi lai。

Đi chẳng phải đi, đến cũng chẳng phải đến。

迦葉。復次有智若生無智即捨。

Ca-diếp。Phục thứ hữu trí nhược sanh vô trí tức xả。

Ca-diếp, có trí huệ sanh thì vô trí liền mất

非彼有智我能破壞無智。又若無智本無有智何顯。

Phi bi hữu trí ngã năng phá hoại vô trí。hựu nhược vô trí bản vô hữu trí hà hiển。  
trí kia chẳng phải có ngã phá trừ được vô trí, nếu vô trí không có thì trí huệ

sao hiển bày。

迦葉有智無智俱無自性。此二皆空無得無捨。

Ca-diếp hữu trí vô trí câu vô tự tánh。Thù nhị giai không vô đắc vô xả。

Này Ca-diếp, có trí và vô trí đều không có tự tánh, hai thứ này đều là không, không đắc không xả。

我今於此而說頌曰。

Ngã kim u thử nhi thuyết tụng viết。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如於燈光

Thí như u đăng

Như ánh sáng ngọn đèn

彼暗滅謝時

Bi ám diệt tạ thời

Lúc tối tắt bị mất

若復此燈光

Nhuộc phục thử đăng quang

Ánh sáng ngọn đèn kia

能破於黑暗

Quang năng phá u hắc ám

Xua tan đi tối tăm

諸方無所去

Chư phương vô sở khứ

Thì nó đi phương nào

非暗不能顯

Phi ám bất năng hiển

Chẳng có tối sao hiển

二俱無自性

Nhị câu vô tự tánh

Cả hai không tự tánh

智慧亦如是

Trí tuệ diệc như thị

Trí huệ cũng như vậy

無智而自捨

Vô trí nhi tự xả

Vô trí tự biến mất

無性二俱空

Vô tánh nhị câu không

Không tánh nên là không

有智若生時

Hữu trí nhược sanh thời

Khi phát sanh trí huệ

此二若空花

Thù nhị nhược không hoa

Cả hai đều là không

俱無有自性

Câu vô hữu tự tánh

Thật không có tự tánh

取捨不可得

Thù xả bất khả đắc

Không thể lấy hay xả

佛告迦葉。譬如空舍無其戶牖。

Phật cáo Ca-diếp。Thí như không xá vô kỳ hộ dũ。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như ngôi nhà trống không có cửa lớn của sổ

經百千年無其人物。 其室冥暗忽有天人。

Kinh bách thiên niên vô kỳ nhân vật. Kỳ thất minh ám hốt hữu Thiên Nhơn.

Trãi qua trăm ngàn năm không có người ở, rồi ngôi nhà tối ấy bỗng có người đến

於彼舍中燃其燈明。 迦葉於意云何。

Ư bì xá trung nhiên kỳ đặng minh. Ca-diếp ư ý vân hà.

Thắp lên ngọn đèn để trong nhà. Ca-diếp, ý ông nghĩ thế nào?

如是黑暗我經百千年住此。 我今不去有此事不。 迦葉答云。

Như thị hắc ám ngã Kinh bách thiên niên trụ thử. ngã kim bất khứ hữu thử sự bất. Ca-diếp đáp vân.

Nếu bóng tối ấy có ngã trải qua trăm ngàn kiếp ở đây, nay ngã không chịu đi, có việc này chăng. Ca-diếp thưa:

不也世尊。 彼黑暗無力燈光若生決定須去。

Bất dã Thế tôn. Bì hắc ám vô lực đặng quang nhược sanh quyết định tu khứ.

Bạch Thế Tôn ! Không được, bóng tối kia không có sức lực, nếu ánh sáng sanh thì bóng tối nhất định phải đi.

佛言迦葉。 彼業煩惱亦復如是。

Phật ngôn Ca-diếp. Bì nghiệp phiền não diệc phục như thị.

Phật bảo Ca-diếp: Phiền não nghiệp chướng cũng lại như vậy

經百千劫住彼識中。 或彼行人於一晝夜。 正觀相應生彼慧燈。

Kinh bách thiên kiếp trụ bì thức trung. Hoặc bì hành nhân ư nhất trú dạ. Chánh

quán tướng ứng sanh bì tuệ đặng.

trãi qua trăm ngàn kiếp trụ ở trong thức, nhưng hành giả ngày đêm chánh quán

tương ứng phát sanh đèn trí huệ.

迦葉如是聖者慧根。

Ca-diếp như thị Thánh giả tuệ căn.

Ca-diếp, như vậy trí huệ bậc Thánh

若生此業煩惱定無所有。 我今於此而說頌曰。

Nhược sanh thử nghiệp phiền não định vô sở hữu. ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết.

đã sanh thì nghiệp phiền não nhất định không có chỗ ở. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

如舍百千年 無人無戶牖

Như xá bách thiên niên

Như ngôi nhà nhà ngàn năm

忽有天及人

Hốt hữu Thiên cập nhân

Bỗng nhiên có người đến

如是久住暗

Như thị cữu trụ ám

Bóng tối ở lâu năm

是彼舍黑暗

Thị bì xá hắc ám

Bóng tối nơi nhà ấy

於此而不去

Ư thử nhi bất khứ

Nay sẽ không chịu đi

其義亦如是

Kỳ nghĩa diệc như thị

Nghĩa ấy cũng như vậy

本性不真實

Bản tánh bất chân thật

Vô nhân vô hộ dũ

Không cửa không người ở

於彼燒燈火

Ư bì thiêu đặng hỏa

Thắp lên ngọn đèn sáng

剎那而滅謝

Sát-na nhi diệt tạ

Trong phút chốc biến mất

不言我久住

Bất ngôn ngã cữu trụ

Không nói ta ở lâu

業識煩惱集

Nghiệp thức phiền não tập

Nghiệp phiền não chứa nhóm

雖住百千劫

Tuy trụ bách thiên kiếp

Tuy ở trăm ngàn kiếp

行人晝夜中

Hành nhân trú dạ trung

Tánh vốn không chân thật

正入如實觀

Chánh nhập như thật quán

Thâm nhập chân thật quán

彼等煩惱集

Bi đặng phiền não tập

Các phiền não tích tập

佛告迦葉。譬如虛空不住種子。迦葉如是。

Phật cáo Ca-diếp. Thí như hư không bất trụ chủng tử. Ca-diếp như thị.

**Phật bảo Ca-diếp:** Thí như hư không không thể gieo hạt giống. Như vậy Ca-diếp,

若彼行者堅著斷見。過去已滅未來非有。

Nhược bi hành giả kiên trú đoạn kiến。 quá khứ dĩ diệt vị lai phi hữu。

**nếu hành giả cố chấp vào đoạn kiến, quá khứ đã diệt, ngày mai chẳng có**

何住佛法種子。我今於此而說頌曰。

Hà trụ Phật Pháp chủng tử. Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết.

**thì hạt giống Phật pháp trụ ở chỗ nào. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:**

譬如太虛空

Thí như thái hư không

Nhu hư không rộng lớn

若人於空中

Nhược nhân ư không trung

Ở nơi hư không ấy

斷見亦如是

Đoạn kiến diệt như thị

Đoạn kiến cũng như vậy

未來亦不生

Vị lai diệt bất sanh

Vị lai cũng chưa sanh

佛告迦葉。譬如糞滿大地。可種一切種子。

Phật cáo Ca-diếp. Thí như phân mãn Đại địa. Khả chủng nhất thiết chủng tử.

**Phật bảo Ca-diếp:** Thí như phân đầy cả mặt đất, có thể gieo tất cả hạt giống.

迦葉。如是業煩惱糞滿於世間。

Ca-diếp. Như thị nghiệp phiền não phân mãn ư thế gian.

**Ca-diếp, cũng vậy nghiệp phiền não đầy cả thế gian,**

可種一切佛法種子。我今於此而說頌曰。

Khả chủng nhất thiết Phật Pháp chủng tử. Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết.

**Có thể gieo tất cả hạt giống Phật pháp. Nên Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:**

譬如大地糞

Thí như Đại địa phân

Nhu phân đầy mặt đất

眾生煩惱糞

Chúng sanh phiền não phân

Phiền não của chúng sanh

佛子若親近

Phật-Tử nhược thân cận

Nêu gần gũi Phật pháp

佛告迦葉。譬如鹹鹵陸地不可種於蓮華。

Phật cáo Ca-diếp. Thí như 鹹 lộ lục địa bất khả chủng ư liên hoa.

**Phật bảo Ca-diếp:** Thí như đất mặn không thể trồng hoa sen.

迦葉。如是無行性者本自非有。

Hành giả suốt ngày đêm

慧燈晃耀生

Tuệ đặng 晃 diệu sanh

Đèn trí huệ phát sinh

剎那不可住

Sát-na bất khả trụ

Trong giây lát liền mất.

無涯無有量

Vô nhai vô hữu lượng

Vô bờ không thể lường

何處植種子

Hà xứ thực chủng tử

Gieo hạt giống chỗ nào

過去不可有

Quá khứ bất khả hữu

Quá khứ không thể có

現無佛法種

Hiện vô Phật Pháp chủng

Sao gieo chủng tử Phật.

隨處可種植

Tùy xứ khả chủng thực

Có thể gieo hạt giống

周遍於世間

Châu biến ư thế gian

Khắp đầy cả thế gian

可下佛法種

Khả hạ Phật Pháp chủng

Có thể gieo hạt giống

Ca-diếp 。 Như thị vô hành tánh giả bản tự phi hữu 。  
Ca-diếp, như vậy không có tánh hạnh thì trước đây vốn chẳng có

未來不生何得菩提之種 。 我今於此而說頌曰 。

Vị lai bất sanh hà đắc Bồ-đề chi chủng。 Ngã kim ư thủ nhi thuyết tụng viết。  
vị lai không chúng sanh, sao gieo được hạt giống Bồ-đề。 Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如鹹陸地	不可出蓮華
Thí như 鹹 lục địa	Bất khả xuất liên hoa
Thí như đất nhiễm mặn	Không thể trồng hoa sen
於彼泥水中	出生甚氛馥
Ư bì nê thủy trung xuất	Sanh thậm phân phức
Sen ở trong bùn lầy	Mới phát sinh mùi thơm
無性亦如是	過未本來無
Vô tánh diệc như thị	Quá vị bản lai vô
Vô tánh cũng như vậy	Quá khứ vị lai không
終不生佛種	
Chung bất sanh Phật chủng	
Không thể gieo Bồ-đề	

佛告迦葉 。 譬如糞壤之地可生蓮華 。 迦葉 。

Phật cáo Ca-diếp。 Thí như phân nhưỡng chi địa khả sanh liên hoa。 Ca-diếp。  
Phật bảo Ca-diếp: Thí như đất bùn như có thể trồng hoa sen。 Nay Ca-diếp,  
如是煩惱邪行眾生亦可生其佛法種智 。

Như thị phiền não tà hành chúng sanh diệc khả sanh kỳ Phật Pháp chủng trí。  
như vậy chúng sanh tà hạnh phiền não cũng có thể phát sanh chủng trí Phật 。

我今於此而說頌曰 。

Ngã kim ư thủ nhi thuyết tụng viết。  
Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如泥糞地	而可生蓮華
Thí như nê phân địa	Nhi khả sanh liên hoa
Như mảnh đất bùn như	Có thể sanh hoa sen
邪行業眾生	亦生佛法種
Tà hành nghiệp chúng sanh	Diệc sanh Phật Pháp chủng
Chúng sanh có tà hạnh	Gieo được chủng trí Phật

佛告迦葉 。 譬如四大海水瀰滿無邊 。 迦葉 。

Phật cáo Ca-diếp。 Thí như tứ Đại hải thủy 瀰mãn vô biên。 Ca-diếp。  
Phật bảo Ca-diếp: Thí như nước trong bốn biển tràn đầy không bờ mé。 Nay Ca-diếp,  
如是見彼菩薩所作善根能遍法界 。

Như thị kiến bì Bồ-tát sở tác thiện căn năng biến Pháp giới。  
như vậy Bồ-tát làm các căn lành có thể đầy khắp pháp giới 。

我今於此而說頌曰 。

Ngã kim ư thủ nhi thuyết tụng viết。  
Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如四大海	瀰滿廣無邊
Thí như tứ Đại hải	瀰mãn quảng vô biên
Như nước trong bốn biển	Tràn đầy không bờ mé
菩薩亦如是	善根遍法界
Bồ-tát diệc như thị	Thiện căn biến Pháp giới
Bồ-tát cũng như vậy	Gieo căn lành rộng khắp

佛告迦葉 。 譬如天人以一毛端百分取一 。

Phật cáo Ca-diếp。 Thí như Thiên Nhơn dĩ nhất mao đoan bách phân thủ nhất。  
Phật bảo Ca-diếp: Thí như người lấy máy lông rồi chia ra trăm phần rồi lấy một phần 。

於彼毛頭滴微細水。欲成俱胝四大海。迦葉。

Ư bì mao đầu tích vi tế thủy. Dục thành câu chi tứ Đại hải. Ca-diếp.

ở trên đầu mày lông ấy lại nhỏ một giọt nước, muốn trở thành câu chi biển lớn. Nay Ca-diếp, 如是見彼聲聞。所作微善而求無上。

Như thị kiến bỉ thanh văn. Sở tác vi thiện nhi cầu vô thượng.

cũng như Thanh Văn kia làm điều thiện nhỏ mà cầu đạo vô thượng.

我今於此而說頌曰。

Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如人毛端

Thí như nhân mao đoan

Như lấy một mày lông

百分而取一

Bách phân nhi thủ nhất

Chia trăm phần lấy một

於彼滴微水

Ư bì tích vi thủy

Nhỏ giọt nước trên ấy

欲成俱胝海

Dục thành câu chi hải

Muốn thành vô số biển

聲聞亦如是

Thanh văn diệc như thị

Thanh Văn cũng như vậy

以己微淺智

Dĩ kỷ vi thiện trí

Dùng trí nhỏ cạn cạn

所作自善根

Sở tác tự thiện căn

Tự làm ít điều thiện

求成無上覺

Cầu thành vô thượng giác

Cầu thành đạo Vô Thượng

佛告迦葉。譬如芥子內蟲食彼芥子。

Phật cáo Ca-diếp. Thí như giới tử nội trùng thực bì giới tử.

Phật bảo Ca-diếp: Thí như trong hạt cải có con sâu ăn hạt cải,

見芥子內謂若虛空。迦葉。如是聲聞所修小智。

Kiến giới tử nội vị nhược hư không. Ca-diếp. Như thị thanh văn sở tu tiểu trí.

thấy hạt cải rỗng ròi cho đó là hư không. Nay Ca-diếp, như vậy Thanh Văn tu trí thấp nhỏ,

見彼生空亦復如是。我今於此而說頌曰。

Kiến bỉ sanh không diệc phục như thị. Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết.

chỗ ấy sanh ý tưởng là không cũng như vậy. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如芥子內

Thí như giới tử nội

Thí như trong hạt cải

而有食芥蟲

Nhi hữu thực giới trùng

Có sâu bọ đục khoét

於裏無礙處

Ư lý vô ngại xứ

Thấy trong đó trống rỗng

見彼謂虛空

Kiến bỉ vị hư không

Liên cho là hư không

聲聞所修智

Thanh văn sở tu trí

Thanh Văn tu trí nhỏ

證彼一分空

Chứng bỉ nhất phân không

Chứng đạo được phần không

所見而不大

Sở kiến nhi bất Đại

Chỗ hiểu biết không lớn

其義亦如是

Kỳ nghĩa diệc như thị

Nghĩa này cũng như vậy.

佛告迦葉。譬如有人見十方世界虛空無邊。

Phật cáo Ca-diếp. Thí như hữu nhân kiến thập phương thế giới hư không vô biên.

Phật bảo Ca-diếp: Thí như có người thấy vô biên hư không trong mười phương thế giới.

迦葉。

Ca-diếp。

Này Ca-diếp!

如是菩薩無礙大智所見法界亦無邊際。我今於此而說頌曰。

Nhu thị Bồ-tát vô ngại Đại trí sở kiến Pháp giới diệc vô biên tế. Ngã kim u thủ nhi thuyết tụng viết.

Nhu vậy Bồ-tát có trí lớn vô ngại thấy khắp pháp giới không cùng tận. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如虛空界

Thí như hư không giới

Nhu hư không mười phương

一切諸世間

Nhất thiết chu thể gian

Chứa tất cả thể gian

菩薩亦如是

Bồ-tát diệc như thị sở

Bồ-tát cũng như vậy

照見法界空

Chiếu kiến Pháp giới không

Thấy rõ khắp pháp giới

十方無有涯

Thập phương vô hữu nhai

Rộng lớn không bờ mé

依彼無障礙

Y bi Vô chướng ngại

Mà không có chướng ngại

所起最上智

Khởi tối thượng trí

Phát khởi trí tối thượng

無邊無所得

Vô biên vô sở đắc

Vô biên không chỗ đắc

佛告迦葉。譬如剎帝利受灌頂王。

Phật cáo Ca-diếp. Thí như Sát đế lợi thọ quán đỉnh Vương.

Phật bảo Ca-diếp: Thí như dòng Sát-đế-lợi nhận lễ quán đảnh lên ngôi vua,

彼王皇后私於庶人後生其子。迦葉於意云何。

Bỉ Vương hoàng hậu tư u thứ nhân hậu sanh kỳ tử. Ca-diếp u ý vân hà.

hoàng hậu của vua lại tư thông với người dưới mà sanh ra đứa con. Nay Ca-diếp! Ý ông nghĩ thế nào

彼所生之子得名灌頂王子不。迦葉白言不也。

Bỉ sở sanh chi tử đắc danh quán đỉnh Vương tử bất. Ca-diếp bạch ngôn bất dã.

đứa trẻ kia có được gọi là con của Vua Quán Đảnh chăng? Ca-diếp thưa: Không thể.

世尊告言。迦葉。彼得無生法界聲聞。

Thế tôn cáo ngôn. Ca-diếp. Bỉ đắc vô sanh Pháp giới thanh văn。

Phật dạy: Ca-diếp: Thanh Văn đắc pháp vô sanh

我是如來灌頂之子如是亦然。我今於此而說頌曰。

Ngã thị Như Lai quán đỉnh chi tử như thị diệc nhiên. Ngã kim u thủ nhi thuyết tụng viết.

rồi cho rằng ta là con của Như Lai Quán Đảnh cũng lại như vậy. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

剎帝王皇后

Sát đế Vương hoàng hậu

Hoàng hậu Vua Sát Lợi

彼後生其男

bỉ hậu sanh kỳ nam

Rồi sanh ra đứa con

聲聞亦如是

Thanh văn diệc như thị

Thanh Văn cũng như vậy

唯行於自利

Duy hành u tự lợi

Chỉ thực hành tự lợi

灌頂法王子

Quán đỉnh Pháp-Vương-Tử

Con của đấng Pháp vương

而私於庶人

Nhi tư u thứ nhân

Tư thông với người dưới

不名灌頂子

Bất danh quán đỉnh tử

Không gọi con Quán Đảnh

離欲證無生

Lý dục chứng vô sanh

Lý dục chứng vô sanh

非是於如來

Phi thị u Như Lai

Đối với đức Như Lai

佛子行二利

Phật-Tử hành nhị lợi

Phải tự lợi lợi tha

佛告迦葉。譬如剎帝利受灌頂王。

Phật cáo Ca-diếp. Thí như Sát đê lợi thọ quán đảnh Vương.  
**Phật bảo Ca-diếp: Thí như dòng Sát-đế-lợi nhận lễ quán đảnh lên ngôi vua**  
 有近侍婢王所愛幸。彼後生子。迦葉於意云何。  
 Hữu cận thị tì Vương sở ái hạnh. Bì hậu sanh tử. Ca-diếp ư ý vân hà.  
**rồi gần gũi với tỳ thiếp mà sanh ra người con. Nay Ca-diếp! Ý ông nghĩ thế nào,**  
 此婢生之子得名王子不。迦葉答云。此是王子。  
 Thử tì sanh chi tử đắc danh Vương tử bất. Ca-diếp đáp vân. Thử thị Vương tử.  
**người con của tỳ thiếp này có được gọi là con Vua không? Ca-diếp thưa: Đây là con Vua**  
 迦葉如是初發心菩薩。雖道力微劣化彼眾生。  
 Ca-diếp như thị sơ phát tâm Bồ-tát. Tuy đạo lực vi liệt hóa bi chúng sanh.  
**Phật dạy: Ca-diếp, cũng vậy Bồ-**  
**tát mới phát tâm, tuy đạo lực yếu kém nên giáo hóa chúng sanh**  
 未免輪迴亦得名為如來之子。  
 Vị miễn Luân-hồi diệc đắc danh vi Như Lai chi tử.  
**chưa thoát khỏi luân hồi, nhưng cũng được gọi là con của Như Lai.**

我今於此而說頌曰。

Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết.

**Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:**

譬如輪王婢	為王之愛幸
Thí như luân Vương tì	Vi Vương chi ái hạnh
Như tỳ thiếp của Vua	Được vua thương, sủng ái
而後生其男	亦是刹帝子
Nhi hậu sanh kỳ nam	Diệc thị sát đê tử
Sau sanh ra người con	Cũng là dòng giống vua
菩薩亦如是	初發菩提心
Bồ-tát diệc như thị	Sơ phát Bồ-đề tâm
Bồ-tát cũng như vậy	Mới phát tâm Bồ-đề
德行而羸劣	方便化眾生
Đức hành nhi luy liệt	Phương tiện hóa chúng sanh
Đức hạnh có yếu kém	phương tiện dạy chúng sanh
雖未出三界	所作稱佛心
Tuy vị xuất tam giới	Sở tác xưng Phật tâm
Tuy chưa phát luân hồi	Chỗ làm là Phật tâm
得名真佛子	
đắc danh chân Phật-Tử	
Được gọi là con Phật	

佛告迦葉。譬如輪王生其千子。

Phật cáo Ca-diếp. Thí như luân Vương sanh kỳ thiên tử.  
**Phật bảo Ca-diếp: Thí như Vua Chuyển Luân sanh ngàn người con,**

大力勇猛辯才端正。須得輪王相具足。彼所童子內。

Đại lực dũng mãnh biện tài đoan chánh. Tu đắc luân Vương tướng cụ túc. Bì sở Đồng tử nội.  
**Có sức lực dũng mãnh biện tài đoan chánh, có đầy đủ tướng như Vua Chuyển Luân. Trong số các**  
**người con**

若無一子具有輪王相者。

nhược vô nhất tử cụ hữu luân Vương tướng giả.  
**nếu không có một người nào đầy đủ tướng Vua Chuyển Luân**

彼轉輪王不作親子之想。迦葉。

Bì chuyển luân Vương bất tác thân tử chi tướng. Ca-diếp.  
**thì vua Chuyển Luân sẽ không khởi ý tưởng là con ruột. Nay Ca-diếp!**

如是如來會下有百千俱胝聲聞圍遶。若無一菩薩相者。如來亦不作子想。

Như thị Như Lai hội hạ hữu bách thiên câu chi thanh văn vi nhiều. nhược vô nhất Bồ-tát tướng giả. Như Lai diệc bất tác tử tướng.

Như vậy trong hội của Như Lai có trăm ngàn câu chi Thanh Văn vây quanh, nếu có người không đủ tướng Bồ-tát thì Như Lai cũng không khởi ý tướng là con.

我今於此而說頌曰。

ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết.

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如轉輪王

Thí như chuyển luân Vương

Thí như Vua Chuyển Luân

若無一童子

Nhược vô nhất Đồng tử

Nếu không có người nào

此乃無王分

Thử nãi vô Vương phân

Không có một phần nhỏ

佛子亦如是

Phật-Tử diệc như thị

Con Phật cũng như vậy

聲聞眾圍遶

Thanh văn chúng vi nhiều

Chúng Thanh Văn vây quanh

善逝觀彼人

Thiện thế quán bi nhân

Đức Như Lai quán xét

佛告迦葉。譬如轉輪聖王。

Phật cáo Ca-diếp. Thí như Chuyển luân Thánh Vương.

Phật bảo Ca-diếp: Thí như Chuyển Luân Thánh Vương

所有皇后懷娠七夜必生童子。具輪王相。彼在胎藏迦羅羅大。

Sở hữu hoàng hậu hoài Thần thất dạ tất sinh Đồng tử. Cụ luân Vương tướng.

bi tại thai tạng ca la la Đại.

có hoàng hậu mang thai mới bảy ngày nhưng ắt sẽ sanh đầy đủ tướng Chuyển Luân. Thai tạng ấy dần dần lớn

未有根形。雖未成形而有天人發心愛重。

Vị hữu căn hình. Tuy vị thành hình nhi hữu Thiên Nhơn phát tâm ái trọng.

chưa có căn hình, tuy chưa thành hình mà có trời người phát tâm thương mến kính trọng,

非愛彼子勇猛大力。於意云何。

Phi ái bi tử dũng mãnh Đại lực. ư ý vân hà.

mà chẳng phải thương mến đứa con có sức dũng mãnh lớn. Tại vì sao?

重彼輪王王種不斷。迦葉。亦復如是。

Trọng bi luân Vương Vương chủng bất đoạn. Ca-diếp. diệc phục như thị.

Đó là kính trọng chúng tử Chuyển Luân Vương không bị đoạn tuyệt. này Ca-diếp, cũng vậy

初發心菩薩根雖未熟未免輪迴。樂行佛法。彼過去佛見生其愛重。

Sơ phát tâm Bồ-tát căn tuy vị thực vị miễn Luân-hồi. Lạc hành Phật Pháp.

bi quá khứ Phật kiến sanh kỳ ái trọng。

Bồ-tát mới phát tâm tuy chưa thành thực căn lành, chưa tránh khỏi luân hồi, nhưng ưa làm việc

Phật pháp, chư Phật quá khứ thấy rồi bèn sanh sự thương mến kính trọng,

於彼正觀八解脫阿羅漢。而不愛重。何以故。

Ư bi chánh quán bát giải thoát A La Hán. Nhi bất ái trọng. Hà dĩ cố.

còn đối với A-la-hán chánh quán bát giải thoát thì không thương mến kính trọng. Tại vì sao?



為彼初心菩薩佛種不斷故。

Vì bi sơ tâm Bồ-tát Phật chủng bất đoạn cố.

Vì Bồ-tát mới phát tâm sẽ không đoạn chủng tử Phật.

我今於此而說頌曰。

Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết.

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如轉輪王

Thí như chuyển luân Vương

Như Chuyển Luân Thánh vương

七日未成形

Thất nhật vị thành hình

Bảy ngày chưa thành hình

非重勇猛力

Phi trọng dũng mãnh lực

Chẳng phải trọng sức mạnh

菩薩亦如是

Bồ-tát diệc như thị

Bồ-tát cũng như vậy

欲度輪迴故

Dục độ Luân-hồi cố

Muốn độ thoát luân hồi

於彼而恭敬

Ư bi nhi cung kính

Kính trọng Bồ-tát ấy

於諸聲聞眾

Ư chư thanh văn chúng

Đối với chúng Thanh Văn

不生於敬愛

Bất sanh ư kính ái

Không sanh sự ái kính

佛告迦葉。譬如假摩尼瑠璃珠。聚如妙高山。

Phật cáo Ca-diếp。thí như giả Ma-ni lưu ly châu。Tụ như diệu cao sơn。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như những hạt châu Ma-ni giả dồn lại bằng núi Diệu Cao

不及一真摩尼瑠璃寶。迦葉。

Bất cập nhất chân Ma-ni lưu ly bảo。Ca-diếp。

cũng không bằng một hạt châu Ma-ni Phật。Này Ca-diếp,

如是假使一切聲聞辟支佛。不能及一初發菩提心菩薩。

Như thị giả sử nhất thiết thanh văn Bích chi Phật。bất năng cập nhất sơ phát bồ đề tâm Bồ-tát。

giả sử tất cả Thanh Văn Bích Chi Phật cũng không thể bằng một vị Bồ-tát sơ phát tâm Bồ-đề。

我今於此而說頌曰。

Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết.

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如假瑠璃

Thí như giả lưu ly

Như ngọc Ma-ni giả

積聚如須彌

Tích tụ như Tu-Di bát

Nhiều như núi Tu Di

瑠璃之一寶

Lưu ly chi nhất bảo

及彼摩尼珠

Cập bi Ma-ni châu

Và hạt châu Ma-ni

不及真摩尼

Cập chân Ma-ni

Cũng không thể sánh với

菩薩亦如是

Bồ-tát diệc như thị

Một hạt Ma-ni Phật

假使於聲聞

Giả sử ư thanh văn

Giả sử các Thanh văn

其數如微塵

Kỳ số như vi trần

Số nhiều như vi trần

求彼菩提者

Cầu bỉ Bồ-đề giả

Bồ-tát sơ phát tâm

佛告迦葉。譬如迦陵頻伽鳥。住彼卵中之時。

Phật cáo Ca-diếp. Thí như Ca-lăng-tần-già điểu. Trụ bỉ noãn trung chi thời.

Phật bảo Ca-diếp: Thí như chim Ca Lăng Tần Già lúc còn trong trứng

早能與彼一切飛禽而皆不同。

Tảo năng dĩ bỉ nhất thiết phi cầm nhi giai bất đồng.

mà tất cả loài chim đều không thể sánh bằng.

迦葉於意云何。當發一切美妙音聲故。迦葉。

Ca-diếp ư ý vân hà. Đương phát nhất thiết mỹ Diệu-Âm thanh cổ. Ca-diếp.

Ca-diếp, Ý ấy thế nào? Do chim sẽ hót ra tất cả âm thanh vi diệu vậy. Nay Ca-diếp,

如是彼初發心菩薩雖住業煩惱無明藏中。

như thị bỉ sơ phát tâm Bồ-tát tuy trụ nghiệp phiền não vô minh tạng trung.

Cũng vậy Bồ-tát mới phát tâm tuy ở trong nghiệp phiền não vô minh

早與一切聲聞辟支佛而不可同。迦葉於意云何。

Tảo dĩ nhất thiết thanh văn Bích chi Phật nhi bất khả đồng. Ca-diếp ư ý vân hà.

mà tất cả Thanh Văn Bích Chi Phật đều không thể sánh bằng. Ca-diếp, ý ấy thế nào?

彼有迴向善根說法方便故。我今於此而說頌曰。

Bỉ hữu hồi hướng thiện căn thuyết Pháp phương tiện cố. Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết.

Do Bồ-tát có phương tiện thuyết pháp và hồi hướng căn lành vậy. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如頻伽鳥

Thí như tần đà điểu

Thí như chim Tần Già

雖未見身形

Tuy vị kiến thân hình

Tuy chưa thấy thân hình

當發美妙音

Đương phát mỹ Diệu-Âm

Do tiếng hót vi diệu

佛子亦如是

Phật-Tử diệc như thị

Bồ-tát cũng như vậy

未出煩惱藏

Vị xuất phiền não tạng

Chưa ra khỏi phiền não

及彼聲聞眾

Cập bỉ thanh văn chúng

Cùng với chúng Thanh Văn

迴向大安樂

Hồi hướng Đại an lạc

Do hồi hướng Bồ-đề

無垢慈悲意

Vô cấu từ bi ý

Bồ-tát cũng như vậy

及彼緣覺眾

Cập bỉ duyên giác chúng

Và chúng Duyên giác Phật

不及初發心

Bất cập sơ phát tâm

Cũng không thể sánh bằng

菩薩之一人

Bồ-tát chi nhất nhân

Cầu nơi đạo Bồ-đề

住彼卵子中

Trụ bỉ noãn tử trung

Lúc còn ở trong trứng

而與諸禽異

Nhi dĩ chư cầm dị

Đã khác các loài chim

令人常愛樂

Lệnh nhân thường ái lạc

Khiến ai cũng ưa thích

初發菩提心

Sơ phát Bồ-đề tâm

Sơ phát tâm Bồ-đề

一切辟支佛

Nhất thiết Bích chi Phật

Mà các Bích Chi Phật

亦復不能比

Diệc phục bất năng bỉ

Không thể nào sánh bằng

方便利有情

Phương tiện lợi hữu tình

Phương tiện lợi chúng sanh

能宣微妙音

Năng tuyên vi diệu-Âm

Tâm từ bi thanh tịnh

Tuyên dương pháp vi diệu

佛告迦葉。譬如輪王皇后。

Phật cáo Ca-diếp。thí như luân Vương hoàng hậu。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như hoàng hậu của vua Chuyển Luân

所生王子具足輪王福相。一切國王及諸人民悉皆歸伏。迦葉。

Sở sanh Vương tử cụ túc luân Vương phúc tướng。

nhất thiết Quốc Vương cập chư nhân dân tất giai quy phục。Ca-diếp。

sanh ra vương tử đầy đủ tướng tốt như Vua Chuyển Luân, tất cả quốc vương và nhân dân đều quy thuận. Nay Ca-diếp,

如是初發心菩薩。

Như thị sơ phát tâm Bồ-tát。

Cũng vậy Bồ-tát mới phát tâm

天上人間一切有情悉皆歸伏。我今於此而說頌曰。

Thiên thượng nhân gian nhất thiết hữu tình tất giai quy phục。

ngã kim ư thử nhithuyết tụng viết。

được trời người và tất cả chúng sanh đều quy thuận. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如轉輪王

皇后所生子

Thí như chuyển luân Vương

Hoàng hậu sở sanh tử

Thí như vua Chuyển Luân

Hoàng hậu sanh được con

雖為童子身

具足王福相

Tuy vì Đồng tử thân

Cụ túc Vương phúc tướng

Tuy làm thân trẻ con

Mà có đủ tướng vua

國王及臣民

一切皆歸向

Quốc Vương cập Thần dân

Nhất thiết giai quy hướng

Quốc vương và thần dân

Đều quy thuận hướng về

菩薩亦如是

初發菩提心

Bồ-tát diệc như thị

Sơ phát Bồ-đề tâm

Bồ-tát cũng như vậy

Mới phát tâm Bồ-đề

佛子相具足

一切諸世間

Phật-Tử tướng cụ túc

Nhất thiết chư thể gian

Có đủ tướng con Phật

Tất cả các thể gian

天人眾生類

清淨心歸向

Thiên Nhơn chúng sanh loại

Thanh tịnh tâm quy hướng

Trời người và chúng sanh

Đều thanh tịnh quy y.

佛告迦葉。譬如大雪山王出生上好藥草。

Phật cáo Ca-diếp。thí như Đại tuyết sơn Vương xuất sanh thượng hảo dược thảo。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như núi tuyết lớn phát sanh ra giống cỏ thuốc tốt nhất,

能治一切諸病。修合服食。無復心疑決定得差。

Năng trị nhất thiết chư bệnh。tu hợp phục thực。Vô phục tâm nghi quyết định đắc sai。

có thể trị lành tất cả bệnh, người uống vào không có tâm nghi ngờ thì chắc chắn

được lành bệnh.

迦葉。

Ca-diếp。

Này Ca-diếp,

如是若彼菩薩所有智藥能療一切眾生煩惱諸病。菩薩以平等心普施一切有情。

Như thị nhược bi Bồ-tát sở hữu trí dược năng liêu nhất thiết chúng sanh phiền não chư bệnh。

Bồ-tát dĩ bình đẳng tâm phổ thí nhất thiết hữu tình。

như Bồ-tát kia có thuốc trí huệ có thể chữa lành các bệnh phiền não cho tất cả chúng sanh, B

ồ-tát dùng tâm bình đẳng ban cho các chúng sanh,

服者無復疑惑病即除愈。

Phục giả vô phục nghi hoặc bệnh tức trừ dữ。

uống vào không có lòng nghi hoặc thì bệnh được tiêu trừ.

我今於此而說頌曰。

Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如大雪山	出生上妙藥
Thí như Đại tuyết sơn	Xuất sanh thượng diệu dược
Thí như núi tuyết lớn	Sanh ra cỏ thuốc hay
療治一切病	若有服之者
Liệu trị nhất thiết bệnh	Nhược hữu phục chi giả
Trị lành tất cả bệnh	Người nào uống thuốc này
獲差勿復疑	佛子亦如是
Hoạch sai vật phục nghi	Phật-Tử diệc như thị
Chớ nghi sẽ lành bệnh	Bồ-tát cũng như vậy
出生妙智藥	能療一切人
Xuất sanh diệu trí dược	Năng liệu nhất thiết nhân
Có giống thuốc trí huệ	Có thể chữa các bệnh
煩惱生老病	平等而賜之
Phiền não sanh lão bệnh	Bình đẳng nhi tứ chi
Phiền não cùng già chết	Thực hành tâm bình đẳng
所有服食者	無疑決定差
Sở hữu phục thực giả	vô nghi quyết định sai
Người được uống thuốc này	Chớ nghi quyết lành bệnh.

佛告迦葉。譬如有人歸依初月。

Phật cáo Ca-diếp。Thí như hữu nhân quy y sơ nguyệt。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như có người quy y mặt trăng mới mọc

如是圓月而不歸依。迦葉。如是我子有其信力。

Như thị viên nguyệt nhi bất quy y。Ca-diếp。Như thị ngã tử hữu kỳ tín lực。 mà không quy y mặt trăng tròn đầy。Này Ca-diếp, như vậy người có tín lực

歸命菩薩不歸命如來。所以者何。為彼如來從菩薩生。

Quy mạng Bồ-tát bất quy mạng Như Lai。Sở dĩ giả hà。Vi bi Như Lai tông Bồ-tát sanh。 sẽ quy mạng Bồ-tát mà không quy mạng Như Lai。Tại vì sao? Vì Như Lai là từ Bồ-tát phát sanh, 若聲聞辟支佛從如來生。非如菩薩故。

Nhược thanh văn Bích chi Phật tông Như Lai sanh。Phi như Bồ-tát cố。

còn Thanh Văn Bích Chi Phật thì từ Như Lai sanh, chẳng phải như Bồ-tát。

我今於此而說頌曰。

Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如此有情	歸命於初月
Thí như thử hữu tình	Quy mạng ư sơ nguyệt
Thí như có chúng sanh	Quy y mặt trăng khuyết
如是圓滿月	而彼不歸依
Như thị viên mãn nguyệt	Nhi bi bất quy y
Còn mặt trăng tròn đầy	Thì không đến quy y
我子亦如是	歸依於菩薩
Ngã tử diệc như thị	Quy y ư Bồ-tát
Phật tử cũng như vậy	Quy y ở Bồ-tát
不歸向世尊	為具大智力
Bất quy hướng Thế tôn	Vi cụ Đại trí lực
Không quy hướng Thế Tôn	Bồ-tát có trí lực
出生如來身	非彼聲聞類
Xuất sanh Như Lai thân	Phi bi thanh văn loại
Phát sanh thân Như Lai	Chẳng phải như Thanh Văn

智慧微劣故

Trí tuệ vi liệt cố

Trí tuệ còn thấp kém

佛告迦葉。譬如文字之母。

Phật cáo Ca-diếp。Thí như văn tự chi mẫu。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như bảng chữ cái

具能包含一切義論等事。迦葉。

Cụ năng bao hàm nhất thiết nghĩa luận đẳng sự。Ca-diếp。

đầy đủ để bao quát tất cả luận nghĩa. Nay Ca-diếp:

如是初發心菩薩具能縮攝一切諸佛。化行無上智因。

Như thị sơ phát tâm Bồ-tát cụ năng oản nhiếp nhất thiết chư Phật。Hóa hành vô thượng trí nhân。

Bồ-tát mới phát tâm có thể thâm nhiếp tất cả sự thực hành, giáo hóa thân vô thượng trí của chư Phật

我今於此而說頌曰。

Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如文字母

Thí như văn tự mẫu

Thí như bảng chữ cái

義論及辯才

Nghĩa luận cập biện tài

Nghị luận và biện tài

菩薩亦如是

Bồ-tát diệc như thị

Bồ-tát cũng như vậy

具足佛地智

Cụ túc Phật địa trí

Đầy đủ chủng trí Phật

佛告迦葉。

Phật cáo Ca-diếp。

Phật bảo Ca-diếp:

譬如世人未有捨離明月歸命星像。迦葉。如是無有受我戒者。

Thí như thế nhân vị hữu xả ly minh nguyệt quy mạng tinh tượng。Ca-diếp。

như thị vô hữu thọ ngã giới già。

Thí như người thế gian chưa ai từ bỏ mặt trăng sáng để tìm các ngôi sao. Nay Ca-diếp, cũng vậy chưa có ai thọ trì giới của ta

捨離菩薩歸命聲聞。我今於此。而說頌曰。

Xả ly Bồ-tát quy mạng thanh văn。Ngã kim ư thử。Nhi thuyết tụng viết。

mà xả bỏ Bồ-tát để quy mạng Thanh Văn. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如世間人

Thí như thế gian nhân

Thí như người thế gian

而欲歸依星

Nhi dục quy y tinh

Nương tựa các ngôi sao

如是我弟子

Như thị ngã đệ-tử

Như vậy đệ tử ta

若受我戒者

Nhược thọ ngã giới già

依彼如來生

Y bỉ Như Lai sanh

Sanh ra từ Như Lai

人間與天上

Nhân gian dữ Thiên thượng

Thế gian và trời người

皆因此建立

Giai nhân thử kiến lập

Đều do đây kiến lập

初發菩提心

Sơ phát Bồ-đề tâm

Mới phát tâm Bồ-đề

及諸方便行

Cập chư phương tiện hành

Và phương tiện giáo hóa

Đã thọ trì giới pháp

而欲向聲聞

Nhi dục hướng thanh văn

Mà hướng đến Thanh Văn

佛告迦葉。

Phật cáo Ca-diếp。

Phật bảo Ca-diếp:

譬如假瑠璃珠於彼天人世間終無利用。

Thí như giả lưu ly châu u bi Thiên Nhơn thể gian chung vô lợi dụng。

Thí như ngọc lưu ly giả đối với người thể gian trọn không có lợi ích

若真瑠璃珠摩尼寶於其世間有大利用。迦葉如是。若彼聲聞具足戒學。

Nhược chân lưu ly châu Ma-ni bảo u kỳ thể gian hữu Đại lợi dụng。Ca-diếp như thị。

Nhược bi thanh văn cụ túc giới học。

nếu ngọc lưu ly thật và Ma-ni báu thì đối với thể gian có lợi ích rất lớn。Này Ca-diếp, như

Thanh Văn đầy đủ giới học

具一切頭陀行三摩地門。

Cụ nhất thiết Đầu-đà hành Tam-ma-địa môn。

đầy đủ hạnh đầu đà, tu pháp môn Tam-ma-địa,

終不能得坐菩提道場成阿耨多羅三藐三菩提。我今於此而說頌曰。

Chung bất năng đắc tọa Bồ-đề đạo trường thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。

Ngã kim u thử nhi thuyết tụng viết。

nhưng cuối cùng không thể ngồi đạo tràng Bồ-đề thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Nay Ta

tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如假瑠璃

Thí như giả lưu ly

Như ngọc lưu ly giả

於天人世間

Ư Thiên Nhơn thể gian

Nhưng đối với thể gian

若彼真瑠璃

Nhược bi chân lưu ly

Nếu ngọc lưu ly thật

體性有其殊

Thể tánh hữu kỳ thù

Thể tánh nó đặc biệt

如是彼聲聞

Như thị bi thanh văn

Cũng vậy các Thanh Văn

持戒及多聞

Trì giới cập đa văn

Trì giới và đa văn

不能降四魔

Bất năng hàng tứ ma

Không hành phục bốn ma

得成於善逝

Đắc thành u thiện thế

Để thành bậc Chánh Giác

佛告迦葉。

Phật cáo Ca-diếp。

Phật bảo Ca-diếp:

譬如真瑠璃摩尼寶作事用時價直百千迦哩沙波拏。迦葉。

Không quy y Bồ-tát

其事甚希有

kỳ sự thậm hi hữu

Việc này thật hiếm có

見彼體清淨

Kiến bi thể thanh tịnh

Thấy hình thể trong suốt

為事無利用

Vì sự vô lợi dụng

Trọn không chút ích lợi

及彼摩尼寶

Cập bi Ma-ni bảo

Và châu báu Ma-ni

為事具大用

Vì sự cụ Đại dụng

Lợi ích ấy rất lớn

雖具頭陀行

Tuy cụ Đầu-đà hành

Tuy đủ hạnh đầu đà

一切三摩地

Nhất thiết Tam-ma-địa

Pháp môn Tam-ma-địa

而坐菩提座

Nhi tọa Bồ-đề tọa

Không ngồi tòa Bồ-đề

非如菩薩故

Phi như Bồ-tát cố

Bởi chẳng phải Bồ-tát

Thí như chân lưu ly Ma-ni bảo tác sự dụng thời giá trực bách thiên ca lý sa ba noa. Ca-diếp

Thí như lưu ly thật và châu báu Ma-ni khi dùng thì có giá trị gấp trăm ngàn bốn trăm tiền vàng. Nay Ca-diếp,

如是若彼菩薩所植眾德。

Như thị nhược bi Bồ-tát sở thực chúng đức.

Cũng vậy Bồ-tát gieo trồng các công đức

作事用時多彼聲聞辟支佛百千迦哩沙波拏之數。我今於此而說頌曰。

Tác sự dụng thời đa bi thanh văn Bích chi Phật bách thiên ca lý sa ba noa chi số.

ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết。

khí làm việc thì giá trị gấp trăm ngàn Thanh Văn Bích Chi Phật. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如真瑠璃

Thí như chân lưu ly

Như ngọc lưu ly thật

作彼事用時

Tác bi sự dụng thời

Khí đem ra sử dụng

迦哩沙波拏

Ca lý sa ba noa

Bốn ngàn đồng tiền vàng

植眾德本行

Thực chúng đức bản hành

Gieo trồng cội công đức

多彼聲聞人

Đa bi thanh văn nhân

Giá trị hơn Thanh Văn

迦哩沙波拏

Ca lý sa ba noa

Gấp mấy trăm ngàn lần

及彼摩尼寶

Cập bi Ma-ni bảo

Và châu báu Ma-ni

價直百千數

Giá trực bách thiên số

Giá trị gấp trăm ngàn

佛子亦如是

Phật-Tử diệc như thị

Bồ-tát cũng như vậy

事用利眾生

Sự dụng lợi chúng sanh

Làm lợi ích chúng sanh

及彼辟支佛

Cập bi Bích chi Phật

Và cả Bích Chín Phật

其數亦如是

Kỳ số diệc như thị

Số lượng cũng như trên

爾時世尊。復次說言。尊者大迦葉。

Nhĩ thời Thế tôn。phục thứ thuyết ngôn。Tôn-Giả Đại Ca-diếp。

Lúc bấy giờ Thế Tôn lại nói rằng: Tôn giả Đại Ca-diếp,

所有國土孛星現時頭黑偃寐。

Sở hữu quốc thổ bệ tinh hiện thời đầu hắc yển寐。

như có đất nước hiện các ngôi sao là điềm xấu

令彼國土災難競起得於苦惱。迦葉。若彼國土如有菩薩。

Lệnh bi quốc thổ tai nạn cạnh khởi đắc ư khổ não。Ca-diếp。Nhược bi quốc thổ như hữu Bồ-tát

。khiến trong nước bị tai nạn, khởi các khổ não。Nay Ca-diếp, nếu đất nước kia có vị Bồ-tát

是諸災難速得消除無復苦惱。是故迦葉。菩薩之行。

thị chu tai nạn tốc đắc tiêu trừ vô phục khổ não。Thị cô Ca-diếp。Bồ-tát chi hành。

thì các tai nạn mau được tiêu trừ không còn khổ não。Ca-diếp, Bồ-tát thực hành các việc

廣集一切善根。為利眾生故。又彼菩薩。

Quảng tập nhất thiết thiện căn。Vi lợi chúng sanh cố。Hựu bi Bồ-tát。

là rộng chứa nhóm tất cả căn lành, vì lợi ích cho chúng sanh。Lại nữa, Bồ-tát kia

所有智藥流通四方。醫彼一切眾生煩惱等病。

Sở hữu trí dược lưu thông tứ phương。y bi nhất thiết chúng sanh phiền não đẳng bệnh。

có thuốc trí huệ rộng khắp bốn phương, có thể trị lành bệnh khổ não cho tất cả chúng sanh

真實不虛。迦葉白言。以何等藥醫何等病。迦葉。

Chân thật bất hu. Ca-diếp bạch ngôn. Dĩ hà đẳng dục y hà đẳng bệnh. Ca-diếp.  
là chân thật không hu dối. Ca-diếp bạch Phật rằng: Dùng các thuốc gì và chữa các bệnh gì?  
Phật dạy: Ca-diếp,

眾生所有貪瞋癡病皆自緣生。

Chúng sanh sở hữu tham sân si bệnh giai tự duyên sanh.  
chúng sanh có bệnh tham sân si đều do duyên sanh,

以無緣慈觀彼一切惑業相。有理無本自無生今亦無相。

Dĩ vô duyên từ quán bi nhất thiết hoặc nghiệp tướng.  
hữu lý vô bản tự vô sanh kim diệc vô tướng.

Bồ-tát

dùng vô duyên từ quán sát tất cả tướng hoặc nghiệp của chúng sanh, vốn là vô sanh nay cũng là vô tướng,

欲界色界及無色界寂滅亦然。又滅一切顛倒。

Dục giới sắc giới cập vô sắc giới tịch diệt diệc nhiên. Hựu diệt nhất thiết điên đảo.  
dục giới, sắc giới và vô sắc giới vắng lặng cũng như vậy, lại diệt trừ tất cả điên đảo.  
何等顛倒。即四顛倒。

Hà đẳng điên đảo. Túc tứ điên đảo.

Thế nào là điên đảo? Gồm có bốn thứ:

一者為彼有情於彼無常而計常故。令想一切皆是無常。

Nhất giả vi bi hữu tình u bi vô thường nhi kế thường cố.

Lệnh tưởng nhất thiết giai thị vô thường.

Một là chúng sanh đối với vô thường mà cho là thường, nay khiến suy nghĩ tất cả đều là vô thường

二者於其苦處而計為樂。令想一切皆是其苦。

Nhị giả u kỳ khổ xử nhi kế vi lạc. Lệnh tưởng nhất thiết giai thị kỳ khổ.

Hai là đối với chỗ khổ mà cho là vui, nay khiến suy nghĩ tất cả đều là khổ.

三者無我計我。令想一切法皆無我故。

Tam giả vô ngã kế ngã. Lệnh tưởng nhất thiết Pháp giai vô ngã cố.

Ba là đối với pháp vô ngã mà cho là có ngã, nay khiến suy nghĩ tất cả pháp đều là vô ngã.

四者不淨計淨。令想一切皆非淨故。唯此涅槃具彼四德。

Tứ giả bất tịnh kế tịnh. Lệnh tưởng nhất thiết giai phi tịnh cố. Duy thủ Niết-  
Bàn cụ bi tứ đức。

Bốn là đối với thân bất tịnh mà cho là tịnh, nay khiến suy nghĩ tất cả đều là bất tịnh, chỉ có Niết-bàn mới đầy đủ bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh.

又復施設四念處。令彼有情觀身無其所有。

Hựu phục thí thiết tứ niệm xử. Lệnh bi hữu tình quán thân vô kỳ sở hữu.

Lại chỉ bày pháp Tứ Niệm Xứ, khiến chúng sanh quán sát thân là vô sở hữu,

能破我見。觀受無受所得。破彼我見。

Năng phá ngã kiến. Quán thọ thị cố sở đắc. Phá bi ngã kiến.

để phá trừ ngã kiến. Quán sát thọ là không có chỗ thọ để phá trừ ngã kiến.

觀心無心可得。亦除我見執故。觀法無法可得。

Quán tâm vô tâm khả đắc. Diệc trừ ngã kiến chấp cố. Quán Pháp vô Pháp khả đắc.

Quán sát tâm là không có tâm nào có thể đắc để phá trừ kiến chấp. Quán sát pháp là không có pháp nào có thể đắc

破彼法我執故。以四正斷於修斷事。修善勤修。

Phá bi Pháp ngã chấp cố. Dĩ tứ chánh đoạn u tu đoạn sự. Tu thiện tinh cần tu.

để phá trừ pháp chấp. Dùng pháp Tứ chánh cần để dạy bảo việc thiện chưa làm nên làm, việc hti  
ện đã làm siêng năng thêm,

斷惡勤斷以四神足成就通力。以五根五力。



Đoạn ác tinh cần đoạn dĩ tứ Thần túc thành tựu thông lục. Dĩ ngũ căn ngũ lục. việc ác chưa làm không làm, việc ác đã làm siêng năng đoạn trừ. Dùng pháp Tứ thần túc để tà nh tựu lục thần thông. Dùng pháp Ngũ căn Ngũ lục

治彼不信懈怠失念散亂癡等。

Trì bỉ bất tín giải đãi thất niệm tán loạn si đặng.  
để trị bệnh bất tín, giải đãi, thất niệm, tán loạn, ngu si.

以七覺支治一切愚癡。以八聖道。治彼一切無知八邪等過。

Dĩ thất giác chi trì nhất thiết ngu si. Dĩ bát Thánh đạo.

Trì bỉ nhất thiết vô trí bát tà đặng quá.

Dùng pháp Thất-giác-chi để trị tất cả sự ngu si. Dùng pháp Bát Chánh Đạo để trị tất cả lỗi vô trí và tám pháp tà.

迦葉。此說名為真實醫法。迦葉觀此菩薩。

Ca-diếp. Thủ thuyết danh vi chân thật y Pháp. Ca-diếp quán thủ Bồ-tát.  
Này Ca-diếp, đây gọi là pháp trị bệnh chân thật. Ca-diếp, Bồ-tát này

於閻浮提內。醫病人中最高第一。迦葉。

Ư Diêm-phù-đề nội. Y bệnh nhân trung tối vi đệ nhất. Ca-diếp.  
ở trong cõi Diêm phù đề là đệ nhất trong các vị lương y. Này Ca-diếp,  
所有三千大千世界眾生。為護自命。

Sở hữu tam Thiên Đại Thiên thể giới chúng sanh. Vi hộ tự mạng  
như các chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thể giới vì bảo vệ thân mạng mình  
見彼菩薩如見醫王。迦葉白言。如是住邪見者以何藥療。

Kiến bỉ Bồ-tát như kiến y Vương. Ca-diếp bạch ngôn. Như thị trụ tà kiến giả dĩ hà dược liệu  
。 gặp Bồ-tát này thì cũng như gặp vị y vương. Ca-diếp bạch rằng: Nếu có người trụ nơi tà kiến thì dùng thuốc gì để trị,

唯願解說令彼了知。迦葉。彼菩薩救療眾生。

Duy nguyện giải thuyết lệnh bỉ liễu tri. Ca-diếp. bỉ Bồ-tát cứu liệu chúng sanh.  
xin ngài diễn thuyết cho con hiểu rõ. Phật dạy: Này Ca-diếp, Bồ-tát kia chữa trị cho chúng s  
anh

非用世間之藥。

Phi dụng thế gian chi dược.

chẳng phải dùng thuốc thế gian,

以出世間一切善根無漏智藥傳流四方。醫彼一切眾生妄想之病。

Dĩ xuất thế gian nhất thiết thiện căn vô lậu trí dược truyền lưu tứ phương.

Y bỉ nhất thiết chúng sanh vọng tưởng chi bệnh.

mà dùng thuốc trí huệ vô lậu xuất thế gian lưu truyền bốn phương để trị bệnh vọng tưởng cho tất cả chúng sanh,

真實不虛。迦葉白言。云何名為出世間智。迦葉。

Chân thật bất hư. Ca-diếp bạch ngôn. Vân hà danh vi xuất thế gian trí. Ca-diếp.  
chân thật không hư dối. Ca-diếp thưa: Thế nào gọi là trí huệ xuất thế gian? Phật dạy: Ca-  
diếp!

彼智從因緣種生離諸分別。

Bỉ trí tòng nhân duyên chủng sanh ly chư phân biệt.  
Trí huệ kia từ nhân duyên sanh, xa lìa các phân biệt,  
無我無人無眾生無壽命。如是智法於空無著。迦葉。

Vô ngã vô nhân vô chúng sanh vô thọ mạng. Như thị trí Pháp ư không Vô trú. Ca-diếp.  
vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ mạng, trí huệ ấy không đắm trước nơi "không". Này Ca-  
-diếp,

汝等正求心莫驚怖發精進心。彼如是求如是住心。

nhũ đấng chánh cầu tâm mạc kinh phổ phát tinh tấn tâm. Bì như thị cầu như thị trụ tâm.  
Các ông nên chơn chánh cầu tâm chớ lo sợ phát tâm tinh tấn, như vậy mà cầu tâm,  
như vậy mà trụ tâm.

云何住心。云何不住心。

Vân hà trụ tâm. Vân hà bất trụ tâm.

Ca-diếp thưa: Thế nào là trụ tâm, thế nào là không trụ tâm?

有過去未來現在於何而住。迦葉。過去已滅。未來未至。現在無住。

Hữu quá khứ vị lai hiện tại ư hà nhi trụ. Ca-diếp. Quá khứ dĩ diệt. Vị lai vị chi.  
hiện tại vô trụ.

Có quá khứ, vị lai, hiện tại, sẽ trụ nơi chỗ nào? Phật dạy: Này Ca-diếp, quá khứ đã diệt, vị  
lai chưa đến, hiện tại không trụ,

迦葉。又此心法非在內。非在外。亦非中間。

Ca-diếp. Hựu thủ tâm Pháp phi tại nội. Phi tại ngoại. Diệc phi trung gian.

Này Ca-diếp, tâm pháp này chẳng phải ở trong, chẳng phải bên ngoài, cũng chẳng phải ở giữa.

迦葉又此心法離眾色相。無住無著而不可見。

Ca-diếp hựu thủ tâm Pháp ly chúng sắc tướng. Vô trụ Vô trú nhi bất khả kiến.

Ca-diếp, tâm pháp này xa lìa các sắc tướng, không trụ, không đắm, cũng không thể thấy.

迦葉。過去一切佛不見。未來一切佛不見。

Ca-diếp. Quá khứ nhất thiết Phật bất kiến. Vị lai nhất thiết Phật bất kiến.

Ca-diếp, tất cả Phật trong quá khứ không thấy, tất cả Phật nơi vị lai không thấy,

現在一切佛不見。迦葉白言。

hiện tại nhất thiết Phật bất kiến. Ca-diếp bạch ngôn.

tất cả Phật nơi hiện tại cũng không thấy. Ca-diếp bạch rằng:

若過去未來現在一切佛不見者。云何彼心有種種行相。迦葉。

Nhược quá khứ vị lai hiện tại nhất thiết Phật bất kiến giả.

Vân hà bì tâm hữu chủng chủng hành tướng. Ca-diếp.

Nếu tất cả Phật trong quá khứ vị lai hiện tại không thấy, thì tại sao tâm kia có các hành tu  
ống? Phật dạy: Ca-diếp,

彼心無實從妄想生。譬如幻化。

Bì tâm vô thật tòng vọng tưởng sanh. Thí như huyễn hóa.

Tâm kia là không thật, từ nơi vọng tưởng sanh ra, thí như huyễn hóa

種種得生為虛妄見。迦葉白言。虛妄不實。其喻云何。

Chủng chủng đắc sanh vi hư vọng kiến. Ca-diếp bạch ngôn. Hư vọng bất thật. Kỳ dụ vân hà.

sanh ra các thứ đó là hư vọng. Ca-diếp bạch rằng: Hư vọng không thật, ví dụ như thế nào?

佛言迦葉。心如浮泡生滅不住。心如風行而不可收。

Phật ngôn Ca-diếp. Tâm như phù phao sanh diệt bất trụ. Tâm như phong hành nhi bất khả thu.

Phật bảo Ca-diếp: Tâm như bọt nước sanh diệt không dừng, tâm như gió thổi không thể nắm bắt,

心如燈光因緣和合。心如虛空得虛妄煩惱。

Tâm như đăng quang nhân duyên hòa hợp. Tâm như hư không đắc hư vọng phiền não.

tâm như đèn sáng do nhân duyên hòa hợp, tâm như hư không đắc phiền não hư vọng

心如掣電刹那不住。心如猿猴攀緣境界。

Tâm như xé điện sát-na bất trụ. Tâm như viên hầu phân duyên cảnh giới.

tâm như điện chớp trong sát na liền mất, tâm như vượn khỉ vịn vào cảnh giới.

心如畫師作種種像。心念念不住生一切煩惱。

Tâm như họa sư tác chủng chủng tượng. Tâm niệm niệm bất trụ sanh nhất thiết phiền não.

tâm như người thợ vẽ tạo các hình tượng, tâm niệm không dừng sanh ra tất cả phiền não,

心行體一。無二心用故。心如其王。

Tâm hành thể nhất。 Vô nhị tâm dụng cố。 Tâm như kỳ Vương。  
thể của tâm và hành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là một, do không có hai tác dụng. Tâm như chúa tể,

自在緣一切法故。心如惡友。發生一切苦故。心如大海。

Tự-tại duyên nhất thiết Pháp cố。 Tâm như ác hữu。 Phát sanh nhất thiết khổ cố。  
tâm như Đại hải。

do tự tại duyên tất cả pháp. Tâm như bạn ác phát sanh tất cả khổ não. Tâm như biển lớn,  
漂溺一切善根故。心如釣魚之人。

Phiêu nịch nhất thiết thiện căn cố。 Tâm như điều ngư chi nhân。

do nhân chìm tất cả căn lành. Tâm như người dùng móc câu để câu cá,

於苦生樂想故。心如夢幻。妄計我故。心如青蠅。

Ư khổ sanh lạc tưởng cố。 Tâm như mộng huyễn。 Vọng kế ngã cố。 Tâm như thanh dăng。

do đối với khổ lại sanh ý tưởng là vui. Tâm như mộng huyễn vọng nghĩ là có ngã. Tâm như ruồi xanh,

於其不淨生淨想故。心如鬼魅。作種種不善事故。

Ư kỳ bất tịnh sanh tịnh tưởng cố。 Tâm như quỷ mị。 Tác chủng chủng bất thiện sự cố。

đối với vật bất tịnh lại sanh ý tưởng là tịnh. Tâm như quỷ mị, tạo tác các vật bất thiện.

心如藥叉。貪著境界飲人精氣故。心如冤家。

Tâm như dược xoa。 Tham trước cảnh giới ẩm nhân tinh khí cố。 Tâm như oan gia。

Tâm như dạ xoa, ưa thích uống tinh khí của người nơi thế gian. Tâm như oan gia

恒求過失故。心不靜住。或高或下進退不定故。

Hằng cầu quá thất cố。 Tâm bất tĩnh trụ。 Hoặc cao hoặc hạ tiến thoái bất định cố。

thường tìm sự lỗi lầm. Tâm không trụ vắng lặng, hoặc cao hoặc thấp, tiến thoái không chừng.

心如狂賊。壞一切功德善財故。心如蛾眼。

Tâm như cuồng tặc。 Hoại nhất thiết công đức Thiện Tài cố。 Tâm như nga nhân。

Tâm như giặc cuồng si, phá hoại tất cả công đức thiện. Tâm như loài bướm,

恒貪燈焰色故。心著於聲。如貪戰鼓聲故。

Hằng tham đăng diệm sắc cố。 Tâm trú u thanh。 Như tham chiến cổ thanh cố。

thường ưa thích ánh đèn. Tâm tham đắm nơi tiếng, như thích tiếng trống chiến đấu.

心如猪犬。於其不淨貪香美故。心如賤婢。

Tâm như tru khuyển。 Ư kỳ bất tịnh tham hương mỹ cố。 Tâm như tiện tì。

Tâm như loài chó, đối với vật bất tịnh mà cho là thơm ngon. Tâm như đầy tớ thấp hèn,

貪食殘味故。心能貪觸。如蠅著糞器故。迦葉。

Tham thực tàn vị cố。 Tâm năng tham xúc。 Như dăng trú Thiên khí cố。 Ca-diếp。

tham ăn thức ăn dư thừa. Tâm tham đắm sự xúc chạm, như ruồi tham đắm mùi tanh hôi. Này Ca-diếp,

心不可求求不能得。過去非有。未來亦無。現在不得。

Tâm bất khả cầu cầu bất năng đắc。 Quá khứ phi hữu。 Vị lai diệc vô。 Hiện tại bất đắc。

tâm là hông thể cầu, cầu cũng không thể đắc. Quá khứ chẳng có, vị lai cũng không, hiện tại k hông thể đắc.

若過去未來現在不可得者。三世斷故。

Nhược quá khứ vị lai hiện tại bất khả đắc giả。 Tam thể đoạn cố。

Nếu quá khứ hiện tại vị lai là không thể đắc, thì cả ba đời đều đoạn dứt.

若三世斷故彼即無有。若彼無有彼即不生。

Nhược tam thể đoạn cố bỉ tức vô hữu。 Nhược bỉ vô hữu bỉ tức bất sanh。

Do ba đời đã đoạn nên tâm kia không có, tâm kia không có tức là không sanh,

若彼不生是即無性。若彼無性無生無滅。

Nhược bỉ bất sanh thị tức Vô tánh。 nhược bỉ Vô tánh vô sanh vô diệt。

tâm kia không sanh tức là vô tánh, tâm vô tánh tức là không sanh không diệt

若無生滅亦無往來。 若無往來而無主宰。

Nhuộc vô sanh diệt diệt vô vãng lai. Nhuộc vô vãng lai nhi vô chủ tể.

Nếu không sanh không diệt thì cũng không có đến đi, không có đến đi nên không có chủ tể

若無主宰無假無實。 是即聖性。 迦葉。 若彼聖性。

Nhuộc vô chủ tể vô giả vô thật. Thị tức Thánh tánh. Ca-diếp. Nhuộc bi Thánh tánh.

không có chủ tể nên không giả không thật, đó tức là Thánh tánh. Này Ca-diếp, như thánh tánh kia

無得戒非無戒。 無淨行無穢行。 無因行無果行。

Vô đắc giới phi vô giới. Vô tịnh hạnh vô uế hạnh. Vô nhân hành vô quả hành.

là không đắc giới, chẳng phải không có giới, không có hạnh thanh tịnh, không có hạnh cầu uế, không có nhân hạnh, không có quả hạnh,

亦無心意之法。 若無心意之法彼無業亦無業報。

Diệc vô tâm ý chi Pháp. Nhuộc vô tâm ý chi Pháp bi vô nghiệp diệc vô nghiệp báo.

cũng không có tâm ý. Nếu không có tâm ý tức là không có nghiệp, cũng không có nghiệp báo,

若無業報亦無苦樂。 若無苦樂彼聖者性。

Nhuộc vô nghiệp báo diệc vô khổ lạc. Nhuộc vô khổ lạc bi Thánh giả tánh.

không có nghiệp báo thì không có khổ vui, không có khổ vui tức là thánh tánh.

若彼聖性無其上下中間。 身口意等不可住著。

Nhuộc bi Thánh tánh vô kỳ thượng hạ trung gian. Thân khẩu ý đẳng bất khả trụ trú

Thánh tánh ấy không có trên, dưới, ở giữa, thân khẩu ý bình đẳng không có đấng trước.

何以故。 性遍虛空。

Hà dĩ cố. Tánh biến hư không.

Tại vì sao? Tánh ấy biến khắp hư không

平等無分別故(無分別故下此處元少一葉梵文)。

Bình đẳng vô phân biệt cố vô phân biệt cố hạ thủ xử nguyên thiếu nhất diệp phạm văn.

do bình đẳng nên không có phân biệt. (Từ câu VÔ PHÂN BIỆT CỐ trở xuống thì ở đây thiếu phần nguyên bản chữ Phạm)

### 佛說大迦葉問大寶積正法經卷第三

Phật thuyết Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh quyển đệ tam

Phật Thuyết Đại Ca-diếp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh Quyển Thứ Ba.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch Sun Apr 30 2006 1:56:48

# PHẬT THUYẾT ĐẠI CA DIẾP VẤN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP KINH

QUYỂN THỨ TƯ

*Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 352*

Hán dịch: Thần Thích Hộ  
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiền  
Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (06-2007)  
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



**Tuệ Quang Wisdom Light Foundation**

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 352 《佛說大迦葉問大寶積正法經》CBETA 電子佛典 V1.10 普及版

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 352 《Phật thuyết Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 phổ cập bản

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 352 《Phật nói Đại ca lá hỏi Đại Bảo-Tích chánh Pháp Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 khắp cùng bản

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 佛說大迦葉問大寶積正法經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 Phật thuyết Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 Phật nói Đại ca lá hỏi Đại Bảo-Tích chánh Pháp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

佛說大迦葉問大寶積正法經

Phật thuyết Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh

Phật Thuyết Đại Ca-diếp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh

卷第四

Quyển đệ tứ

Quyển thứ Tư.

西天譯經三藏朝散大夫試鴻臚少卿傳法大師臣施護奉 詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí hồng lu thiếu khanh

Truyện Pháp Đại sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch

Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Thiếu Khanh

Truyện Pháp Đại Sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch

佛告迦葉。譬如有人善解習馬。

Phật cáo Ca-diếp。thí như hữu nhân thiện giải tập mã。

Phật bảo Ca-diếp, thí như có người khéo hiểu thói quen của ngựa,

其馬性惡難以制伏。此人調習自然良善。迦葉。

Kỳ mã tánh ác nan dĩ chế phục。thử nhân điều tập tự nhiên lương thiện。Ca-diếp。

ngựa ấy tánh tình hung dữ thật khó điều phục, mà người này thuận theo tánh của ngựa để điều phục khiến hiền lương thiện。Ca-diếp,

如是相應比丘能守禁律。心識驪馳難以制伏。

như thị tương ứng bỉ khâu năng thủ cấm luật。tâm thức hiêu trì nan dĩ chế phục。

Cũng vậy Tỷ Kheo tương ứng có hề giữ cấm giới, mà ánh tình rong ruổi thật khó điều phục,

彼此比丘調伏制御。離瞋恚等如如不動。

Bị thử bỉ khâu điều phục chế ngự。ly sân khuê đẳng như như bất động。

rồi được Tỷ Kheo khác điều phục chế ngự khiến xa lìa sân giận được như như bất động。

我今於此而說頌曰。

Ngã kim u thử nhi thuyết tụng viết。

Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如惡性馬

遇彼調習人

Thí như ác tánh mã

Ngộ bỉ điều tập nhân

Thí như ngựa hung hăng

Gặp người khéo điều phục

種種被制伏

不久而調善

Chùng chùng bị chế phục

Bất cừu nhi điều thiện

Dùng các thú cấm chế

Không lâu ngựa hiền lành

相應行比丘

善持於禁律

Tương ứng hành bỉ khâu

Thiện trì u cấm luật

Tỷ kheo hành tương ứng

Khéo giữ gìn giới cấm

調伏於識心

令彼淨安住

Điều phục u thúc tâm                      Lệnh bi tịnh an trú  
Được điều phục tâm thức                  Khiển trụ nơi an lạc.

佛告迦葉。譬如有人於其咽喉而患癭病。

Phật cáo Ca-diếp 。 thí như hữu nhân u kỳ yết hầu nhi hoạn anh bệnh 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như có người bị bệnh bứu nơi cổ họng

致壞命根得其苦惱。迦葉。

trí hoại mạng căn đắc kỳ khổ não 。 Ca-diếp 。

chịu sự đau khổ cho đến khi chết. Ca-diếp,

如是若復有人深著我想於自身命後得大苦。

Như thị nhuộc phục hữu nhân thâm trú ngã tướng u tự thân mạng hậu đắc Đại khổ 。

cũng như có người đắm trước nơi ngã, nghĩ tưởng đến thân mạng mình nên chịu sự khổ não  
我今於此而說頌曰。

Ngã kim u thử nhi thuyết tụng viết 。

Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如癭病人

Thí như anh bệnh nhân

Như người bị bệnh bứu

於其晝夜中

Ư kỳ trú dạ trung

Suốt ngày rồi đến đêm

著我之眾生

Trú ngã chi chúng sanh

Chúng sanh đắm trước ngã

見倒壞其身

Kiến đảo hoại kỳ thân

Tà kiến và điên đảo

苦惱於身命

Khổ não u thân mạng

Thân mạng chịu khổ não

無暫得安樂

Vô tạm đắc an lạc

Chưa từng được an lạc

其義亦如是

Kỳ nghĩa diệc như thị

Nghĩa ấy cũng như vậy

於後生諸苦

Ư hậu sanh chư khổ

Về sau chịu các khổ

佛告迦葉。譬如有人身被纏縛。

Phật cáo Ca-diếp 。 thí như hữu nhân thân bị triển phục 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như có người thân bị trói chặt

巧設方便而得解免。迦葉。如是若彼有情作善相應。

Xảo thiết phương tiện nhi đắc giải miễn 。

Ca-diếp 。 như thị nhuộc bi hữu tình tác thiện tương ứng 。

rồi khéo tìm phương tiện mà được giải thoát, Ca-diếp, cũng vậy các hữu tình làm điều thiện tương ứng

制止心猿令得離縛。我今於此而說頌曰。

Chế chí tâm viên lệnh đắc ly phục 。

ngăn ngừa tâm tán loạn khiến xa lìa sự trói buộc. Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如纏縛人

Thí như triển phục nhân

Như người bị trói buộc

解彼身邊縛

Giải bi thân biên phục

Cởi bỏ sự trói buộc

相應善有情

Tương ứng thiện hữu tình

Chúng sanh làm điều thiện

令彼離纏縛

Lệnh bi ly triển phục

Khiển xa lìa trói buộc

能設巧方便

Năng thiết xảo phương tiện

Khéo tìm phương tiện hay

令身得自在

Lệnh thân đắc tự-tại

Khiển tâm được tự tại

禁止於心識

Cấm chí u tâm thức

điều phục nơi tâm thức

其義亦如是

Kỳ nghĩa diệc như thị

Nghĩa ấy cũng như vậy

佛告迦葉。譬如虛空本自廓然。

Phật cáo Ca-diếp 。 thí như hư không bản tự khuếch nhiên 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như hư không vốn rộng lớn minh mông

彼有二物可以蓋覆。何等二物。是彼雲霧。迦葉。

Bi hữu nhị vật khả dĩ cái phục 。

hà đẳng nhị vật 。

thị bi vân vụ 。

Ca-diếp 。

rồi có hai vật làm che lấp. Thế nào là hai vật, đó là mây và sương mù. Ca-diếp,

如是出家之人。本自寂靜而求世間呪術之法。

Như thị xuất gia chi nhân 。

bản tự tịch tĩnh nhi cầu thế gian chú thuật chi Pháp 。

Cũng vậy người xuất gia vốn tự thanh tịnh vắng lặng, lại tìm cầu các chú thuật thế gian,

又於衣鉢財利畜積受用。此為覆障。

Hựu u y bát tài lợi súc tích thọ dụng 。

thù vi phúc chướng 。

đổi với y bát tài lợi thì ham cất chứa thọ dụng nên bị các thứ này che lấp。

我今於此而說頌曰。

Ngã kim u thử nhi thuyết tụng viết 。

Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如於雲霧

Thí như u vân vụ

Như mây và sương mù

比丘亦復然

Bì khâu diệc phục nhiên

Tỳ kheo cũng như vậy

習學於呪術

Tập học u chú thuật

Học tập các chú thuật

此二障行人

Thử nhị chướng hành nhân

Hai thứ này chướng ngại

佛告迦葉。此出家人有二種纏縛。

Phật cáo Ca-diếp 。 thử xuất gia nhân hữu nhị chủng triển phục 。

Phật bảo Ca-diếp: Người xuất gia có hai thứ ràng buộc

云何二種。迦葉。一為利養纏縛。二為名稱纏縛。

Vân hà nhị chủng 。 Ca-diếp 。 nhất vi lợi dưỡng triển phục 。 nhị vi danh xưng triển phục 。

Thế nào là hai? Ca-diếp: Một là lợi dưỡng ràng buộc, hai là danh lợi ràng buộc.

彼出家人宜各遠離。我今於此而說頌曰。

Bì xuất gia nhân nghi các viễn li 。 ngã kim u thử nhi thuyết tụng viết 。

nên người xuất gia cần phải xa lìa. Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

若彼出家人 貪著於利養

Nhuộc bì xuất gia nhân tham trước u lợi dưỡng

Nếu là người xuất gia Tham đắm nơi lợi dưỡng

及愛好名聞 此二重纏縛

Cập ái hào Danh-Văn thử nhị trọng triển phục

Lại ưa thích tiếng tốt Hai thứ này ràng buộc

亦障聖解脫 出家須遠離

Diệc chướng Thánh giải thoát Xuất gia tu viễn li

Chướng ngại đạo giải thoát Nên cần phải xa lìa.

佛告迦葉。有二種法滅出家德。云何二法。

Phật cáo Ca-diếp 。 hữu nhị chủng Pháp diệt xuất gia đức 。 vân hà nhị Pháp 。

Phật bảo Ca-diếp: Có hai thứ pháp làm hư đức hạnh xuất gia. thế nào là hai?

一親近在家。二憎嫌聖者。我今於此而說頌曰。

Nhất thân cận tại gia 。 nhị tăng hiềm Thánh giả 。 ngã kim u thử nhi thuyết tụng viết 。

Một là gần gũi người thế gian, hai là oán ghét chê trách bậc Thánh. Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

親近在家人

憎嫌於聖者

Thân cận tại gia nhân

Tăng hiềm u Thánh giả

Gần gũi người thế gian

Chê ghét các bậc Thánh

此二非道法

滅彼出家德

Thử nhị phi đạo Pháp

Diệt bì xuất gia đức

Hai thứ này phi pháp

Mất hạnh người xuất gia

出家菩薩人

彼宜速遠離

Xuất gia Bồ Tát nhân

Bì nghi tốc tốc ly

Người tu hạnh Bồ Tát

Cần phải mau tránh xa.

佛告迦葉。有二種法為出家垢染。云何二法。

Phật cáo Ca-diếp 。 hữu nhị chủng Pháp vi xuất gia cấu nhiễm 。 vân hà nhị Pháp 。

Phật bảo Ca-diếp: Có hai pháp làm cấu uế người xuất gia. Thế nào là hai?

一心多煩惱。二棄捨善友攝受惡友。

Nhất tâm đa phiền não 。 nhị khí xả thiện hữu nhiếp thọ ác hữu 。

Một là tâm nhiều phiền não, hai là bỏ bạn lành theo bạn xấu ác.

我今於此而說頌曰。

Ngã kim u thử nhi thuyết tụng viết 。

Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

若彼出家人

心多於煩惱

Nhuộc bì xuất gia nhân

Tâm đa u phiền não



Nếu là người xuất gia  
棄背善良朋  
Khí bối thiện lương bằng  
Xa rời các bạn lành

佛說於此人  
Phật thuyết ư thù nhân  
Phật dạy hạng người này  
一切菩薩眾  
Nhất thiết Bồ Tát chúng  
Tất cả chúng Bồ Tát

佛告迦葉。有二種法於出家人如臨崖險。

Phật cáo Ca-diếp . hữu nhị chủng Pháp ư xuất gia nhân như lâm nhai hiểm .  
Phật bảo Ca-diếp: Có hai pháp nguy hiểm đối với người xuất gia

云何二種。一輕慢妙法。二信樂破戒。

vân hà nhị chủng . nhất khinh mạn diệu Pháp . nhị tín lạc phá giới .  
Thế nào là hai? Một là khinh chê giáo pháp, hai là ưa thích phá giới.

我今於此而說頌曰。

Ngã kim ư thù nhi thuyết tụng viết .  
Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

若彼出家人  
Nhuộc bị xuất gia nhân  
Nếu là người xuất gia  
信重破戒者  
Tín trọng phá giới

Tin ưa người phá giới  
墜墮在須臾  
Trụy đọa tại tu du  
Giây lát sẽ đọa lạc

一切諸佛子 彼二須遠離

Nhất thiết chư Phật tử Bi nhị tu viễn li  
Tất cả đệ tử Phật Cần phải mau tránh xa

佛告迦葉。有二種法為出家過惡。

Phật cáo Ca-diếp . hữu nhị chủng Pháp vi xuất gia quá ác .

Phật bảo Ca-diếp: có hai pháp nếu người xuất gia thực hành thì phạm lỗi

云何二種一見他過失。二蓋覆自過。

Vân hà nhị chủng nhất kiến tha quá thất . nhị cái phúc tự quá .

Thế nào là hai? Một là nhìn lỗi người khác, hai là che dấu lỗi mình

我今於此而說頌曰。

ngã kim ư thù nhi thuyết tụng viết .  
Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

若有出家者  
Nhuộc hữu xuất gia giả  
Nếu là người xuất gia  
覆藏於自罪  
Phúc tạng ư tự tội  
Che dấu lỗi của mình

損惱毒如火 智者須遠離

Tôn nảo độc như hỏa Trí giả tu viễn li  
Tai hại như lửa đốt Người trí phải tránh xa.

佛告迦葉。有二種法增出家熱惱。云何二種。

Phật cáo Ca-diếp . hữu nhị chủng Pháp tăng xuất gia nhiệt nảo . vân hà nhị chủng .

Phật bảo Ca-diếp: Có hai pháp làm tăng nhiệt nảo đối với người xuất gia. thế nào là hai?

一受持袈裟心懷不淨。

Nhất thọ trì ca sa tâm hoài bất tịnh .

Một là thân đắp ca sa mà tâm nghĩ việc bất tịnh

二恃已戒德訶責非行。我今於此而說頌曰。

Nhị thị kỷ giới đức ha trách phi hành . ngã kim ư thù nhi thuyết tụng viết .

hai là ý vào giới đức của mình rồi trách mắng những việc làm sai. Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

雖復披袈裟

Mà tâm nhiều phiền não

親近於惡友  
Thân cận ư ác hữu  
Gần gũi với bạn ác

為彼出家垢  
Vi bị xuất gia cấu  
Cấu uế hạnh xuất gia  
各各宜遠離  
Các các nghi viễn li  
Cần phải mau tránh xa

輕慢於妙法

Khinh mạn ư diệu Pháp  
Mà khinh chê giáo pháp  
如登於崖險

Giả như đăng ư nhai hiểm  
Như vào chỗ hiểm nguy

此二非律儀

Thử nhị phi luật nghi  
Hai loại này phi pháp

恒見他人過

Hằng kiến tha nhân quá  
Thường nhìn lỗi người khác

此二大過失

Thử nhị Đại quá thất  
Cả hai là lỗi lớn

心行不淨行

Tuy phục phi ca sa  
Thân mang áo ca sa

設身有戒德

Thiết thân hữu giới đức  
ý thân có giới đức

催伏非行者

Thôi phục phi hành giả  
Trách mắng người làm sai

佛告迦葉。有二種法醫出家人病。云何二法。

Phật cáo Ca-diếp。 hữu nhị chủng Pháp y xuất gia nhân bệnh。 vân hà nhị Pháp。

Phật bảo Ca-diếp: Có hai loại thuốc pháp chữa bệnh cho người xuất gia. thế nào là hai?  
一行大乘者見心決定。

nhất hành Đại thừa giả kiến tâm quyết định。

Một là tu hạnh Đại thừa có tâm cương quyết

二為諸眾生不斷佛法。我今於此而說頌曰。

Nhị vi chư chúng sanh bất đoạn Phật Pháp。 ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết。

Hai là vi các chúng sanh mà nổi tiếp Phật pháp. Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

若有出家者

Nhuộc hữu xuất gia giả  
Nếu là người xuất gia

見心恒決定

Kiến tâm hằng quyết định  
Tâm thường giữ cương quyết

此二出家人 佛說名無病

Thử nhị xuất gia nhân Phật thuyết danh vô bệnh

Người có hai pháp này Phật dạy là không bệnh

佛告迦葉。有二種法為出家人長病。

Phật cáo Ca-diếp。 hữu nhị chủng Pháp vi xuất gia nhân trường bệnh。

Phật bảo Ca-diếp: Có hai loại pháp làm cho người xuất gia bệnh nặng lâu dài

云何二種。一得阿波諦重罪。二不能發露懺悔。

Vân hà nhị chủng。 nhất đắc a ba đế trọng tội。 nhị bất năng phát lộ sám hối。

Thế nào là hai? Một là phạm tội nặng, hai là không phát lồ sám hối

我今於此而說頌曰。

Ngã kim ư thử nhi thuyết tụng viết。

Nay ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

出家比丘眾

Xuất gia bi khâu chúng  
Chúng Tỳ Kheo xuất gia

不能懺滅罪

Bất năng sám diệt tội  
Không sám hối diệt tội

剎那剎那實

Sát-na sát-na thật

Đề thời gian trôi qua Tội này là bệnh lớn

佛告迦葉。此有沙門為沙門名。迦葉白言。

Phật cáo Ca-diếp。 thử hữu Sa Môn vi Sa Môn danh。 Ca-diếp bạch ngôn。

Phật bảo Ca-diếp: Đây có Sa Môn gọi là Sa Môn danh. Ca-diếp bạch Phật rằng:

云何沙門為沙門名。迦葉。此有四種沙門。

Vân hà Sa Môn vi Sa Môn danh。 Ca-diếp。 thử hữu tứ chủng Sa Môn。

Sa Môn như thế nào gọi là Sa Môn danh. Phật dạy: đây có bốn loại Sa Môn,

云何四種。一行色相沙門。二密行虛誑沙門。

Vân hà tứ chủng。 nhất hành sắc tướng Sa Môn。 nhị mật hành hư cuồng Sa Môn。

Thế nào là bốn? Một là Sa Môn sắc tướng, hai là Sa Môn lén làm việc hư dối

三求名聞稱讚沙門。四實行沙門。

Tam cầu Danh-Văn xưng tán Sa Môn。 tứ thật hành Sa Môn。

ba là Sa Môn cầu danh tiếng, bốn là Sa Môn thật hạnh。

迦葉此是四種沙門。迦葉白言。云何名行色相沙門。迦葉。

Ca-diếp thử thị tứ chủng Sa Môn。 Ca-diếp bạch ngôn。 vân hà danh hành sắc tướng Sa Môn。 Ca-diếp。

Tâm hành bất tịnh hạnh

Tâm nghĩ việc bất tịnh

而用於惡言

Nhi dụng ư ác ngôn

Miệng nói lời xấu ác

此二須遠離

Thử nhị tu viễn ly

Cả hai phải lánh xa

Ca-diếp, đây là bốn loại Sa Môn. Ca-diếp thua rằng: Thế nào gọi là Sa Môn sắc tướng? Phật dạy: Ca-diếp,

此一沙門。

Thù nhất Sa Môn。

một loại Sa Môn này

雖復剃除鬚髮著佛袈裟受持鉢器色相具足。而身不清淨。口不清淨。意不清淨。

Tuy phục thể trừ tu phát trú Phật ca sa thọ trì bát khí sắc tướng cụ túc。nhi thân bất thanh tịnh。

khẩu bất thanh tịnh。ý bất thanh tịnh。

tuy cạo bỏ râu tóc, mặc ca sa, thọ trì bát, đầy đủ sắc tướng nhưng thân không thanh tịnh, ý không thanh tịnh。

不自調伏僞惡不善。廣貪財利命不清淨。

Bất tự điều phục thô ác bất thiện。quảng tham tài lợi mạng bất thanh tịnh。

không tự điều phục sự thô ác bất thiện, tham đắm tài lợi, mạng sống không thanh tịnh。

得破戒罪法。迦葉。此名行色相沙門。

Đắc phá giới tội Pháp。Ca-diếp。thử danh hành sắc tướng Sa Môn。

phá huỷ giới pháp. Ca-diếp, đây gọi là Sa Môn sắc tướng。

迦葉白言云何名密行虛誑沙門。迦葉。

Ca-diếp bạch ngôn vân hà danh mật hành hư cuống Sa Môn。Ca-diếp。

Ca-diếp thua rằng: Thế nào gọi là Sa Môn lén làm việc hư dối? Phật dạy: Ca-diếp,

此一沙門。雖知行業亦具威儀。喫僞惡飲食。

Thù nhất Sa Môn。tuy tri hành nghiệp diệc cụ uy nghi。khiết thô ác ẩm thực。

Một loại Sa Môn này tuy biết hạnh nghiệp, cũng đầy đủ oai nghi, ăn thức ăn thô ác

詐歡詐喜。於行住坐臥。恒構虛誑。

Trá hoan trá hỉ。ư hành trụ tọa ngọa。hằng cấu hư cuống。

giả vờ vui mừng, đi đứng nằm ngồi thường lờ mờ luống dối,

又不親近在家出家四聖種族。詐默無言誑賺有情。

Hựu bất thân cận tại gia xuất gia tứ Thánh chủng tộc。trá mặc vô ngôn cuống trám hữu tình。

lại không gần gũi bốn dòng giống Thánh tại gia và xuất gia, giả im lặng để lừa gạt hữu tình,

心無清淨亦無調伏。亦不息念虛妄推度。

Tâm vô thanh tịnh diệc vô điều phục。diệc bất túc niệm hư vọng thôi độ。

tâm không thanh tịnh, cũng không có sự điều phục, không đoạn dứt niệm phân biệt hư vọng,

住著我人之相。若遇空法而生怖畏如登崖險。

Trụ trú ngã nhân chi tướng。nhược ngộ không Pháp nhi sanh bố úy như đăng nhai hiểm。

đắm vào tướng nhân ngã. Nếu gặp pháp nói về không thì sanh lòng sợ hãi như đi đến chỗ hiểm nguy,

若見比丘善談空者如遇冤家。迦葉。

Nhuộc kiên bỉ khâu thiện đàm không giả như ngộ oan gia。Ca-diếp。

Nếu thấy Tỳ Kheo khéo nói về pháp không thì xem như gặp kẻ oán. Ca-diếp,

此說名為密行虛誑沙門。

Thử thuyết danh vi mật hành hư cuống Sa Môn。

đây gọi là Sa Môn lén làm việc hư dối。

迦葉白言。云何名為求名聞稱讚沙門。迦葉。

Ca-diếp bạch ngôn。vân hà danh vi cầu Danh-Văn xưng tán Sa Môn。Ca-diếp。

Ca-diếp thua rằng: Thế nào gọi là Sa Môn cầu danh tiếng? Phật dạy: Ca-diếp,

此一沙門。為求名聞稱讚詐行持戒。

Thù nhất Sa Môn。vi cầu Danh-Văn xưng tán trá hành trì giới。

một loại sa Môn này vì cầu danh thơm tiếng khen mà giả vờ trì giới,

惑亂他人恃術多聞要他稱讚。或居山野。或處林間。

Hoặc loạn tha nhân thị huyễn đa văn yếu tha xưng tán。hoặc cư sơn dã。hoặc xử lâm gian。

làm mê hoặc người khác, tự khoe mình đa văn để cầu tiếng khen. Hoặc ở nơi đồng trống, hoặc ở nơi núi rừng,

詐現少欲無貪。假行清淨之行。

Trá hiện thiểu dục vô tham。giả hành thanh tịnh chi hành。

giả vờ ít muốn không tham lam, giả thực hành hạnh thanh tịnh,

於其心內無其離欲。無其寂靜無其息慮。

Ư kỳ tâm nội vô kỳ ly dục。vô kỳ tịch tĩnh vô kỳ túc lự。

nhưng ở trong tâm thì không ly dục, không có vắng lặng, không có tu duy thiền định,

無證菩提亦不為沙門。亦不為婆羅門。亦不為涅槃。

Vô chứng bồ đề diệc bất vi Sa Môn。diệc bất vi Bà-la-môn。diệc bất vi Niết-Bàn。

không chúng bỏ dề, cũng không làm Sa Môn, không làm Bà-la-môn, không vì đạo Niết Bàn, 而求稱讚名聞。迦葉。此名求名聞稱讚沙門。

Nhi cầu xưng tán Danh-Văn 。 Ca-diếp 。 thù danh cầu Danh-Văn xưng tán Sa Môn 。  
chỉ cầu tiếng khen danh dự. Ca-diếp, đây gọi là Sa Môn cầu danh tiếng.

迦葉自言。云何名實行沙門。迦葉此一沙門。

Ca-diếp bạch ngôn 。 vân hà danh thật hành Sa Môn 。 Ca-diếp thù nhất Sa Môn 。  
Ca-diếp thưa rằng: thế nào gọi là Sa môn thật hạnh. Phật dạy: Ca-diếp, một loại Sa Môn này,  
不為身命而行外事。亦不言論名聞利養。

Bất vì thân mạng nhi hành ngoại sự 。 diệc bất ngôn luận Danh-Văn lợi dưỡng 。  
không làm thân mạng mà làm những việc thế gian, cũng không bàn luận về danh tiếng lợi dưỡng,  
唯行空無相無願。若聞一切法已。

Duy hành không vô tướng vô nguyện 。 nhược văn nhất thiết Pháp dĩ 。  
chỉ thực hành pháp không, vô tướng, vô nguyện. Nếu nghe tất cả pháp rồi

正意思惟涅槃實際。恒修梵行不求世報。

Chánh ý tư duy Niết-Bàn thật tế 。 hằng tu phạm hạnh bất cầu thế báo 。  
thì chánh ý tư duy về Niết-bàn thật tế , chỉ lo tu phạm hạnh mà không cầu quả báo thế gian,  
亦不論量三界喜樂之事。唯見性空不得事法。

Diệc bất luận lượng tam giới thiện lạc chi sự 。 duy kiến tánh không bất đắc sự Pháp 。  
cũng không bàn luận việc vui chơi trong ba cõi , chỉ thấy tánh không , không nắm giữ pháp sự,  
亦不議論我人眾生壽者及補特伽羅。

Diệc bất nghị luận ngã nhân chúng sanh thọ giả cập bổ đặc dà la 。  
không bàn luận về nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả hay các loài hữu tình,  
見正法位離諸虛妄。於解脫道斷諸煩惱。

Kiến chánh Pháp vị ly chu hư vọng 。 u giải thoát đạo đoạn chu phiền não 。  
thấy biết pháp chơn chánh, xa lìa hư vọng, đối với đạo giải thoát đoạn trừ các phiền não,  
達一切法自性清淨。內外不著。無集無散。

Đạt nhất thiết Pháp tự tánh thanh tịnh 。 nội ngoại bất trú 。 vô tập vô tán 。  
thấu đạt tất cả pháp tự tại thanh tịnh, trong ngoài không đắm trước, không tích chứa, không phá hoại  
於彼法身如來明了通達。無其見取。亦不言論色身離欲。

Ư bi Pháp thân Nhu-Lai minh liễu thông đạt 。 vô kỳ kiến thủ 。 diệc bất ngôn luận sắc thân ly dục 。  
hiểu thấu rõ pháp thân của Nhu-lai, không thể thấy, không thể nắm bắt, không bàn về sắc thân ly dục  
亦不見色相。亦不見三業造作。

Diệc bất kiến sắc tướng 。 diệc bất kiến tam nghiệp tạo tác 。  
cũng không thấy sắc tướng, cũng thấy ba nghiệp tạo tác

亦不執凡聖之眾法無所有。斷諸分別自性凝然。

Diệc bất chấp phạm Thánh chi chúng Pháp vô sở hữu 。 đoạn chu phân biệt tự tánh ngưng nhiên 。  
cũng không chấp các pháp phạm thánh không có sở hữu, đoạn các sự phân biệt, tự tánh tĩnh lặng  
不得輪迴不得涅槃。無縛無解無來無去。

Bất đắc Luân-hồi bất đắc Niết-Bàn 。 vô phục vô giải vô lai vô khứ 。  
không luân hồi không Niết-bàn, không trói buộc, không giải thoát, không đến không đi,  
知一切法寂靜湛然。迦葉。此說名為實行沙門。

Tri nhất thiết Pháp tịch tĩnh trạm nhiên 。 Ca-diếp 。 thù thuyết danh vi thật hành Sa Môn 。  
biết tất cả pháp là vắng lặng thanh tịnh. Ca-diếp, đây gọi là Sa môn thật hạnh,  
作相應行非求名聞故。我今於此而說頌曰。

Tác tướng ứng hành phi cầu Danh-Văn cố 。 ngã kim u thù nhi thuyết tụng viết 。  
do tạo tác hạnh tương ưng mà không cầu danh tiếng. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

所有身口意	三業不清淨
Sở hữu thân khẩu ý	Tam nghiệp bất thanh tịnh
Nhu thân miệng ý	Ba nghiệp chẳng thanh tịnh
貪愛不調伏	龜惡行不密
Tham ái bất điều phục	Thô ác hành bất mật
Tham ái không điều phục	Hạnh thô ác bất thiện
圓頂服三衣	執持於應器
Viên đỉnh phục tam y	Chấp trì u ứng khí
Cạo đầu mặc ca sa	Tay nắm giữ bình bát
佛說此沙門	恒行於色相
Phật thuyết thù Sa Môn	Hằng hành u sắc tướng
Phật dạy Sa môn này	Chỉ là có sắc tướng

雖然依彼行  
Tuy nhiên y bi hành  
Tuy có nương hạnh nghiệp  
詐現四威儀  
Trá hiện tứ uy nghi  
Giả hiện các oai nghi  
遠離和合處  
Viễn li hòa hợp xứ  
Xa lia chúng hòa hợp  
無彼清淨行  
Vô bi thanh tịnh hành  
Không có hạnh thanh tịnh  
或彼為求名  
Hoặc bi vì cầu danh  
Hoặc vì cầu danh lợi  
詐修於戒定  
Trá tu u giới định  
Giả tu giới và định  
內意不調伏  
Nội ý bất điều phục  
Không điều phục tâm ý  
不行離欲善  
Bất hành ly dục thiện  
Không thực hành ly dục  
見說法相空  
Kiến thuyết Pháp tướng không  
Thấy người nói pháp  
或居山野間  
Hoặc cư sơn dã gian  
Hoặc ở nơi đồng trống  
佛說此沙門  
Phật thuyết thử Sa Môn  
Phật dạy Sa môn này  
若彼實行者  
Nhuộc bi thật hành giả  
Nếu người có thật hạnh  
妄求名利養  
Mà cầu các lợi dưỡng  
Mà cầu các lợi dưỡng  
唯修正解脫  
Duy tu chánh giải thoát  
Chỉ chánh tu giải thoát  
雖知深法空  
Tuy tri thâm Pháp không  
Tuy hiểu rõ pháp không  
亦無非寂靜  
Diệc vô phi tịch tĩnh  
Chẳng phải không vắng lặng  
不得於生死  
Bất đắc u sanh tử  
Không ở nơi sanh tử  
不捨於凡夫  
Bất xả u phàm phu  
Không xả bỏ phàm phu  
今亦無所去  
Kim diệc vô sở khứ  
Nay cũng không chỗ đi  
佛說於此人  
Phật thuyết u thử nhân  
Phật dạy hạng người này  
佛告迦葉。譬如貧人家無財利。

虛誑而不實  
Hư cuống nhi bất thật  
Mà hư dối không thật  
示同於聖者  
Kì đồng u Thánh giả  
Cho là đồng bậc thánh  
恒餐餽惡食  
Hằng xan thô ác thực  
Thường ăn thức ăn thô  
密行於虛誑  
Mật hành u hư cuống  
Lén làm việc hư dối  
要他行稱讚  
Yêu tha hành xưng tán  
Muốn mọi người khen mình  
示衛行頭陀  
Kì huyễn hành Đầu-đà  
Khoe thực hành đầu đà  
誑賺於信施  
Cuống trám u tín thí  
Lừa dối các tín thí  
亦不息攀緣  
Diệc bất tức phan duyên  
Cũng không dứt phan duyên  
怖同登山險  
Phổ đồng đẳng sơn hiểm  
không Sợ hãi như gặp nạn  
而無真實意  
Nhi vô chân thật ý  
Mà ý không chân thật  
為求名聞故  
Vi cầu Danh-Văn cố  
Là người cầu danh tiếng  
不為於身命  
Bất vi u thân mạng  
Không vì thân mạng mình  
亦無求快樂  
Diệc vô cầu khoái lạc  
Cũng không cầu khoái lạc  
救拔諸惡趣  
Cứu bạt chư ác thú  
Cứu vớt các đường ác  
不得於寂靜  
Bất đắc u tịch tĩnh  
Không đắc sự vắng lặng  
不住於涅槃  
Bất trụ u Niết-Bàn  
Không trụ nơi Niết-bàn  
不著於聖人  
Bất trú u Thánh nhân  
Không đắm nơi bậc thánh  
本自無所來  
Bổn tự vô sở lai  
Vốn mình không chỗ đến  
一切法寂然  
Nhất thiết Pháp tịch nhiên  
Tất cả pháp vắng lặng  
是名實行者  
Thị danh thật hành giả  
Là Sa môn thật hạnh

Phật cáo Ca-diếp . thí như bản nhân gia vô tài lợi .

Phật bảo Ca-diếp: Thí như người sanh ở nhà nghèo khó không có tài lợi,  
自發其言告眾人曰。我家之內有大庫藏財物盈滿。迦葉。

Tự phát kỳ ngôn cáo chúng nhân viết . ngã gia chi nội hữu Đại khổ tạng tài vật doanh mãn . Ca-diếp .  
tự nói với mọi người rằng: trong nhà tôi có kho lớn chứa đầy của cải. Ca-diếp,  
於意云何。此貧人言是事實不。迦葉白言。

Ư ý vân hà . thù bản nhân ngôn thị sự thật bất . Ca-diếp bạch ngôn .

Ý ông nghĩ thế nào, người nghèo này nói đúng sự thật không? Ca-diếp thưa rằng:  
不也世尊。佛言。迦葉亦復如是。

Bất dã Thế tôn . Phật ngôn . Ca-diếp diệc phục như thị .

Bạch Thế-tôn không đúng. Phật dạy: Ca-diếp, cũng như vậy

彼沙門婆羅門自無戒德而復發言。我身具大德業。

Bì Sa Môn Bà-la-môn tự vô giới đức nhi phục phát ngôn . ngã thân cụ Đại Đức nghiệp .

Sa môn, Bà-la-môn tự mình không có giới đức mà tự nói rằng: Thân tôi có đủ đức hạnh,  
此言不實是事難信。我今於此而說頌曰。

Thù ngôn bất thật thị sự nan tín . ngã kim ư thù nhi thuyết tụng viết .

lời này là không thật, việc này khó tin. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如貧窮人

Thí như bản cùng nhân

Thí như người nghèo khó

盈滿七珍財

Doanh mãn thất trân tài

Chứa đầy bảy thứ báu

沙門婆羅門

Sa Môn Bà-la-môn

Sa môn Bà-la-môn

三業無清淨

Tam nghiệp vô thanh tịnh

Ba nghiệp không thanh tịnh

佛告迦葉。譬如有人入大水內而不專心。

Phật cáo Ca-diếp . thí như hữu nhân nhập Đại thủy nội nhi bất chuyên tâm .

Phật bảo Ca-diếp: Thí như có người nhảy vào nước lớn mà không chuyên tâm,

恣意戲水不覺溺死。迦葉。亦復如是。

Tú ý hí thủy bất giác nịch tử . Ca-diếp . diệc phục như thị .

buông lung đùa giỡn trong nước mà không biết bị chết chìm. Ca-diếp, cũng vậy

此沙門婆羅門多知樂法。入大法海不能制心。

Thù Sa Môn Bà-la-môn đa tri lạc Pháp . nhập Đại Pháp hải bất năng chế tâm .

Sa môn Bà-la-môn biết nhiều pháp lạc, vào trong biển pháp lớn mà không chế ngự tâm,

好行貪瞋癡。被煩惱貪引生惡趣。

Hào hành tham sân si . bị phiền não tham dẫn sanh ác thú .

ư thực hành tham sân si, nên bị phiền não dẫn dắt sanh vào đường ác.

我今於此而說頌曰。

Ngã kim ư thù nhi thuyết tụng viết .

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如戲水人

Thí như hí thủy nhân

Như người đùa với nước

不自用其心

Bất tự dụng kỳ tâm

Tự mình không chuyên tâm

沙門婆羅門

Sa Môn Bà-la-môn

Sa môn Bà-la-môn

恣行貪瞋癡

Tú hành tham sân si

Buông lung tham sân si

佛告迦葉。

Phật cáo Ca-diếp .

Phật bảo Ca-diếp:

譬如醫人修合湯藥將往四方欲療眾病。忽自得疾而不能救。迦葉。

Phật Thuyết Đại Ca Diếp Văn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh, Quyển Bốn  
Foundation

言自有庫藏

Ngôn tự hữu khổ tạng

Tự nói có kho lớn

彼語不相應

Bì ngữ bất tương ứng

Lời kia không tương ứng

虛妄亦如是

Hư vọng diệc như thị

Hư đồn cũng như vậy

自言具戒德

Tự ngôn cụ giới đức

Tự nói đủ giới đức.

入於大水內

Nhập ư Đại thủy nội

Vào trong hồ nước lớn

被水溺其命

Bị thủy nịch kỳ mạng

Nên bị nước nhấn chìm

貪入大法海

Tham nhập Đại Pháp hải

Tham vào trong biển pháp

沈墜於惡趣

Trầm trụ ư ác thú

Bị rơi vào đường ác

Thí như y nhân tu hợp thang dược tướng vãng tứ phương dục liệu chúng bệnh . hốt Tụ đắc tậ nhi bất nã  
ng cứu . Ca-diếp .

Thí như vị thầy thuốc điều chế thuốc thang định đi bốn phương để trị bệnh, bỗng nhiên tự mình mắc bìn  
h không thể cứu chữa. Ca-diếp,

如是若彼比丘修彼多聞。欲化有情忽爾之間。

Như thị nhược bi bi khâu tu bi đa văn . dục hóa hữu tình hốt nhi chi gian .

cũng vậy các Tỳ-kheo học rộng nghe nhiều, muốn giáo hóa chúng sanh nhưng bỗng nhiên giữa chừng  
自起煩惱而不能伏。我今於此而說頌曰。

Tụ khởi phiền não nhi bất năng phục . ngã kim u thù nhi thuyết tụng viết .

tự mình có phiền não khởi không thể điều phục. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如良醫人

修合諸湯藥

Thí như lương y nhân

Tu hợp chu thang dược

Thí như vị lương y

Hòa hợp các thuốc thang

持往於四方

治彼眾生病

Trì vãng ư tứ phương

Trì bi chúng sanh bệnh

Định đi khắp bốn phương

Trị bệnh cho chúng sanh

自忽有疾苦

不能自醫療

Tự hốt hữu tậ khổ

Bất năng tự y liệu

Bỗng nhiên mình có bệnh

Mà không thể cứu chữa

比丘亦如是

修學於多聞

Bi khâu diệc như thị

Tu học ư đa văn

Tỳ-kheo cũng như vậy

Tu học và nghe nhiều

行於化導

自忽煩惱生

Dục hành ư hóa đạo

Tự hốt phiền não sanh

Muốn giáo hóa chúng sanh

Tự mình khởi phiền não

不能善制止

虛施於辛苦

Bất năng thiện chế chi

Hư thí ư tân khổ

Không thể khéo ngăn chặn

Phải chịu sự khổ não.

佛告迦葉。譬如有人身有重病。

Phật cáo Ca-diếp . thí như hữu nhân thân hữu trọng bệnh .

Phật bảo Ca-diếp: Thí như có người thân bệnh nặng,

服彼上好名藥不免命終。迦葉。如是若彼有情具煩惱病。

Phục bi thượng hảo danh dược bất miễn mạng chung . Ca-diếp . như thị nhược bi hữu tình cụ phiền não b  
ệnh .

uống các thứ thuốc tốt mà không tránh khỏi sự mạng chung. Ca-diếp, cũng vậy các hữu tình có đầy đủ b  
nh phiền não

而欲多聞修行亦不免墜墮。

Nhi dục đa văn tu hành diệc bất miễn trụ đọa .

muốn tu hành đa văn thì cũng không tránh khỏi đọa lạc

我今於此而說頌曰。

Ngã kim u thù nhi thuyết tụng viết .

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如重病人

久患而不差

Thí như trọng bệnh nhân

Cửu hoạn nhi bất sái

Như người bị bệnh nặng

Lâu ngày mà không lành

設服於良藥

終不免無常

Thiết phục ư lương dược

Chung bất miễn vô thường

Uống các thứ thuốc tốt

Không tránh khỏi vô thường

眾生亦如是

恒染煩惱病

Chúng sanh diệc như thị

Hằng nhiễm phiền não bệnh

Chúng sanh cũng như vậy

Nhiều các bệnh phiền não

設樂修多聞

不免於墜墮

Thiết lạc tu đa văn

Bất miễn ư trụ đọa

Lại ưa tu đa văn

Không tránh khỏi đọa lạc

佛告迦葉。譬如摩尼寶珠墮落不淨之中。

Phật cáo Ca-diếp . thí như ma-ni bảo châu đọa lạc bất tịnh chi trung .

Phật bảo Ca-diếp: Thí như hạt châu ma ni bị rơi vào chỗ bất tịnh,

其珠體觸不堪使用。迦葉。

Kỳ châu thể xúc bất kham sử dụng . Ca-diếp .

thê của hạt châu dính bất tịnh không thể sử dụng. Ca-diếp,

如是若彼比丘雖具多聞。墮落不淨利養之中。

Phật Thuyết Đại Ca Diếp Văn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh, Quyển Bốn  
Foundation

Như thị nhược bi bi khâu tuy cụ đa văn 。 đọa lạc bất tịnh lợi dưỡng chi trung 。  
cũng vậy các Tỳ-kheo đa văn, tuy có đủ đa văn nhưng rơi vào trong lợi dưỡng bất tịnh  
諸天人民不生敬愛。我今於此而說頌曰。

Chu Thiên nhân dân bất sanh kính ái 。 ngã kim u thử nhi thuyết tụng viết 。  
thì Trời Người không sanh cung kính thương mến. Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如摩尼寶	墮落不淨中
Thí như ma-ni bảo	Đọa lạc bất tịnh trung
Như châu báu ma ni	Rơi vào chỗ bất tịnh
染污得其觸	使用而不堪
Nhiễm 汚 đắc kỳ xúc	Sử dụng nhi bất kham
Xúc chạm sự ô nhiễm	Không thể sử dụng được
比丘亦如是	雖復具多聞
Bi khâu diệc như thị	Tuy phục cụ đa văn
Tỳ-kheo cũng như vậy	Tuy có đủ đa văn
墜墮於不淨	名聞利養中
Trụy đọa ư bất tịnh	Danh-Văn lợi dưỡng trung
Rơi vào chỗ bất tịnh	Danh dự và lợi dưỡng
諸天及人民	而不生愛敬
Chu Thiên cập nhân dân	Nhi bất sanh ái kính
Chu thiên cùng nhân dân	Không sanh lòng ái kính

佛告迦葉。譬如有人忽爾命終。

Phật cáo Ca-diếp 。 thí như hữu nhân hốt nhi mạng chung 。

Phật bảo Ca-diếp: Thí như có người bỗng nhiên mạng chung,

以其金冠花鬘莊嚴頭面。迦葉。如是若彼比丘破盡戒律。

Dĩ kỳ kim quan hoa man trang nghiêm đầu diện 。 Ca-diếp 。 như thị nhược bi bi khâu phá tận giới luật 。

có người dùng mũ vàng, vòng hoa để trang sức nơi đầu mặt. Ca-diếp, cũng vậy Tỳ-kheo phá hủy giới luật

而以袈裟莊嚴其身有何所益。

Nhi dĩ ca sa trang nghiêm kỳ thân hữu hà sở ích 。

dùng ca sa trang nghiêm thân thể đâu có ích gì.

我今於此而說頌曰。

Ngã kim u thử nhi thuyết tụng viết 。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如命終人	以其好花鬘
Thí như mạng chung nhân	Dĩ kỳ hảo hoa man
Thí như người đã chết	Dùng các vòng hoa đẹp
及用金寶冠	嚴飾屍首上
Cập dụng kim bảo quan	Nghiêm súc thi thủ thượng
Và thêm mũ vàng báu	Trang sức trên đầu mặt
彼人無所用	比丘亦如是
Bi nhân vô sở dụng	Bi khâu diệc như thị
Với người này vô ích	Tỳ-kheo cũng như vậy
而以破戒身	被挂於袈裟
Nhi dĩ phá giới thân	Bị quải ư ca sa
Thân phá hủy các giới	Lại đắp áo ca sa
嚴飾作威儀	終無於利益
Nghiêm súc tác uy nghi	Chung vô ư lợi ích
Trang sức làm oai nghi	Trọn không có ích gì

佛告迦葉。

Phật cáo Ca-diếp 。

Phật bảo Ca-diếp:

譬如有人洗浴清淨以其香油塗潤身上及頭髮指甲。

Thí như hữu nhân tẩy dục thanh tịnh dĩ kỳ hương du đồ nhuận thân thượng cập đầu kế chi giáp 。

Thí như có người tắm gội sạch sẽ, dùng hương thơm thoa trên thân và đầu tóc, ngón tay

身著白衣戴瞻蔔花鬘為上族子。迦葉。如是若彼比丘多聞智慧。

Thân trú bạch y đai Chiêm bạch hoa man vi thượng tộc tử 。

Ca-diếp 。

như thị nhược bi bi khâu đa văn tr

í tuệ 。

thân mặc áo trắng đeo vòng hoa Chiêm-bạch, làm người dòng tộc cao quý. Ca-diếp, cũng vậy các Tỳ-kheo t

ri tuệ đa văn  
身被法服儀相具足為佛弟子。



Thân bị Pháp phục nghi tướng cụ túc vi Phật đệ-tử。  
thân đắp ca sa, oai nghi đầy đủ làm đệ tử Phật.

我今於此而說頌曰。

Ngã kim u thử nhi thuyết tụng viết 。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

譬如世間人

Thí như thế gian nhân

Thí như người thế gian

塗潤好香油

Đồ nhuận hảo hương du

Thoa các thứ dầu thơm

身著於白衣

Thân trú u bạch y

Thân mặc áo trắng tinh

比丘亦如是

Bì khâu diệc như thị

Tỳ-kheo cũng như vậy

德恒清淨

Giới đức hằng thanh tịnh

Giới đức luôn thanh tịnh

儀相而具足

Nghi tướng nhi cụ túc

Đầy đủ tướng oai nghi

洗浴身清淨

Tẩy dục thân thanh tịnh

Tắm gội thân sạch sẽ

頭以華鬘飾

Đầu dĩ hoa man sức

Đầu đeo vòng hoa đẹp

而稱上族子

Nhi xưng thượng tộc tử

Làm người dòng tộc sang

多聞具總持

Đa văn cụ tổng trì

Đủ trí huệ đa văn

被挂於法服

Bị quai u Pháp phục

Thân mang đắp ca sa

此名真佛子

Thử danh chân Phật-Tử

Chon chánh đệ tử Phật

佛告迦葉。有四種破戒比丘喻持戒影像。

Phật cáo Ca-diếp 。

Phật bảo Ca-diếp: Có bốn loại Tỳ-kheo phá giới gọi là ảnh tượng trì giới

迦葉白言。云何四種破戒。迦葉。

Ca-diếp bạch ngôn 。

Ca-diếp thưa rằng: Thế nào là bốn loại phá giới. Phật dạy: Ca-diếp,

有一比丘具足受持別解脫戒。

Hữu nhất bì khâu cụ túc thọ trì biệt giải thoát giới 。

Có Tỳ-kheo thọ trì đầy đủ giới biệt giải thoát,

善知禁律於微細罪深生怕怖。恒依學處說戒清淨。身口意業具足無犯。

Thiện tri cấm luật u vi tế tội thâm sanh phạ phổ。hằng y học xứ thuyết giới thanh tịnh。thân khẩu ý ng

hiệp cụ túc vô phạm 。

khéo biết giới cấm, đối với tội nhỏ luôn sanh lòng sợ hãi, thường y chỗ học thuyết giới thanh tịnh, b

a nghiệp thân khẩu ý đầy đủ không phạm

食離邪命此有其過。所以者何。

Thực ly tà mạng thử hữu kỳ quá 。

sống xa lìa tà mạng, đây có mắc lỗi. Tại vì sao?

執自功能成戒取故。迦葉。此是第一破戒喻持戒影像。

Chấp tự công năng thành giới thủ cố 。

Do chấp công lao của mình thành ra giới thủ. Ca-diếp, đây là loại thứ nhất phá giới gọi là trì giới ảnh tượng.

nh tượng。

復次迦葉。有一比丘善知禁律常持戒行。

Phục thứ Ca-diếp 。

Lại nữa Ca-diếp, có Tỳ-kheo khéo biết giới cấm thường giữ gìn giới hạnh,

密用三業。彼有身見。執情不捨故。迦葉。

Mật dụng tam nghiệp 。

sử dụng ba nghiệp, có thân kiến mà chấp thủ không xả. Ca-diếp,

此是第二破戒喻持戒影像。

Thủ thị đệ nhị phá giới dụ trì giới ảnh tượng 。

đây là loại thứ hai phá giới gọi là trì giới ảnh tượng.

復次迦葉。有一比丘恒行慈心悲愍有情。

Phục thứ Ca-diếp 。

Lại nữa Ca-diếp, có Tỳ-kheo thường thực hành từ bi thương xót hữu tình,

具足慈善聞一切法無生。心生驚怕。迦葉。

Cụ túc từ thiện văn nhất thiết Pháp vô sanh 。

đầy đủ từ tâm mà nghe nói tất cả pháp là vô sanh thì tâm sanh sợ hãi. Ca-diếp,

此是第三破戒喻持戒影像。

Thù thị đệ tam phá giới dụ trì giới ảnh tượng。  
đây gọi là loại thứ ba phá giới gọi là trì giới ảnh tượng。

復次迦葉。

Phục thú Ca-diếp。

Lại nữa Ca-diếp,

有一比丘行彼十二頭陀大行具足無缺。而有我心住著我人之相。迦葉。

Hữu nhất bi khâu hành bi thập nhị đầu đà Đại hành cụ túc vô khuyết。nhi hữu ngã tâm trụ trú ngã nhân

chi tướng。Ca-diếp。

có Tỳ-kheo thực hành mười hai hạnh đầu đà đầy đủ không thiếu sót, nhưng thấy có ngã, tâm đắm nơi tướng  
g ngã nhân。Ca-diếp,

此是第四破戒喻持戒影像。迦葉。

Thù thị đệ tứ phá giới dụ trì giới ảnh tượng。Ca-diếp。

đây là loại thứ tư phá giới gọi là trì giới ảnh tượng。Ca-diếp,

此四種破戒喻持戒影像。

Thù tứ chủng phá giới dụ trì giới ảnh tượng。

như trên là bốn loại phá giới gọi là trì giới ảnh tượng。

復次迦葉。若說此戒。

Phục thú Ca-diếp。nhược thuyết thù giới。

Lại nữa Ca-diếp, nếu thuyết giới này

無人無我無眾生無壽命。無行亦無不行。無作亦無不作。

Vô nhân vô ngã vô chúng sanh vô thọ mạng。vô hành diệc vô bất hành。vô tác diệc vô bất tác。

là vô nhân, vô ngã, vô chúng sanh, vô thọ mạng, không có thực hành cũng không phải không thực hành, k  
hông tạo tác cũng không phải không tạo tác,

非犯非非犯。無名無色非無名色。無相非無相。

Phi phạm phi phi phạm。vô danh vô sắc phi vô danh sắc。vô tướng phi vô tướng。

không phạm cũng không phải không phạm, không danh sắc cũng không phải không danh sắc, không tướng cũn  
g không phải không tướng,

無息念非無息念。無取無捨非無取捨。非受非不受。

Vô túc niệm phi vô túc niệm。vô thủ vô xả phi vô thủ xả。phi thọ phi bất thọ。

không dứt niệm cũng không phải không dứt niệm, không lấy không xả cũng không phải không lấy không xả,  
không thọ nhận cũng không phải không thọ nhận,

無識無心非無識心。無世間亦無出世間。

Vô thức vô tâm phi vô thức tâm。vô thế gian diệc vô xuất thế gian。

không thức không tâm cũng không phải không thức không tâm, không thế gian cũng không xuất thế gian,

無所住亦非無住。無自持戒無他持戒。

Vô sở trụ diệc phi vô trụ。vô tự trì giới vô tha trì giới。

không có chỗ trụ cũng không phải không có chỗ trụ, không có mình trì giới, không có người khác trì gi  
ới。

於此戒中離諸毀謗。無迷無執。迦葉。此說。

Ư thù giới trung ly chư hủy báng。vô mê vô chấp。Ca-diếp。thù thuyết。

Đối với giới luật lìa sự hủy báng, không mê không chấp。Ca-diếp, giới này

聖著無漏正戒。遠離三界一切住處。

Thánh trú vô lậu chánh giới。viễn li tam giới nhất thiết trụ xứ。

Là chánh giới vô lậu của bậc thánh, xa lìa tất cả chỗ trụ trong ba cõi。

爾時世尊而說頌曰。

Nhĩ thời Thế tôn nhi thuyết tụng viết。

Lúc bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ rằng:

所持離垢戒

非住我人相

Sở trì ly cấu giới

Phi trụ ngã nhân tướng

Trì giới lìa cấu uế

Chẳng trụ tướng nhân ngã

無犯亦無持

無縛亦無解

Vô phạm diệc vô trì

vô phục diệc vô giải

Không phạm cũng không trì

Không trói cũng không mở

微妙甚深善

遠離於疑惑

Vì diệu thậm thâm thiện

Viễn ly u nghi hoặc

Thiện vi diệu thậm sâu

Xa lìa các nghi hoặc

迦葉此戒相

如來真實說

Ca-diếp thù giới tướng

Nhu-Lai chân thật thuyết

Ca-diếp, giới tướng này

所持無垢戒

Sở trì vô cấu giới

Trì giới không cấu uế

非為自身命

Phi vi tự thân mạng

Chẳng vì thân mạng mình

同入真如際

Đồng nhập chân như tế

Đồng đến chỗ chân như

如來真實說

Nhu-Lai chân thật thuyết

Nhu-lai chân thật thuyết

所持離垢戒

Sở trì ly cấu giới

Trì giới lìa cấu uế

無染亦無淨

Vô nhiễm diệc vô tịnh

Không nhiễm cũng không tịnh

無得亦無失

Vô đắc diệc vô thất

Không được cũng không mất

不到於彼岸

Bất đáo ư bỉ ngạn

Không đến nơi bờ kia Cũng

縛脫而平等

Phược thoát nhi bình đẳng

Trói mở đều bình đẳng

非相非非相

Phi tướng phi phi tướng

Không tướng chẳng không tướng

如來真實說

Nhu-Lai chân thật thuyết

Nhu-lai chân thật thuyết

所持無垢戒

Sở trì vô cấu giới

Trì giới không cấu uế

不住於等引

Bất trụ ư đẳng dẫn

Không trụ nơi đến đi

離我有無相

Ly ngã hữu vô tướng

Xa lìa tướng có không

遠離持犯等

Viễn li trì phạm đẳng

Xa lìa việc trì phạm

無定亦無散

Vô định diệc vô tán

Không định không tán

智觀無二取

Trí quán vô nhị thủ

Không thủ trí và quán

安住三摩地

An trú Tam Ma Địa

An trú Tam Ma Địa

智慧自清淨

Trí tuệ tự thanh tịnh

Trí huệ tự thanh tịnh

佛說大迦葉問大寶積正法經卷第四

Phật thuyết Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh quyền đệ tứ

Phật Thuyết Đại Ca-diếp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh - Quyền Thứ Tư.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Phật Thuyết Đại Ca Diếp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh, Quyền Bốn  
Foundation

Nhu-lai chân thật thuyết

而於彼世間

Nhi ư bỉ thế gian

Mà ở nơi thế gian

普濟諸群生

Phổ tế chư quần sanh

Cứu vớt các chúng sanh

迦葉此戒相

Ca-diếp thủ giới tướng

Ca-diếp, giới tướng này

於彼我人中

Ư bỉ ngã nhân trung

Đối với nhân và ngã

無暗亦無明

Vô ám diệc vô minh

Không tối cũng không sáng

不住於此岸

Bất trụ ư thử ngạn

Không trụ ở bờ này

亦非於中流

Diệc phi ư trung lưu

chẳng ở giữa dòng

無住如虛空

Vô trụ như hư không

Không trụ như hư không

迦葉此戒相

Ca-diếp thủ giới tướng

Ca-diếp, giới tướng này

不著於名色

Bất trụ ư danh sắc

Không tham đắm danh sắc

恒以淨妙心

Hằng dĩ tịnh diệu tâm

Thường dùng tâm thanh tịnh

於彼別解脫

Ư bỉ biệt giải thoát

Nơi giới biệt giải thoát

無戒無不戒

Vô giới vô bất giới

Không giới chẳng không giới

依此而行道

Y thử nhi hành đạo

loạn Y đây mà hành đạo

此戒淨微妙

Thử giới tịnh vi diệu

Giới thanh tịnh vi diệu

三摩地生觀

Tam Ma Địa sanh quán

Quán sát Tam Ma Địa

是名具足戒

Thị danh cụ túc giới

Đây gọi là đủ giới



# PHẬT THUYẾT ĐẠI CA DIẾP VẤN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP KINH

QUYỂN THỨ NĂM

*Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 352*

**Hán dịch: Thần Thích Hộ**

**Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến**

**Hiệu đính: Thích Nữ Chơn Tịnh (06-2007)**



**Tuệ Quang Wisdom Light Foundation**

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email [info@daitangvietnam.com](mailto:info@daitangvietnam.com)

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 352 《佛說大迦葉問大寶積正法經》CBETA 電子佛典 V1.10 普及版

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 352 《Phật thuyết Đại ca diệp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 phổ cập bản

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 352 《Phật nói Đại ca lá hỏi Đại Bảo-Tích chánh Pháp Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 khắp cùng bản

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 佛說大迦葉問大寶積正法經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 Phật thuyết Đại ca diệp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

# Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 352 Phật nói Đại ca lá hỏi Đại Bảo-Tích chánh Pháp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

=====

=====

=====

*Thích Nữ Chơn Tịnh hiệu đính  
Vol. 12, No. 352*

佛說大迦葉問大寶積正法經卷第五

Phật thuyết Đại ca diệp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh quyền đệ ngũ  
*Phật Thuyết Đại Ca-diệp Vấn Đại Bảo Tích Chánh Pháp Kinh  
Quyển Thứ Năm.*

西天譯經三藏朝散大夫試鴻臚少卿傳法大師臣施護奉詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí hồng lu thiếu khanh truyền  
Pháp Đại sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch

*Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Thiếu Khanh  
Truyền pháp Đại Sư Thần Thí Hộ phụng dịch.*

爾時世尊說此伽他法時。

nhĩ thời Thế tôn thuyết thừ Già-tha Pháp thời。  
*Lúc đức Thế tôn thuyết đang thuyết Kệ Pháp này*

八百苾芻漏盡意解心得解脫。三十億人遠塵離垢得法眼淨。

bát bách bát sô lậu tận ý giải tâm đắc giải thoát。tam thập ức nhân viễn trần  
ly cầu đắc Pháp nhãn tịnh。

*thì có tám ngàn Tỷ-kheo đoạ sạch lậu hoặc tâm được giải thoát, có ba mươi ức  
người xa lìa trần cầu và đắc pháp nhãn thanh tịnh,*

五百苾芻得三摩地。聞此甚深微妙戒法。

ngũ bách bát sô đắc Tam-ma-địa。văn thừ thậm thâm vi diệu giới Pháp。

*có năm trăm Tỷ-kheo đắc Tam-ma-địa nhưng khi nghe giới pháp thâm sâu vi diệu  
này,*

難解難入不信不學。從座而起速離佛會。

nan giải nan nhập bất tín bất học。tùng tọa nhi khởi tốc ly Phật hội。

*thì thấy khó hiểu khó thâm nhập nên không tin không học, họ liền đứng dậy khỏi  
chỗ ngồi và ra khỏi chúng hội.*

是時尊者大迦葉白世尊言。

thị thời Tôn-Giả Đại ca diệp bạch Thế Tôn ngôn。

Lúc ấy Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Phật rằng:

此五百苾芻雖得三摩地。

thử ngũ bách bát sô tuy đắc Tam-ma-địa 。

Bạch Thế tôn! Năm trăm Tỷ-kheo này đã đắc Tam-ma-địa,

云何聞此甚深之法難解難入不信不學。即從座起速便而退。佛言。迦葉。

vân hà văn thử thậm thâm chi Pháp nan giải nan nhập bất tín bất học tức tùng tọa

khởi tốc tiện nhi thôi 。

tại sao khi nghe pháp thâm sâu vi diệu này lại thấy khó hiểu khó thâm nhập bèn không tin không học, rồi đứng dậy mà ra về? Phật dạy: Ca-diếp,

彼等五百苾芻我見未除。

bì đẳng ngũ bách bát sô ngã kiến vị trừ 。

năm trăm vị Tỷ-kheo này chưa trừ được ngã kiến,

於此無漏清淨戒法聞已難解難入。心生驚怖所以不信不行。迦葉。

ư thử vô lậu thanh tịnh giới Pháp văn dĩ nan giải nan nhập 。

tâm sanh kinh phổ sô dĩ bất tín bất hành 。

nên đối với giới pháp thanh tịnh vô lậu này, nghe mà thấy khó hiểu khó thâm nhập, tâm sanh sợ hãi nên không tin không học. Ca-diếp,

此伽他戒法甚深微妙。三佛菩提皆從此出。

thử đà tha giới Pháp thậm thâm vi diệu 。

tam Phật Bồ-đề giai tông thử xuất 。

giới pháp Đà tha này là thâm sâu vi diệu, ba đời chư Phật chứng quả đều từ đây

mà ra,

彼等罪友於此解脫妙善而不能入。復次告言。

bì đẳng tội hữu ư thử giải thoát diệu thiện nhi bất năng nhập。 phục thứ cáo ngôn

người kia đối với pháp giải thoát vi diệu này không thể thâm nhập。 Phật lại dạy:

迦葉。彼五百苾芻於如來教中是外道聲聞。

ca diệp。bì ngũ bách bát sô ư Như Lai giáo trung thị ngoại đạo thanh văn 。

Ca-diếp, năm trăm Tỷ-kheo kia ở trong giáo pháp của Như Lai là ngoại đạo Thanh Văn。

如是迦葉。彼於如來本意執求一事法故。

như thị ca diệp 。

bì ư Như Lai bản ý chấp cầu nhất sự Pháp cố 。

Như vậy Ca-diếp, nhưng người kia đối với Như lai vốn là chấp cầu một pháp sự,

若聞一法決定信受。依教修學如是伽他之法。

nhược văn nhất Pháp quyết định tín thọ 。

y giáo tu học như thị đà tha chi Pháp nếu nghe một pháp thì chắc chắn tin thọ, y theo giáo pháp mà tu học, như vậy pháp Đà tha,

言教玄妙是故驚怖。

ngôn giáo huyền diệu thị cố kinh phổ。

là huyền diệu thâm sâu cho nên họ kinh sợ。

又復告言。迦葉。

hựu phục cáo ngôn 。

ca diệp 。

Phật lại dạy rằng: Ca-diếp

彼比丘意於如來應供正遍知覺。為求一法發心修行。bì bì khâu ý ư Như Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri giác 。

vi cầu nhất Pháp phát tâm tu hành 。

Các Tỷ-kheo kia ở nơi Như Lai, Ứng Cúng, Chánh biến tri, vì cầu một pháp mà phát tâm tu hành

於命終後求生忉利天宮。為如是事於佛教中而求出家。迦葉。

u mạng chung hậu cầu sanh đao lợi Thiên cung . vì nhu thị sự u Phật giáo trung  
nhi cầu xuất gia . ca diệp .

**câu sau khi mạng chung về cõi trời Đao Lợi, vì việc như vậy nên ở trong  
giáo pháp Phật mà cầu xuất gia. Ca-diệp,**

此五百苾芻身見未捨。

thử ngũ bách bát sô thân kiến vị xả .

**năm trăm Tỷ-kheo này chưa xả bỏ thân kiến**

聞甚深法而生驚怖不信不學。此等命終必墮惡趣。

văn thậm thâm Pháp nhi sanh kinh phổ bất tín bất học . thử đẳng mạng chung tất  
đọa ác thú .

**nên nghe pháp thâm sâu mà sanh lòng sợ hãi rồi không tin không học, những người  
ấy sau khi mạng chung ắt rơi vào đường ác.**

是時世尊告尊者須菩提言。

thị thời Thế tôn cáo Tôn-Già Tu-bồ-đề ngôn .

**Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo tôn giả Tu-bồ-đề rằng:**

汝往五百苾芻所。以善方便而為教導。須菩提言。世尊。

nhữ vãng ngũ bách bát sô sở . dĩ thiện phương tiện nhi vi giáo đạo. Tu-bồ-đề  
ngôn. Thế tôn.

**Ông hãy đến chỗ năm trăm Tỷ-kheo ấy, dùng phương tiện khéo léo mà giáo hoá họ.  
Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế tôn!**

如是說法誨喻聞已不信不行。

như thị thuyết Pháp hồi dụ văn dĩ bất tín bất hành .

**Thế tôn đã thuyết pháp dạy dỗ rồi mà họ không tin không thực hành,**

我自小智言論寡識。云何化彼。是時五百苾芻已在中路。

ngã tự tiểu trí ngôn luận quả thức . vân hà hóa bị . thị thời ngũ bách bát sô dĩ  
tại trung lộ .

**con trí huệ ít ỏi, lời lẽ thấp cạn, làm sao giáo hoá họ? Lúc này năm trăm Tỷ-  
kheo đã đi giữa đường,**

爾時世尊即以神力化二苾芻於中路中逆行

nhĩ thời Thế tôn tức dĩ Thân lực hóa nhị bát sô u trung lộ trung nghịch vãng  
đức Phật liền dùng thần thông biến hoá thành hai Tỷ-kheo đi ngược đường và đến  
chỗ

五百苾芻而即問言。尊者。欲往何處。

ngũ bách bát sô nhi tức vấn ngôn . Tôn-Già . dục vãng hà xứ .

**năm trăm Tỷ-kheo ấy và hỏi rằng: Tôn giả, các vị định đi đâu?**

苾芻答言。我等今者欲詣林間。

bát sô đáp ngôn . ngã đẳng kim giả dục nghệ lâm gian .

**Các Tỷ-kheo đáp: Nay chúng tôi muốn đi đến rừng,**

彼處寂靜自得定樂而當住處。化苾芻問言。

bỉ xứ tịch tĩnh tự đắc định lạc nhi đương trụ xứ. hóa bát sô vấn ngôn.

**chỗ ấy vắng lặng có thể đắc định, chúng tôi sẽ ở đó. Hoá Tỷ-kheo hỏi:**

欲住林野於意云何。彼等苾芻而即答言。世尊說法我昔未聞。

dục trụ lâm dã u ý vân hà . bị đẳng bát sô nhi tức đáp ngôn. Thế tôn thuyết Pháp  
ngã tích vị văn.

**Các vị muốn ở nơi rừng vắng, ý ấy thế nào? Các Tỷ-kheo đáp: Đức Thế tôn thuyết  
pháp mà xưa nay chúng tôi chưa từng nghe**

今既聞已難解難入。心生驚怖不可信學。

kim ký văn dĩ nan giải nan nhập. Tâm sanh kinh phổ bất khả tín học .



nay đã nghe rồi lại khó hiểu khó thâm nhập, nên tâm sợ hãi mà không tin không học

是以樂歸林野安處禪定而取安樂。化苾芻言。

thị dĩ lạc quy lâm dã an xứ Thiền định nhi thù an lạc. hóa bật sô ngôn .  
cho nên đối với đi đến rừng vắng để thiền định mà lấy sự an lạc. Hoá Tỷ-kheo nói:

尊者。世說法而為難解。

Tôn-Giả 。 Thế tôn thuyết Pháp nhi vi nan giải 。

Tôn giả! Đức Thế tôn thuyết pháp mà các vị khó hiểu,

心生驚怖不信不學不行。而歸林野以定為涅槃。

tâm sanh kinh phổ bất tín bất học bất hành 。

tâm sanh sợ hãi rồi không tin không học không thực hành, cùng đi đến rừng vắng thiền định để cầu Niết-bàn,

是彼所執汝等不知。尊者。沙門之法非合論詰。

thị bỉ sở chấp nhữ đẳng bất tri. Tôn-Giả. Sa Môn chi Pháp phi hợp luận cật.

đó là sở chấp mà các vị không biết. Tôn giả, pháp của Sa Môn là không thích hợp hỏi vặn,

今問尊者。云何名涅槃法。

kim vấn Tôn-Giả 。

nay xin hỏi Tôn-Giả thế nào gọi là Niết-bàn

若於自身得涅槃者則得補特伽羅。我人眾生壽者何得涅槃。

nhược ư tự thân đắc Niết-bàn giả tắc đắc bổ đặc dà la. ngã nhân chúng sanh thọ giả hà đắc Niết-bàn 。

nếu đối với tự thân mà đắc Niết-bàn thì đắc ngũ thú luân hồi, thế thì ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả làm sao đắc Niết-bàn.

夫涅槃法。非相非非相。彼苾芻言。

phu Niết-bàn Pháp 。

Luận rằng pháp Niết-bàn là không tướng chẳng phải không tướng. Các Tỷ-kheo hỏi:

涅槃既爾云何證得。化苾芻言。除斷貪瞋癡法。彼苾芻言。

Niết-bàn ký nhĩ vân hà chứng đắc 。

Pháp. bi bật sô ngôn 。

Niết-bàn đã như vậy thì làm sao chứng đắc? Hoá Tỷ-kheo đáp: Đoạn trừ tham sân si. Các Tỷ-kheo hỏi:

貪瞋癡法云何除斷。化苾芻言。

tham sân si Pháp vân hà trừ đoạn 。

Pháp tham sân si làm sao đoạn trừ? Hoá Tỷ-kheo đáp:

貪瞋癡法非在內非在外非在中間。本自無生今亦非滅。

tham sân si Pháp phi tại nội phi tại ngoại phi tại trung gian. bản tự vô sanh kim diệt phi diệt 。

pháp tham sân si không ở trong không ở ngoài không ở giữa, vốn không sanh thì nay cũng không diệt.

化苾芻言。尊者。不得執亦不得疑。

hóa bật sô ngôn 。

Hoá Tỷ-kheo khác nói: Tôn giả, không được chấp cũng không được nghi,

若尊者不執不疑。即非護非不護。非樂非不樂。彼說為涅槃。

nhược Tôn-Giả bất chấp bất nghi 。

nếu tôn giả không chấp không nghi tức không hộ vệ chẳng phải không hộ vệ, không vui chẳng phải không vui, ấy là Niết-bàn.

尊者。此清淨戒相不生不滅。從三摩地生。

Tôn-Giả. thủ thanh tịnh giới tướng bất sanh bất diệt. tòng Tam-ma-địa sanh .

Tôn giả, giới tướng thanh tịnh này là không sanh không diệt, từ Tam-ma-địa sanh ra,

從智慧生。從解脫生。從解脫知見生。離有離無。

tòng trí tuệ sanh . tòng giải thoát sanh . tòng giải thoát tri kiến sanh . ly hữu ly vô .

từ trí tuệ sanh, từ giải thoát sanh, từ giải thoát tri kiến sanh, xa lìa không có,

非相非無相。尊者。如是戒相即真涅槃。

phi tướng phi vô tướng. Tôn-Giả . như thị giới tướng tức chân Niết-bàn .

chẳng có tướng chẳng phải không tướng. Tôn giả, giới tướng như vậy là chơn Niết-bàn,

如是涅槃無解脫可得。無煩惱可捨。尊者。

như thị Niết-bàn vô giải thoát khả đắc . vô phiền não khả xả. Tôn-Giả .

như vậy Niết-bàn không có sự giải thoát có thể đắc, không có phiền não có thể xả. Tôn giả,

汝以情想求圓寂者。此得妄想非涅槃也。

nhữ dĩ tình tưởng cầu viên tịch giả. thủ đắc vọng tưởng phi Niết-bàn dã.

Các ông đem tình tưởng mà cầu sự vắng lặng viên não, đây là vọng tưởng chẳng phải Niết-bàn,

若想中生想非是涅槃。被想纏縛。

nhược tưởng trung sanh tưởng phi thị Niết-bàn. bị tưởng triền phục.

nếu trong tưởng mà sanh tưởng chẳng phải Niết-bàn, tức bị tưởng trói buộc,

如是若滅受想得真三摩鉢底。尊者行者。若行更無有上。

như thị nhược diệt thọ tưởng đắc chân tam ma bát đế. Tôn-Giả hành giả . nhược hành canh vô hữu thượng .

như vậy nếu diệt thọ tưởng tức đắc định Tam-ma-bát-đế. Tôn giả, nếu thực hành như vậy thì không có gì hơn.

是時化者說此正法之時。

thị thời hóa giả thuyết thủ chánh Pháp chi thời .

lúc Hoá Tỷ-kheo thuyết giảng chánh pháp này

彼五百苾芻聞此法已漏盡意解心得解脫。

bỉ ngũ bách bát sô văn thủ Pháp dĩ lậu tận ý giải tâm đắc giải thoát .

thì năm trăm Tỷ-kheo đoạn sạch lậu hoặc, tâm được giải thoát

如是五百苾芻復詣佛所到已頭面禮足。遶佛三匝於一面坐。

như thị ngũ bách bát sô phục nghê Phật sở đáo d đầu diện lễ túc. nhiễu Phật tam匝於一面坐.

rồi năm trăm Tỷ-kheo ấy đến chỗ đức Phật, đánh lễ dưới chân Phật và đi nhiễu ba vòng rồi ngồi một bên

爾時長老須菩提即從座起問彼苾芻尊者。

nhĩ thời Trưởng Lão Tu-bồ-đề tức tùng tọa khởi vấn bỉ bát sô Tôn-Giả .

lúc bấy giờ trưởng lão Tu-bồ-đề liền đứng dậy từ chỗ ngồi và hỏi các Tỷ-kheo ấy rằng:

汝於何去今從何來。彼言。

nhữ ư hà khứ kim tòng hà lai . bỉ ngôn .

Các ông đi đến đâu, nay từ chỗ nào đến? Các Tỷ-kheo đáp:

本非所去今亦不來。長老須菩提即以問佛。世尊。

bỏ phi sở khứ kim diệt Bất-lai. Trưởng Lão Tu-bồ-đề tức dĩ vấn Phật. Thế Tôn. **Vốn chẳng có chỗ đi, nay cũng không đến. Trưởng lão Tu-bồ-đề hỏi Phật rằng: Bạch Thế tôn!**

此所說法其義云何。佛言。無生無滅。須菩提言。

thử sở thuyết Pháp kỳ nghĩa vân hà. Phật ngôn. vô sanh vô diệt. Tu-bồ-đề ngôn. **lời thuyết pháp ấy có ý nghĩa như thế nào? Phật dạy: Không sanh không diệt. Tu-bồ-đề hỏi:**

汝等尊者云何聞法。彼苾芻言。無縛無脫。須菩提言。

nhữ đẳng Tôn-Giả vân hà văn Pháp. bi bạt sở ngôn. vô phục vô thoát. Tu-bồ-đề ngôn.

**Các Tôn giả nghe pháp như thế nào? Các Tỷ-kheo đáp: không trói buộc không giải thoát. Tu-bồ-đề hỏi:**

誰化汝等。彼苾芻言。無身無心。須菩提言。

thùy hóa nhữ đẳng. bi bạt sở ngôn. vô thân vô tâm. Tu-bồ-đề ngôn.

**Ái giáo hoá các ông? Các Tỷ-kheo đáp: không thân không tâm. Tu-bồ-đề hỏi:**

汝等云何修行。彼苾芻言。無無明滅亦無無明生。

nhữ đẳng vân hà tu hành. bi bạt sở ngôn. vô vô minh diệt diệt vô vô minh sanh.

**Các ông làm sao tu hành? Các Tỷ-kheo đáp: không có vô minh diệt cũng không có vô minh sanh**

須菩提言。云何汝為聲聞。彼苾芻言。

Tu-bồ-đề ngôn. vân hà nhữ vi thanh văn. bi bạt sở ngôn.

**Tu-bồ-đề hỏi: tại sao các ông làm Thanh Văn? Các Tỷ-kheo đáp:**

不得聲聞亦不成佛。須菩提言。云何汝之梵行。

bất đắc thanh văn diệt bất thành Phật. Tu-bồ-đề ngôn. vân hà nhữ chi phạm hạnh.

**không đắc Thanh Văn cũng không thành Phật. Tu-bồ-đề hỏi: Thế nào là phạm hạnh của các ông?**

彼苾芻言。不住三界。須菩提言。

bi bạt sở ngôn. bất trụ tam giới. Tu-bồ-đề ngôn.

**Các Tỷ-kheo đáp: không trụ nơi ba cõi. Tu-bồ-đề hỏi:**

汝於何時而入涅槃。彼苾芻言。如來入涅槃時我即涅槃。

nhữ ư hà thời nhi nhập Niết-bàn. bi bạt sở ngôn. Như Lai nhập Niết-bàn thời ngã tức Niết-bàn.

**lúc nào các ông nhập Niết-bàn? Các Tỷ-kheo đáp: Lúc Như Lai nhập Niết-bàn thì chúng tôi Niết-bàn.**

須菩提言。汝等所作已辦。彼苾芻言。了知我人。

Tu-bồ-đề ngôn. nhữ đẳng sở tác dĩ辦. bi bạt sở ngôn. liễu tri ngã nhân.

**Tu-bồ-đề hỏi: Các ông chỗ làm đã xong? Các Tỷ-kheo đáp: Rõ biết nhân ngã,**

須菩提言。汝煩惱已盡。彼苾芻言。

Tu-bồ-đề ngôn. nhữ phiền não dĩ tận. bi bạt sở ngôn.

**Tu-bồ-đề hỏi: Các ông đã đoạn sạch phiền não? Các Tỷ-kheo đáp:**

一切法亦盡。須菩提言。汝等善破魔王。彼苾芻言。

nhất thiết Pháp diệt tận. Tu-bồ-đề ngôn. nhữ đẳng thiện phá ma Vương. bi bạt sở ngôn.

**Tất cả pháp cũng hết sạch. Tu-bồ-đề hỏi: Các ông khéo hàng phục ma vương? Các Tỷ-kheo đáp:**

蘊身尚不得何有魔王破。須菩提言。汝知師耶。

uẩn thân thượng bất đắc hà hữu ma Vương phá. Tu-bồ-đề ngôn. nữ tri su da.  
Thanh Năm uẩn còn không đắc sao có ma vương để phá. Tu-bồ-đề hỏi: Các ông biết vị thầy chăng?

彼苾芻言。非身非口非心。須菩提言。

bi bất sô ngôn . phi thân phi khẩu phi tâm . Tu-bồ-đề ngôn .

Các Tỷ-kheo đáp: chẳng thân chẳng miệng chẳng tâm. Tu-bồ-đề hỏi:

汝得清淨勝地。彼苾芻言。無取無捨。須菩提言。

nhữ đắc thanh tịnh thắng địa . bi bất sô ngôn. vô thủ vô xả. Tu-bồ-đề ngôn.

các ông đã đắc thanh tịnh thắng địa? Các Tỷ-kheo đáp: Không thủ không xả. Tu-bồ-đề hỏi:

汝出輪迴今到彼岸。彼苾芻言。

nhữ xuất Luân-hồi kim đáo bi ngạn . bi bất sô ngôn .

Các ông ra khỏi luân hồi nay đến bờ kia? Các Tỷ-kheo đáp:

不到彼岸亦不得輪迴。須菩提言。汝信勝地。彼苾芻言。

bất đáo bi ngạn diệc bất đắc Luân-hồi . Tu-bồ-đề ngôn . nữ tín thắng địa . bi bất sô ngôn .

Không đến bờ kia cũng không luân hồi. Tu-bồ-đề hỏi: Các ông tin thắng địa? Các Tỷ-kheo đáp:

一切執解脫。須菩提言。汝何所去。彼苾芻言。

nhất thiết chấp giải thoát . Tu-bồ-đề ngôn . nữ hà sở khứ . bi bất sô ngôn .

Tất cả chấp đều giải thoát. Tu-bồ-đề hỏi: Các ông đi đâu? Các Tỷ-kheo đáp:

如來去處去化。苾芻言。尊者須菩提汝令彼去。

Như Lai khứ xử khứ hóa. bất sô ngôn. Tôn-Giả Tu-bồ-đề nữ lệnh bi khứ .

Đi chỗ Như Lai đi. Một Tỷ-kheo nói: Tôn giả Tu-bồ-đề ông hãy bảo các Tỷ-kheo ấy đi,

**說是法時眾中有八百苾芻發聲聞意心得解**

thuyết thị Pháp thời chúng trung hữu bát bách bất sô phát thanh văn ý tâm đắc giải

lúc thuyết pháp như vậy thì trong chúng có tám trăm Tỷ-kheo phát tâm và được giải thoát,

**脫。三十二億眾生遠塵離垢得法眼淨。**

thoát . tam thập nhị ức chúng sanh viễn trần ly cấu đắc Pháp nhãn tịnh .

Có ba mươi hai ức chúng sanh xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh.

爾時會中有菩薩摩訶薩。名曰普光。

nhĩ thời hội trung hữu Bồ-tát Ma-Ha tát . danh viết phổ quang .

Lúc bấy giờ trong hội có vị Bồ-tát Ma-ha-tát tên là Phổ Quang,

即從座起合掌向佛而白佛言。世尊。

tức tùng tọa khởi hợp chưởng hướng Phật nhi bạch Phật ngôn . Thế tôn .

liền từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn!

此大寶積正法令諸菩薩。應云何學應云何住。佛告善男子。

thử Đại Bảo Tích chánh Pháp lệnh chư Bồ-tát . ứng vân hà học ứng vân hà trụ .

Phật cáo thiện nam tử .

Chánh pháp Đại Bảo tích này dạy các Bồ-tát, làm thế nào để học, làm thế nào để trụ? Phật dạy: Thiện nam tử!

**所說正法真實戒行。汝等受持應如是住。**

sở thuyết chánh Pháp chân thật giới hành. nữ đẳng thọ trì ứng như thị trụ.

chánh pháp chân thật này các ông nên như vậy mà thọ trì, như vậy mà trụ,

於此正法得大善利。善男子。

ư thử chánh Pháp đắc Đại thiện lợi . thiện nam tử .

thì sẽ có lợi ích lớn. Thiện nam tử

譬如有人乘彼土船欲過深廣大河。善男子。於意云何。

thí như hữu nhân thừa bi độ thuyền dục quá thâm quảng Đại hà 。 thiện nam tử 。 u ý vân hà 。

Thí như có người nương theo thuyền muốn vượt qua sông lớn sâu rộng. Thiện nam tử ý ông nghĩ thế nào,

此人乘此土船作何方便。速得到於彼岸。普光言。

bi nhân thừa thử độ thuyền tác hà phương tiện 。 tốc đắc đáo u bi ngạn phổ quang ngôn 。

người kia nương theo thuyền phải dùng cách gì để mau đến bờ bên kia? Phổ Quang đáp:

世尊。須是用大氣力勇猛精進方達彼岸。

Thế tôn. tu thị dụng Đại khí lực dũng mãnh tinh tấn phương đạt bi ngạn 。

Bạch Thế tôn! phải dùng sức mạnh và tinh tấn dũng mãnh tiến lên mới mau đến bờ kia.

佛言普光。有何所以要施勤力。世尊。

Phật ngôn phổ quang 。 hữu hà sở dĩ yếu thí tinh cần lực 。

Phật dạy: Phổ Quang, Tại sao phải siêng năng dùng sức? Phổ Quang đáp: Bạch Thế tôn!

彼河中流深而復廣令人憂怕。若不勤力必見沈沒。

bi hà trung lưu thâm nhi phục quảng lệnh nhân ưu phạ 。

nước trong sông ấy sâu, sông lại rộng nên khiến người lo sợ, nếu không gắng sức ắt sẽ bị chìm đắm

佛告普光菩薩。

Phật cáo phổ quang Bồ-tát 。

Phật dạy: Bồ-tát Phổ Quang!

如是若諸菩薩修學正法欲度生死。四流大河須發勇猛精進之力通達佛法。

như thị nhược chư Bồ-tát tu học chánh Pháp dục độ sanh tử 。

Cũng vậy các Bồ-tát tu học chánh pháp muốn vượt qua san tử, đối với bốn dòng nước lớn thì phải phát tâm dũng mãnh tinh tấn mới thông đạt Phật pháp,

若不精進修學決定退墮。

nhược bất tinh tấn tu học quyết định thoái đọa 。

nếu không tinh tấn tu học thì chắc chắn bị đọa lạc.

又復思惟此身無強無常速朽之法四流浩渺。

hựu phục tư duy thử thân vô cường vô thường tốc hủ chi Pháp tứ lưu hạo miểu 。

Lại suy nghĩ thân này như bốn dòng nước mênh mông, là không có sức, là vô thường, nhanh chóng hoại diệt,

云何得度彼諸眾生。恒處此岸。汝等。今者受持妙法大船。

vân hà đắc độ bi chư chúng sanh 。

làm sao để độ các chúng sanh ở bờ bên này. Các ông nay phải thọ trì pháp vi diệu tức là thuyền lớn

運度一切眾生。過輪迴河至菩提岸。

vận độ nhất thiết chúng sanh 。

đề chờ tất cả chúng sanh vượt qua sông luân hồi đến bờ Bồ-đề

普光菩薩復白佛言。世尊。菩薩云何受持妙法大船。

phổ quang Bồ-tát phục bạch Phật ngôn 。

Bồ-tát Phổ Quang lại bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn! Bồ-tát làm thế nào để thọ trì thuyền pháp lớn vi diệu?

善男子。所有布施持戒忍辱慈心。所集無邊福德。

thiện nam tử 。 sở hữu bố thí trì giới nhẫn nhục từ tâm 。 sở tập vô biên phúc đức

。 Phật dạy: Thiện nam tử, chỗ có bố thí trì giới nhẫn nhục từ tâm, tích chứa phước đức vô biên,

起平等心莊嚴一切眾生。

khởi bình đẳng tâm trang nghiêm nhất thiết chúng sanh 。

khởi tâm bình đẳng mà trang nghiêm tất cả chúng sanh

於七菩提分善而不忘失。精進受持心生決定。

ư thất Bồ-đề phân thiện nhi bất vong thất 。 tinh tấn thọ trì tâm sanh quyết định

。 đối với đạo Thất Giác Chi không quên mất hay bỏ sót, phải tinh tấn thọ trì tâm sanh quyết định

以巧方便深達實相。以大悲心拔眾生苦。

dĩ xảo phương tiện thâm đạt thật tướng。 dĩ Đại bi tâm bạt chúng sanh khổ。

dùng phương tiện khéo léo mà thâm nhập thật tướng, dùng tâm đại bi mà cứu khổ cho chúng sanh

以四攝法護諸有情。以四無量饒益眾生。以四念處恒自思惟。

dĩ tứ nhiếp Pháp hộ chư hữu tình 。 dĩ tứ vô lượng nhiêu ích chúng sanh dĩ tứ niệm xử hằng tự tư duy 。

dùng Tứ Nhiếp Pháp để che chở chúng sanh, dùng Tứ Vô Lượng Tâm mà ích lợi cho chúng sanh, thường tư duy pháp Tứ Niệm Xứ,

以四正斷勤斷勤修。以四神足奮迅神通。

Dĩ tứ chánh đoạn tinh cần đoạn tinh cần tu。 dĩ tứ Thần túc phấn tấn Thần thông đối với pháp Tứ Chánh Cần siêng năng đoạn điều ác tu điều thiện, dùng pháp Tứ Thần Túc để phấn tấn thần thông

以其五根令生眾善。以其五力堅固不退。

dĩ kỳ ngũ căn lệnh sanh chúng thiện 。

dĩ kỳ ngũ lực kiên cố bất thoái 。

dùng pháp Ngũ Căn khiến sanh các điều lành, dùng pháp Ngũ lực kiên cố không thoái lui

以八聖道遠離魔怨不住邪道。

dĩ bát Thánh đạo viễn li ma oán bất trụ tà đạo 。

dùng pháp bát Chánh Đạo để xa lìa ma oán, không trụ nơi tà đạo

於奢摩他毘鉢舍那無相無著。菩薩令此廣大法行名聞十方。

ư xa ma tha tì bát xá na vô tướng Vô trụ 。

Bồ-tát lệnh thủ quảng Đại Pháp hành Danh-Văn thập phương 。

đối với pháp Chi và Quán thì không đắm trước。 Bồ-tát thực hành pháp rộng lớn này thí danh vang khắp mười phương,

使諸眾生來入微妙。

sử chư chúng sanh lai nhập vi diệu 。

khiến các chúng sanh thâm nhập diệu pháp, 正法大船過彼生死四流大河。得至涅槃安樂彼岸。

chánh Pháp Đại thuyền quá bỉ sanh tử tứ lưu Đại hà 。

đắc chí Niết-bàn an lạc彼岸 。

thuyền lớn chánh pháp vượt qua bốn dòng sông sanh tử lớn mà đến bờ Niết-bàn an vui giải thoát。

得無所畏永離諸見。善男子。汝等當知。

đắc vô sở úy vĩnh ly chư kiến 。

thiện nam tử 。

nhữ đẳng đương tri 。

được sự không sợ hãi, xa lìa các tà kiến. Thiện nam tử, các ông phải biết,

如是菩薩以妙法大船經無量百千俱胝那由他劫。

như thị Bồ-tát dĩ diệu Pháp Đại thuyền Kinh vô lượng bách thiên câu chi na-do-tha kiếp 。

Bồ-tát dùng thuyền lớn diệu pháp trải qua vô lượng trăm ngàn Câu chi na do tha kiếp

運度一切眾生。過彼四流大河不得疲苦。

vận độ nhất thiết chúng sanh 。

quá bi tứ lưu Đại hà bất đắc bì khổ 。

mà chờ tất cả chúng sanh vượt qua bốn dòng sông lớn sanh tử nhưng không có mệt

mỗi,

汝如是受持應如是住。

nhữ như thị thọ trì ứng như thị trụ 。

Các ông nên như vậy mà thọ trì, như vậy mà trụ.

佛告普光菩薩。汝今速運真實方便。

Phật cáo phổ quang Bồ-tát. nữ kim tốc vận chân thật phương tiện。

Phật bảo Bồ-tát Phổ Quang: Nay ông phải nhanh chóng dùng phương tiện chân thật,

起大悲心令一切眾生。心意清淨勇猛精進。

khởi Đại bi tâm lệnh nhất thiết chúng sanh 。

tâm ý thanh tịnh dũng mãnh tinh tấn

。

khởi tâm đại bi khiến tất cả chúng sanh có tâm ý thanh tịnh dũng mãnh tinh tấn

種諸善根令生不退。恒樂出家聞法無倦。

chủng chư thiện căn lệnh sanh bất thoái. hằng lạc xuất gia văn Pháp vô quyện 。

để gieo các căn lành khiến tăng trưởng không thoái lui, thường ưa xuất gia, nghe

pháp không mệt mỏi

植眾德本求最上道。圓滿智慧身心寂靜。

thực chúng đức bản cầu tối thượng đạo. viên mãn trí tuệ thân tâm tịch tĩnh。

gieo trồng cội đức cầu đạo tối thượng, viên mãn trí huệ thân tâm vắng lặng,

安處林野遠離惡友。於第一義明了通達。

an xứ lâm dã viễn li ác hữu 。

ư đệ nhất nghĩa minh liễu thông đạt 。

vui ở nơi trống vắng xa lìa bạn ác, thông đạt rõ ràng đệ nhất nghĩa lý

行正方便於真俗諦。理智無二平等一空息諸妄念。善男子。

hành chánh phương tiện ư chân tục đế 。

lý trí vô nhị bình đẳng nhất không tức

chư vọng niệm 。

thực hành phương tiện chơn chánh đối với chơn đế và tục đế, lý và trí bình đẳng

không hai, dứt các vọng niệm. Thiện nam tử,

菩薩為諸有情應如是受持應如是住。

Bồ-tát vì chư hữu tình ứng như thị thọ trì ứng như thị trụ 。

Bồ-tát vì các chúng sanh nên như vậy mà thọ trì, như vậy mà trụ.

爾時尊者大迦葉聞是法已而白佛言。世尊。

nhĩ thời Tôn-Giả Đại ca diệp văn thị Pháp dĩ nhi bạch Phật ngôn. Thế tôn 。

Lúc bấy giờ tôn giả Đại Ca-diếp Phật  
Nghe pháp này rồi liền bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn!

如是大寶積正法。為求大乘者說昔未曾有。

như thị Đại Bảo Tích chánh Pháp 。

vì cầu Đại thừa giả thuyết tích vị tăng hữu 。

Chánh pháp Đại Bảo Tích này vì người cầu Đại Thừa mà giảng thuyết, thật là xưa nay chưa từng có.

世尊。若善男子善女人。於此大寶積正法。

Thế Tôn 。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. ư thủ Đại Bảo Tích chánh Pháp 。

Bạch Thế tôn, nếu thiện nam tử thiện nữ nhơn đối với chánh pháp Đại Bảo Tích này

受持解說一句一偈所得福德其義云何。

thọ trì giải thuyết nhất cú nhất kệ sở đắc phước đức kỳ nghĩa vân hà 。  
mà thọ trì giải nói một câu một bài kệ thì có phước đức như thế nào?

佛告迦葉。應如是知。若有善男子善女人。

Phật cáo ca diệp 。 ứng như thị tri 。 nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Phật dạy: Ca-diếp, phải biết như vậy, nếu thiện nam tử thiện nữ nhân

於此大寶積正法。受持一句一偈所得福德。

ư thử Đại Bảo Tích chánh Pháp。 thọ trì nhất cú nhất kệ sở đắc phước đức 。

善男子。

thiện nam tử。

Thiện nam tử

譬如有人以恒河沙數世界滿中七寶供養恒河沙等如來。

thí như hữu nhân dĩ hằng-hà sa-số thế giới mãn trung thất bảo cung dưỡng hằng hà  
sa đẳng Như Lai 。

Thí như có người dùng hết bảy báu trong hằng hà sa số thế giới để cúng dường  
hằng hà sa Như Lai.

每一一如來而各以一恒河沙數世界七寶布施。

mỗi nhất nhất như lai nhi các dĩ nhất hằng-hà sa-số thế giới thất bảo bố thí 。

Đối với mỗi Như Lai thì dùng bảy báu trong một hằng hà sa thế giới để cúng dường

又每一一如來各造一恒河沙佛寺精舍。

hựu mỗi nhất nhất như lai các tạo nhất hằng hà sa Phật tự Tịnh xá 。

đối với mỗi Như Lai lại tạo dựng một hằng hà sa tịnh xá

又一一如來各有無量聲聞之眾。

hựu nhất nhất như lai các hữu vô lượng thanh văn chi chúng 。

mỗi Như Lai có vô lượng chúng Thanh Văn,

以一切樂具經一恒河沙劫而以供養。又彼諸如來及聲聞弟子入涅槃後。

dĩ nhất thiết lạc cụ Kinh nhất hằng hà sa kiếp nhi dĩ cung dưỡng 。

hựu bi chu Như Lai cập thanh văn đệ-tử nhập Niết-bàn hậu 。

lại đem tất cả đồ dùng trải qua hằng hà sa kiếp để cúng dường. Lại nữa sau khi  
các Như Lai và chúng đệ tử Thanh Văn nhập Niết-bàn.

復以七寶各起塔廟。

phục dĩ thất bảo các khởi tháp miếu 。

Lại dùng bảy báu để xây tháp miếu

善男子如是福德無量無邊。

thiện nam tử như thị phước đức vô lượng vô biên 。

Thiện nam tử, như vậy có phước đức vô lượng vô biên

不如有人於此寶積正法受持解說一句一偈功德勝彼。

bất như hữu nhân ư thử Bảo Tích chánh Pháp thọ trì giải thuyết nhất cú nhất kệ  
công đức thắng bi 。

mà không bằng công đức của người thọ trì giải nói một câu một bài kệ Chánh pháp  
Bảo Tích này

若復有人為其父母解說此經。彼人命終不墮惡趣。其母後身轉成男子。

nhược phục hữu nhân vi kỳ phụ mẫu giải thuyết thử Kinh 。

bi nhân mạng chung bất đọa ác thú 。

kỳ mẫu hậu thân chuyển thành nam tử 。



Nếu lại có người vì cha mẹ mình mà giải nói kinh này, người ấy sau khi mạng chung sẽ không rơi vào đường ác, mẹ của người ấy về sau sẽ chuyển thân nữ thành thân nam.

佛言。所在之處。若復有人於此大寶積經典。

Phật ngôn 。 sở tại chi xứ 。 nhược phục hữu nhân ư thủ Đại Bảo Tích Kinh điển 。  
Phật lại dạy: Nếu lại có người đối với kinh điển Đại Bảo Tích này

書寫受持讀誦解說。而於此處一切世間。

thư tả thọ trì đọc tụng giải thuyết 。 nhi ư thủ xứ nhất thiết thế gian 。  
mà biên chép thọ trì đọc tụng giải nói. Thì ở chỗ này sẽ được tất cả thế gian  
天人阿修羅。恭敬供養如佛塔廟。

Thiên Nhơn A-tu-La 。 cung kính cung dưỡng như Phật tháp miếu 。  
Trời Người A-Tu-La cung kính cúng dường như tháp miếu của Phật.

若有法師聞此寶積正法經典。

nhược hữu Pháp sư văn thủ Bảo Tích chánh Pháp Kinh điển 。

Nếu có pháp sư nghe kinh điển Đại Bảo Tích này

發尊重心受持讀誦書寫供養。若有善男子善女人。

phát tôn trọng tâm thọ trì đọc tụng thư tả cung dưỡng 。 nhược hữu thiện nam tử  
Thiện Nữ Nhân 。

mà phát tâm cung kính thọ trì đọc tụng biên chép cúng dường, nếu lại có thiện  
nam tử thiện nữ nhân

於彼法師如佛供養。尊重恭敬頂禮讚歎。彼人現世佛與授記。

ư bỉ Pháp sư như Phật cung dưỡng。tôn trọng cung kính đảnh lễ tán thán。bỉ nhân  
hiện thế Phật dữ thọ kí

đối với pháp sư này mà cúng dường như Phật, tôn trọng cung kính đảnh lễ, thì  
người ấy hiện đời được Phật thọ ký

當得阿耨多羅三藐三菩提。

đương đắc a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề 。

sẽ đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Giác,

臨命終時得見如來。又彼法師復得十種身業清淨。何等為十。

lâm mạng chung thời đắc kiến Như Lai 。

hựu bỉ Pháp sư phục đắc thập chủng thân  
nghiệp thanh tịnh 。 hà đẳng vi thập 。

đến lúc sắp mạng chung được thấy đức Như Lai. Lsị nữa, vị pháp sư sẽ được mười  
thứ thân nghiệp thanh tịnh, những gì là mười?

一者臨命終時不受眾苦。

nhất giả lâm mạng chung thời bất thọ chúng khổ 。

một là lúc sắp mạng chung không có các sự khổ

二者眼識明朗不觀惡相。三者手臂安定不摸虛空。

nhị giả nhãn thức minh lãng bất đồ ác tướng 。

tam giả thủ tý an định bất mạo hư  
không 。

Hai là nhãn thức sáng rõ không thấy tướng ác. Ba là cánh tay an định không quờ  
quạng nơi hư không.

四者腳足安隱而不蹶踏。五者大小便利而不漏失。

tứ giả cước túc an ổn nhi bất xúc đạp 。

ngũ giả Đại tiểu tiện lợi nhi bất lậu  
thất 。

Bốn là bàn chân an ổn không gãy đạp. Năm là đại tiểu tiện không chảy ra

六者身體諸根而不臭穢。

lục giả thân thể chư căn nhi bất xú uế

Sáu là các căn thân thể nơi thân thể không hôi hám

七者腹腸宛然而不膨脹。八者舌相舒展而不彎縮。

thất giả phúc tràng uyển nhiên nhi bất bàng trưởng 。 bát giả thiết tướng thu triển nhi bất loạn súc 。

Bảy là bụng bình thường không phình trưởng. Tám là lưỡi duỗi ra không bị co rút  
九者眼目儼然而不醜惡。十者身雖入滅形色如生。

cửu giả nhân mục nghiễm nhiên nhi bất xú ác 。 thập giả thân tuy nhập diệt hình sắc như sanh 。

Chín là mắt nghiễm nhiên không dữ tợn. Mười là tuy thân đã chết mà hình sắc như còn sống

如是得此十種身業清淨。復有十種口業清淨。

như thị đắc thủ thập chủng thân nghiệp thanh tịnh 。 phục hữu thập chủng khẩu nghiệp thanh tịnh 。

Đó là mười thứ thân nghiệp thanh tịnh. Lại có mười thứ khẩu nghiệp thanh tịnh.何等為十。

hà đẳng vi thập 。

Những gì là mười

一者言音美好。二者所言慈善。

nhất giả ngôn âm mỹ hảo 。 nhị giả sở ngôn từ thiện 。

Một là có âm thanh tốt đẹp. Hai là lời nói hiền từ.

三者言說殊妙。四者言發愛語。五者其言柔軟。

tam giả ngôn thuyết thù diệu 。 tứ giả ngôn phát ái ngữ 。 ngũ giả kỳ ngôn nhu nhuyễn 。

Ba là lời nói vi diệu. Bốn là lời nói êm ái. Năm là lời nói nhẹ nhàng

六者所言誠諦。七者先言問訊。八者言堪聽受。

lục giả sở ngôn thành đế 。 thất giả tiên ngôn vấn tẩn 。 bát giả ngôn kham thính thọ 。

Sáu là lời nói thành thật. Bảy là luôn thăm hỏi trước. Tám là lời nói được người nghe theo.

九者天人愛樂。十者如佛說言。如是十種口業清淨。

cửu giả Thiên Nhơn ái lạc 。 thập giả như Phật thuyết ngôn 。 như thị thập chủng khẩu nghiệp thanh tịnh 。

Chín là trời người thương mến. Mười là có lời nói như Phật. Đó là mười thứ khẩu nghiệp thanh tịnh.

復有十種意業清淨。何等為十。

phục hữu thập chủng ý nghiệp thanh tịnh 。 hà đẳng vi thập 。

Lại có mười thứ ý nghiệp thanh tịnh. Những gì là mười?

一者意無瞋恚。二者不生嫉妬。

nhất giả ý vô sân khúê 。 nhị giả bất sanh tật đố 。

Một là ý không sân giận. Hai là không sanh tật đố

三者不自恃怙。四者無諸冤惱。五者離其過失。

tam giả bất tự thị hủ 。 tứ giả vô chu oan não 。 ngũ giả lý kỳ quá thất 。

Ba là không tự ý thế. Bốn là không có các oán hận. Năm là lìa các lỗi lầm

六者無顛倒想。七者無下劣想。八者無犯戒想。

lục giả vô điên đảo tưởng 。 thất giả vô hạ liệt tưởng 。 bát giả vô phạm giới tướng 。

Sáu là không có ý tưởng điên đảo. Bảy là không có ý tưởng thấp kém. Tám là không có ý tưởng phạm giới

九者正意繫心思惟佛土。

cửu giả chánh ý hệ tâm tư duy Phật thổ 。

Chín là chánh pháp chuyên tâm tư duy về cõi Phật

十者遠離我人得三摩地成就諸佛教法。如是得十種意業清淨。

thập giả viển li ngã nhân đắc Tam-ma-địa thành tựu chu Phật giáo Pháp 。 như thị  
đắc thập chủng ý nghiệp thanh tịnh 。

Mười là xa lìa nhân ngã, đắc Tam-ma-địa, thành tựu giáo pháp chu Phật.

我今於此而說頌曰。

ngã kim ư thù nhi thuyết tụng viết 。

Nay Ta tuyên thuyết bài kệ rằng:

臨終不受苦

lâm chung bất thọ khổ

Lâm chung không chịu khổ

手不摸虛空

thủ bất mạc hư không

Tay không sờ hư không

便利絕漏失

tiện lợi tuyệt lậu thất

Đại tiểu tiện không chảy

腹藏無降脹

phúc tạng vô bình trướng

Bụng không bị sinh trướng

眼目相儼然

nhãn mục tướng nghiêm nhiên

Mắt có tướng an nhiên

如是身十種

như thị thân thập chủng

Như vậy thân mười tướng

言音得美妙

ngôn âm đắc mỹ diệu

Có âm thanh tốt đẹp

所說自殊常

sở thuyết tự thù thường

Nói ra lời vi diệu

復有柔軟聲

phục hữu nhu nhuyễn thanh

Bởi lời nói nhẹ nhàng

方便能問訊

phương tiện năng vấn tán

Dùng phương tiện hỏi thăm

天龍眾亦欽

Thiên Long chúng diệc khâm

Trời rồng cũng cung kính

如是口十種

như thị khẩu thập chủng

Như vậy có mười thứ

心意雖曠恚

tâm ý tuy sân khúe

Tâm ý không sân giận

於自無恃怙

ư tự vô thị hỷ

Tự mình không cậy thế

得離眾過失

非見諸惡相

phi kiến chu ác tướng

Không thấy các tướng ác.

腳足無蹠踏

cước túc vô xúc đạp

Bàn chân không giày đạp .

身根不臭穢

thân căn bất xú uế

Thân căn không hôi hám

舌紅不彎縮

thiệt hồng bất loan súc

Lưỡi đỏ không co rút

命終顏不改

mạng chung nhan bất cải

Tuy chết sắc không đổi

福善清淨相

phúc thiện thanh tịnh tướng

Phước thiện và thanh tịnh

出語而慈善

xuất ngữ nhi từ thiện

lời nói lại hiền từ

發語人愛樂

phát ngữ nhân ái lạc

Được mọi người thương mến

所言而誠諦

sở ngôn nhi thành đế

Luôn nói lời chân thật

堪令人聽受

kham lệnh nhân thính thọ

Khiến ai cũng nghe theo

清響如佛語

thanh hưởng như Phật ngữ

Lời thanh tịnh như Phật

口業得清淨

khẩu nghiệp đắc thanh tịnh

Khẩu nghiệp được thanh tịnh

嫉妬而不生

tật đố nhi bất sanh

Cũng không sanh tật đố

冤惱亦自除

oan nảo diệc tự trừ

Trừ các sự oán hận

顛倒想不生

đắc lý chúng quá thất  
Lìa xa các lỗi lầm

不作於下劣  
bất tác ư hạ liệt  
Không khởi ý thấp hèn

正意而繫念  
chánh ý nhi hệ niệm  
Chánh ý và chuyên tâm

復得三摩地  
phục đắc Tam-ma-địa  
Đắc định Tam-ma-địa

如是意十種  
như thị ý thập chủng  
Như vậy có mười thứ

佛告大迦葉。若善男子善女人。

Phật cáo Đại ca diệp 。 nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Phật bảo Ca-diếp: Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhơn

汝等應以香花伎樂繪蓋幢幡飲食衣服一切樂具。

nhữ đẳng ứng dĩ hương hoa kỹ nhạc tăng cái tràng phiến âm thực y phục nhất thiết  
lạc cụ 。

thì nên dùng hương hoa kỹ nhạc lụa là tràng phan, thức ăn, áo quần, tất cả đồ  
dung,

供養此大寶積正法。志心歸命受持讀誦。

cung dưỡng thử Đại Bảo Tích chánh Pháp。 chí tâm quy mạng thọ trì đọc tụng 。

mà cúng dường Chánh pháp Đại Bảo Tích này, chí tâm quy y thọ trì đọc tụng。

所以者何。迦葉。如是一切諸佛如來應正等覺。

sở dĩ giả hà。 ca diệp 。

như thị nhất thiết chư Phật như lai ứng chánh đẳng giác  
Tại vì sao? Ca-diếp, bởi vì tất cả chư Phật Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác

皆從此出。應以最上供養而供養之。

giai tòng thử xuất 。

ứng dĩ tối thượng cung dưỡng nhi cung dưỡng chi 。

đều từ kinh này mà ra, nên dùng thứ cúng dường tối thượng để cúng dường。

佛說此經已。尊者大迦葉一心頂戴。

Phật thuyết thử Kinh dĩ 。

Tôn-Giả Đại ca diệp nhất tâm đỉnh đái 。

Phật thuyết kinh này rồi, tôn giả đại Ca-diếp nhất tâm lãnh thọ。

菩薩摩訶薩及諸比丘天龍藥叉乾闥婆阿修羅等一

Bồ-tát Ma-Ha tát cập chư bi khâu Thiên Long dược xoa Càn thất bà A-tu-La đẳng  
nhất  
Các Bồ-tát Ma-Ha Tát và các Tỷ-kheo, Trời, Người, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-  
la.v.v.

切大眾。皆大歡喜信受奉行。

thiết Đại chúng 。

giai Đại hoan hỷ tín thọ phụng hành 。

Tất cả đại chúng, đều hoan hỷ tín thọ phụng hành。

佛說大迦葉問大寶積正法經卷第五

Phật thuyết Đại ca diệp vấn Đại Bảo Tích chánh Pháp Kinh quyền đệ ngũ

Phật thuyết Kinh Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo Tích Chánh pháp - Quyền Thứ Năm。

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch  
Sun Apr 30 21:57:03 2006

=====